

CỬA THIÊN DÍNH BỤI

Huỳnh Trung Chánh

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

MỘT BƯỚC CHẶNG RỜI
KHẤU PHẬT TÂM XÀ
KHẢO
CỬA THIÊN DÍNH BỤI
TÂM THẦY
ĐIỆU MÚA LOÀI ONG
SEN TRẮNG
TIỀN NÀO CỦA NÀY

---o0o---

MỘT BƯỚC CHẶNG RỜI

Kỷ niệm ầu thời bỗng trải ra trước mắt Hồng Lãnh. Mới ngày nào, như thường lệ, nàng vẫn nằm khoanh trong lòng vú Năm thương yêu, thích thú thả hồn nhiên lưu theo những mẫu chuyện huyền hoặc về vùng Bảy Núi (1), quê hương kỳ bí của vú. Vú vừa xoa lưng Hồng Lãnh, vừa cất tiếng ru ngọt ngào:

À ơ!... Núi đá cheo leo...

Trâu trèo trâu trượt, ngựa trèo ngựa đổ...

Tiếc công anh lao khổ, tỵ cổ... chí kim,

Làm cho đá nổi rong chìm!

Muối chua, chanh mặn, mới tìm đặng em!...

Dù đang buồn ngủ "gục cần câu", Hồng Lãnh cũng ráng nhướn mắt nũng nịu:

- Núi gì mà ghê quá vậy vú?

- Ô! người ta ví von vậy thôi! chớ núi Sam mà cheo leo nguy hiểm chi đâu?

- Núi Sam? Tên nghe ngộ quá hén vú! Tại sao người ta gọi núi tên Sam vậy vú?

- Ô! Có thể vì hình dáng của núi tương tự như con sam, một chủng loại với loài cua, nhưng có cái đuôi dài bằng dị hợm. Sam không được ưa chuộng về khẩu vị, mà chỉ thường được nhắc nhở về đời sống lứa đôi của chúng. Sam sống thành cặp, sam đực bám sát lưng sam cái, khấn khít không rời nhau. Người ta có thành ngữ "đeo nhau như sam" là vì vậy. Người ta kể rằng, ngày xưa có chàng trai trẻ tên Thạch sống bình bồng trên giong Cửu Long bát ngát. Thạch tinh thông thủy tánh, bơi lội như rái nên có tục danh là "Nồi". Thạch Nồi bản chất hiền lành nên tuy phải lưới bắt tôm cá làm phương kế sinh nhai, nhưng anh ta chỉ bắt ít đủ cho nếp sống đạm bạc, chớ không hiểu sát bừa bãi. Thỉnh thoảng lưới được sam, Thạch thương giống vật đa tình lứa đôi mặn nồng nên thả đi và liền thoảng chúc cho chúng "yêu nhau đến răng long đầu bạc". Một hôm, đang thả thuyền trên sóng nước, chợt có làn gió lạnh lẽo khiến Thạch rùng mình rồi mê đi. Một quái nhân kỳ dị trôi lên mặt nước, tự xưng là thần núi Sam phán dạy: "Người thật thà trung hậu, lại biết thương đám con cháu nhà ta, nên ta mỗi mai cho người một cô vợ hiền thực". Dứt lời quái nhân biến mất. Tiếng sóng vỗ mạn thuyền thức tỉnh Thạch, và đúng lúc thuyền chàng lạc tay lái đâm ra giữa giong Hậu Giang cuộn cuộn, ngay điểm tiếp giáp với Vàm Nao. Vàm Nao nguyên là đoạn kinh ngắn nối liền sông Tiền và sông Hậu, lưu lượng nước từ hai giong sông này đổ vào ồ ạt khiến kinh khuyết lở biến thành to lớn như một nhánh Cửu Long nguyên thủy. Vào mùa nước đổ, sông Tiền, sông Hậu tranh đua mang nước về tràn ngập ruộng đồng, khiến cho giong nước tuôn chảy mạnh mẽ. Tại điểm giáp nước tại Vàm Nao và sông Hậu, đôi khi những luồng nước đối nghịch cấu tạo thành xoáy nước gây trở ngại việc chèo chống. Thạch vội bẻ lái cho ghe vào bờ thì chợt thấy một chiếc thuyền từ Vàm Nao phóng nhanh ra đến giữa giong sông Hậu rồi bị khựng lại, lao đao xoay theo xoáy nước không điều khiển được. Hai người chèo thuyền, có lẽ không mấy rành thủy tánh, mất bình tĩnh la hét ồm ồm, quật mái chéo lung tung làm cho thuyền chòng chành hơn. Từ trong mũi, hai người hành khách hoảng hốt cuống cuống, phóng chạy qua lại khiến thuyền nghiêng hẳn một bên, rồi lật

úp. Hai người bạn chèo bơi lội tương đối thành thạo, nhưng kinh hoàng giữa giòng Cửu Long mênh mông như biển cả nên họ chỉ tự cứu mình. Hai nạn nhân còn lại rơi vào tình trạng cực kỳ nguy hiểm. Người đàn ông cố gắng chập chững quờ quạng, nhưng có lẽ cũng không chống chỏi bao lâu. Người con gái trong cơn tuyệt vọng chỉ vớ cánh tay cầu cứu, rồi chìm lĩm. Không một chút do dự, Thạch phóng xuống nước, lặn sâu tận đáy cứu cô gái. Khi Thạch trôi lên, thì vừa thấy người đàn ông hơi sức cũng đã mòn mỏi, nên lại tìm phương tiếp ứng. Cứu hai người cùng một lúc là việc cực kỳ nguy hiểm, nhưng Thạch vốn thành danh với nghệ thuật nổi trên nước, nên hai tay cặp hai nạn nhân, mà vẫn còn đủ sức thả ngựa chậm chậm vào bờ. Tuy mệt lả, người đàn ông vẫn lo lắng cho sanh mạng cô con gái, đang thiêm thiếp như chẳng còn hơi thở, nên cố gắng năn nỉ Thạch chạy chữa. Không một chút chậm trễ, Thạch vác nạn nhân lên vai, đầu chúi xuống để xóc nước, đoạn hai tay từ từ ấn ngực và bụng nạn nhân, hầu giúp không khí dễ len vào buồng phổi. Nhờ vậy, gương mặt tím ngắt của cô gái bắt đầu có sinh khí, và lần lần tươi tỉnh. Yên tâm Thạch bắt đầu nhìn kỹ nạn nhân, rồi bất giác mặt mũi đỏ bừng, linh quỳnh lảng tránh xa xa. Thạch đã tự nhiên ôm ấp, đụng chạm vào thân thể người con gái đang xuân, nên nhột nhạt hổ thẹn, mà cũng vừa xúc cảm lâng lâng.

Trong câu chuyện, Thạch được biết người đàn ông là thương gia tại Châu Đốc, nhân chuyến đặt hàng tại chợ Thủ, họ Lâm đưa Minh Châu, cô con gái cùng về thăm quê ngoại tại cù lao Ông Chưởng. Chuyến về, khi thuyền đến Vàm Nao thì lâm nạn. Nhận thấy Thạch hiền lành khôi ngô, nhưt là mục kích cảnh Thạch ôm ấp, đụng chạm Minh Châu trong khi cứu chữa, Lâm Ông tự ý đề nghị gả con gái cho ân nhân. Niềm vui to lớn vụt đến khiến Thạch sững sốt tưởng chừng như đang cơn ảo mộng. Chàng véo tai, bứt tóc để tin chắc mình thức tỉnh, rồi mới lúng túng quì lạy tri ân nhạc phụ. Chàng cũng làm thâm cảm tạ vị thần Sam đã ngầm xe duyên cho mình. Sau đó, Thạch lo sắp xếp ghe thuyền để hộ tống nhạc phụ và người vợ tương lai về Châu Đốc. Năm ngày đi đường là thời gian thần tiên đã gắn chặt trái tim của đôi trẻ, nguyện yêu nhau keo sơn khắn khít đến bạc đầu. Về đến Lâm gia trang, Thạch bỗng cảm thấy bối rối trước cảnh giàu sang của gia đình bên vợ. Lâm Ông nghiêm nghị hẳn ra, rồi nhân danh lễ giáo, ông ngăn cấm đôi trẻ gần gũi thân mật. Sau đó, tuy Lâm Ông không hẳn phủ nhận lời hứa gả con, nhưng lại ra điều kiện bắt buộc Thạch phải "ở rể" đủ ba năm, thì mới được thỏa lòng. Lệ, theo đó những chàng trai nghèo, ở rể theo nghĩa làm mướn không công như một thứ quà xứng đáng để cưới vợ, không phải làm việc hiem hoi. Tuy nhiên, trường hợp ở rể này có lẽ chỉ là một cách hoãn binh. Trước kia, Lâm Ông, khi được Thạch cứu mạng, xúc động nhất thời đã

tự đề nghị gả con. Nay vụ thoát nạn người ngoại, ân tình giảm dần, lão mới khám phá rằng chàng rể không môn đăng hộ đối, bèn tìm phương cách kéo dài để chờ cơ hội xóa bỏ lời hứa. Thế là Lâm Ông tìm cách hành hạ Thạch, sao cho Thạch nản lòng tự ý bỏ cuộc. Minh Châu thương Thạch năn nỉ cha nhớ đến ân tình cũ, nhưng thái độ đó càng khiến Lâm Ông nổi cơn thịnh nộ, tìm cách mắng nhiếc chàng tàn nhẫn hơn mà thôi. Thấy rõ hoàn cảnh đó, Minh Châu xót xa mà chỉ biết khóc thầm. Phải kiên nhẫn chờ cơ hội thuận tiện, Lâm Ông vắng nhà, nàng mới gặp riêng được người yêu khóc lóc tỏ tình thương nhớ. Lòng sắc son của nàng là chất liệu giúp Thạch thêm sức chịu đựng với gian khổ đọa đầy. Gần hết hạn ba năm, mà Thạch vẫn kiên gan khiến Lâm Ông thất vọng mất bình tĩnh, bèn trơ tráo công khai trở mặt:

- Dù mi có làm rể đủ ba năm chẳng nữa, tao cũng không gả con Châu đâu! Rể của tao phải tài ba đức độ, chứ cái ngu vô tài vô tướng như mày, đừng hòng...

- Dạ thưa cha!

- Ai là cha con với mày!

- Xin Lâm Ông thương cho con nhờ. Con chỉ là kẻ sống trên sông nước, khả năng con chỉ liên quan đến nước, chứ con chẳng có tài cán chi đặc biệt cả.

Nghe nhắc đến nước, nghĩ là Thạch cố ý nhắc khéo ơn cứu tử, Lâm Ông vừa thẹn, vừa tức giận, gay gắt hét lên:

- Hừ! nổi trên nước thì tài cán đếch gì mà khoe khoang.

Đang cầm viên đá, Lâm Ông dằn mạnh xuống bàn, rồi chầm chọc:

- Hừ! khoe tài nổi trên nước, mà có đủ tài làm viên đá này nổi không? Làm được thì tao mới khâm phục!

Cục đá xanh dần giấy tròn cỡ miệng tô, tuy không dày lắm song cũng nặng trĩu, để nằm trên đất mềm còn lún xuống, hướng hồ thả trên nước. Thế nhưng, không biết suy nghĩ sao, Thạch cầm lấy viên đá, rồi chẳng chút phân vân, cương quyết hỏi:

- Thưa viên ngoại! nếu như con làm cho đá nổi được, viên ngoại có đồng ý gả Minh Châu cho con không?

- Tao hứa chắc đó!

Không ngờ lúc tức giận đưa ra điều kiện vô lý mà thằng nhỏ ngu đần lại sụp bẫy nhận chịu, Lâm Ông khoái chí thầm nghĩ: "Thế là nó sẽ mất vợ mà không thể hó hé gì được. Mình vừa khỏi thất hứa, vừa lời mấy năm làm việc không công của nó. Hên thật là hên!. Sợ Thạch đổi ý, Lâm Ông ngọt ngào dụ dỗ:

- Đúng vậy! đúng vậy! Con mà làm cho viên đá này nổi được thì ta gả con Minh Châu ngay mà không đòi hỏi một điều kiện nào khác cả. Ta thề là nếu ta trái lời thì cho Trời đánh ta đi!

- Vậy thì ngày mai, vào giờ Thìn, con sẽ ra sức làm cho đá nổi.

- Tốt lắm! ta banh mắt ra xem ngươi trở tài. Thành thì được vợ, còn thất bại thì ráng mà chịu, chớ đừng kêu ca là điều kiện khó khăn nhe!

Tin Thạch sẽ biểu diễn tài làm cho đá nổi như một điều kiện cưới vợ, trong phút chốc lan tràn cả thị trấn khiến mọi người xôn xao bàn tán. Kẻ trách họ Lâm lường lọc gian ác, người chê Thạch ngu si. Thế rồi, người người rủ rê nhau đến chứng kiến nội vụ. Đúng giờ thách đó, trước đám đông hiếu kỳ, Thạch nghiêm trang đặt viên đá trước mặt, đốt nhang khấn vái thần núi Sam, đoạn hai tay nâng viên đá đi đến bờ ao, long trọng đặt trên mặt nước. Viên đá chìm lĩm. Thật ra, không một ai ngạc nhiên trước kết quả đó, nhưng thương chàng trai khờ khạo, mọi người đồng "ò" lên tiếc rẻ. Rồi bỗng nhiên họ cùng "ò" lần nữa, âm thanh lần này đầy ngạc nhiên thích thú. Họ trở mắt bất động nhìn viên đá xanh xanh dưới đáy ao từ từ trôi lên mặt nước. Có tiếng ai la lớn:

- Trời ơi! lạ quá! đá nổi thật tình bà con ơi!

Thế rồi, dù trời mưa lất phất, người ta vẫn sững sờ ngó ngán đứng yên; kẻ vái Trời Phật linh thiêng, người quì lạy thần Sam cầu mưa. Lâm viên ngoại trơ mặt sượng sùng, dù vẫn muốn mưu đồ tráo trở nữa mà suy nghĩ mãi vẫn chưa tìm ra phương chước gỡ rối, đành lặng yên bực rức. Mưa bắt đầu nặng hạt, kẻ hiếu kỳ cuối cùng cũng lần lượt giải tán. Một làn sét sáng rực, tiếp theo là tiếng gầm long trời lở đất. Tiếng ai sợ hãi hét to: "Trời đánh! trời đánh!". Lâm viên ngoại lòng dạ gian ngoa, đang trù tính lặt lọng, bỗng nghe tiếng sấm sét mang tai. Nhớ đến lời thề độc địa của mình, Lâm viên ngoại cực kỳ kinh hãi, ôm lấy đầu lủi trồn rồi van vái: "Con xin giữ lời hứa gả con. Xin Trời Phật tha tội cho con...". Mưa như thác đổ xua đuổi mọi

kẻ bàng quan, để danh cho Thạch và Minh Châu một khoảng trời riêng tư ướn át, mà tràn đầy hạnh phúc.

Về sau, có kẻ nghi ngờ chuyện linh thiêng huyền bí. Họ cho rằng Thạch vốn thông thạo các giống thủy tộc, nên đã thoa viên đá một loại ngải độc tợ như giầy thuốc cá. Khi viên đá chìm xuống nước, chất thuốc bức bách đôi sam mà Thạch đã neo sẵn, phải trôi lên. Có những kẻ trông gà hóa cuốc, thấy lưng sam tưởng là đá nổi, cũng có kẻ biết sự thật nhưng ghét người gian ác, thương kẻ thật thà mà hùa theo. Kể ra thì cũng khó đoán quyết rõ rệt đâu là sự thật, chỉ biết chắc chắn là Thạch cưới được vợ, những bà mẹ quê lại có thêm câu ca dao "đá nổi rong chìm" để ru con, và núi Sam, bỗng được tin tưởng là vị thần tình yêu vĩnh cửu. Người ta cho rằng, những cặp tình nhân đưa nhau lên núi một lần, dù tình duyên trắc trở như thế nào, cuối cùng cũng đoàn tụ nhau, dính liền như đôi sam trong sóng nước.

Mẫu chuyện hoang đường trên, Hồng Lãnh đã yêu cầu vú kẻ hàng trăm lần mà lần nào nghe cũng ngây ngất say mê. Có lẽ đó là lý do thầm kín khiến Hồng Lãnh cảm thấy thương yêu, nhưng nhớ mảnh quê hương núi non kỳ bí chưa một lần thăm viếng này. Do đó, ngay khi phụ thân, Khâm Sai đại thần họ Nguyễn, lập tổng hành dinh tại Châu Đốc, Hồng Lãnh đã năn nỉ xin được tháp tùng theo. Ngắm nhìn ngọn núi Sam hiền lành ẩn hiện xa xa, Hồng Lãnh liền khám phá rằng nàng đã quen thuộc núi tự kiếp nào. Ngọn núi hàm ẩn một sợi dây liên hệ buộc ràng có khả năng thu hút lạ thường, khiến nàng khao khát muốn đặt ngay bước chân lên núi. Chương trình đi núi liền được phát họa, theo đó, vú sẽ hướng dẫn Hồng Lãnh thăm miếu Bà Chúa Xứ, chiêm bái Tây An tự, rồi nếu thích sẽ trèo lên tận đỉnh để ngoạn cảnh. Miếu Bà Chúa Xứ tọa lạc dưới chân núi, hướng Tây Nam, là địa điểm lữ lượt kẻ sùng mộ ra vào. Tượng Bà bằng đá lớn như người thật, tạc chân dung một vị thần Bà la môn giáo, có thể xuất hiện từ thời Phù Nam quốc. Theo truyền thuyết, tượng Bà nguyên ở trên đỉnh núi, đã bị đội quân Xiêm La xâm lăng cướp đoạt định mang đi, nhưng vừa tới chân núi thì bọn chúng bỗng nhiên điên cuồng chém giết lẫn nhau chết cả. Yên giấc, dân làng tìm cách di chuyển tượng trở về vị trí cũ nhưng bất lực. Sau đó, bỗng Bà nhập vào một xác đồng, tự xưng là Bà Chúa Xứ đất này, dạy rằng phải chọn chín cô trinh nữ phụ trách mới xong. Đám trinh nữ di chuyển tượng nhe nhàng, nhưng đến địa điểm hiện tại thì tượng tự nhiên nặng trĩu. Dân làng tin tưởng Bà chọn chôn này nên vái lạy xin lập miếu phượng thờ. Từ đó, Bà ngày càng linh thiêng, không những phù hộ dân làng an cư lạc nghiệp, mà những khách hành hương từ phương xa đến cầu chi cũng linh ứng cả. Tiếng đồn lan rộng. Thế là, thiên hạ đua nhau trẩy hội Bà: quỳ lạy sơ sịa, cúng chút đỉnh tiền...

mà sẽ giàu to, mạnh khỏe, sống lâu, vinh hoa phú quý đủ thứ..., ai mà chẳng ham. Người ta vẽ ra lắm trò phục vụ cho nhu cầu tín ngưỡng lợi lạc này: nước tắm Bà là thuốc thánh trừ bá bệnh, y phục cũ của Bà được xé manh mún thành bùa hộ mạng, bùa trừ tà ma; vay tiền Bà làm ăn, xin xâm để cầu Bà đưa đường dẫn lối. Rồi người ta cũng nhân danh Bà cúng kiến, rượu thịt ê hề, để mặc sức thi đua nhau thù tạc. Vui thật là vui.

Nhận thấy không phù hợp với lẽ lối tín ngưỡng dễ dãi, hồi lộ thần thánh để xin xỏ lợi lộc công danh, Hồng Lãnh chỉ lưu lại Miếu Bà một thời gian ngắn, rồi trở về hướng Bắc leo lên triền đồi thoai thoải để viếng chùa Tây An. Tuy hai địa điểm cách nhau không xa, nhưng vừa qua cổng tam quan, khách cảm giác xóa bỏ ngay được dấu vết tín người nặng mùi xôi thịt ở dưới kia, để nhẹ nhàng tận hưởng bầu không khí trang nghiêm, thanh vắng và thoát tục tại đây. Đúng như Vú Năm cho biết, Chùa không hề quyên rũ khách thập phương bằng cách "hạ" Đức Phật xuống hàng thần thánh nhận lễ bái để ban phúc họa. Do đó, chùa không khuyến khích Phật tử cầu phước, cầu tự, không bày vẽ thẻ xâm cũng không phụ trách việc cúng sao giải hạn, mở bùa ngải chi cả. Phật tử đến chùa hầu được nhắc nhở tu tâm dưỡng tánh, nuôi dưỡng hạt giống từ bi trí tuệ mà thôi. Dù được tôn xưng là thánh địa, ngôi chùa cổ kính thể hiện lối kiến trúc giản dị, trang trí đơn sơ mà tràn đầy đạo vị, chớ không đồ sộ nguy nga như thường tình. Sắc thái đó có lẽ đã phản ảnh trung thực tinh thần khiêm cung, bình dị và nhập thế của thầy tổ ngày xưa. Tổ chẳng hề tự nhận là bậc cao tăng, mà khiêm cung xưng là kẻ khùng điên để len lỏi chung đụng với hạng cùng đinh hầu tìm phương giáo hóa họ. Tổ không chùa, không pháp danh, không một bộ y lành lặn..., giảng dạy giáo lý thực tiễn tầm thường như lánh ác hành thiện, hiếu nghĩa, thương yêu, nhưng đến nay ảnh hưởng của người vẫn bao trùm khắp miền Tây. Khi tổ dừng chân chùa Tây An, tín đồ lũ lượt kéo về quy ngưỡng. Họ đồng thỉnh nguyện tổ kiến thiết chùa thành chôn tòng lâm vĩ đại, nhưng tổ không đồng ý. Tổ tiện tận sử dụng tiền cúng dường, chỉ chi tiêu cho những công tác thật cần thiết. Tiền đủ dùng rồi thì tổ không nhận nữa, mà khuyến cáo Phật tử đem bố thí cho kẻ nghèo hèn. Theo tổ, "cúng dường chúng sanh, tức cúng dường Phật", đùm bọc kẻ rách rưới, che mưa đỡ nắng cho họ cũng có giá trị như xây chùa, tạc tượng dâng y. Khi liễu đạo, tổ dặn dò đệ tử bó chiếu xác người vùi dưới đất sơ sài, chớ không chấp nhận phung phí tiền xa hoa bừa bãi cho việc chôn cất rành rang. Trầm ngâm chiêm bái mộ của tổ, một vạt đất phẳng lì nhỏ bé (2), không bia, không nắm đất, không bình hương..., mà Hồng Lãnh xúc động rạt rào. Nàng có cảm giác là thấy rất rõ sự hiện hữu của tổ. Tổ vẫn còn lẩn khuất đâu đây, tổ đã và vẫn tiếp tục trao truyền đạo hạnh của người cho bao thế hệ Phật tử.

Từng bước chân an lạc, Hồng Lãnh đi theo con đường mòn lên đỉnh núi, con đường mà trước kia chắc hẳn tổ cũng đã đặt chân đi. Vú Năm, không bao giờ rời cô chủ quá ba bước, lẩn xăn chạy theo tíu tí:

- Cô nương nhìn lên đỉnh kia. Đám mây trắng bồng bênh trôi lãng đảng quanh ghềnh đá đẹp quá!

Đang thả hồn tưởng nhớ đến tổ xưa bị vú ngắt ngang nguồn tư tưởng, Hồng Lãnh phụ họa lấy lệ: "O! đẹp lắm!".

- Hay là mình lên đỉnh chơi cô nhé! Sẵn dịp cho tôi viếng thầy Huệ Cao một chút.

- Thôi! Con thích quanh quần gần chùa. Vú cứ tự nhiên đi một mình vậy.

Huệ Cao là pháp danh của người cháu gọi vú dì ruột. Khi vú về làm gia nhân cho gia đình Hồng Lãnh, người cháu mới mười tuổi. Không ngờ cách biệt nhau mười mấy năm mà nay người cháu đã trở thành tu sĩ khả kính. Nôn nóng gặp cháu, vừa đến chùa, vú vội phóng ngay vào bếp tìm các bà dọn hỏi, mới biết cháu tu trên núi. Tuy chưa gặp được Huệ Cao nhưng vú cũng mừng rỡ mang về mớ tin tức sốt dẻo. Vú hãnh diện tíu tí khoe vang: "Thầy Huệ Cao Phật học uyên thâm, đức độ hơn người. Thầy đã văn hay, chữ tốt mà lại còn đẹp trai nữa". Hồng Lãnh đoán rằng đẹp trai theo lối nhà quê, có lẽ mập mạp tròn trịa và phúc hậu vậy thôi. Từ lâu, bao nhiêu tình thương vú đều dồn cho Hồng Lãnh, nay vú lại lẩn xăn nhắc nhở cháu mãi, khiến nàng nảy sanh một chút ganh tị với người xa lạ. Do đó, tuy bảo vú lên đỉnh núi một mình, Hồng Lãnh nổi tính hiếu kỳ lẽo đẽo bước theo chân vú. Là một tiểu thơ đài các, đi mỗi bước đường đều có ngựa xe, võng kiệu nên tuy đường mòn núi Sam dễ đi, mà chỉ leo trèo một lúc Hồng Lãnh cũng mệt nhoài. Chân tay rã rời, mồ hôi nhỏ giọt, cổ khô, miệng đắng, đi hoài mà Hồng Lãnh vẫn chưa đến đỉnh. Tuy vậy, cuối cùng thì dây rầy xanh tươi cũng hiện ra. Vú thoăn thoắt bước về hướng am tranh dựa bên vách đá. Vừa gặp một chú tiểu đang sẵn sóc giầy bí rợ, vú xin ngay tí nước rồi đon đả trao cho Hồng Lãnh. Gáo nước lã tằm thơm ngon ngọt lạ lùng. Chất nước mát tận tạng phủ và dường như xua đuổi hết bao nỗi nhọc mệt ra ngoài. Xoay qua chú tiểu, vú hỏi:

- Thầy Huệ Cao có ở nơi này không chú?

- Dạ! sư huynh hiện đang sao chép thi kệ của tổ trong am. Chư huynh đệ trên núi chỉ lo rầy bái và tu tập nên không tiếp kiến khách thập phương. Xin thí chủ cảm phiền!

- Không! tôi là dì Năm của thầy! Tôi lên đây để thăm thầy mà! Rồi như sợ chú tiểu ngăn cản, dì Năm bưng bả đi một hơi đến cửa am, gọi lớn:

- Thầy Huệ Cao ơi! dì Năm đến thăm cháu nè!

Thế rồi vú khóc bù lu bù loa, kể lể bao nỗi nhớ niềm thương của bà qua tháng năm dài dằng dặc. Mím cười quan sát cử chỉ vú, Hồng Lãnh vô tình chạm nhìn người tu sĩ lạ, rồi bỗng giựt mình sững sốt. Nàng tuy dịu dàng khả ái nhưng lại ngấm ngầm cao ngạo, nên lâu nay đâu có bậc vương tôn công tử nào đáng để nàng bận tâm. Thế nhưng vừa gặp Huệ Cao nàng háo hức như tìm được người trong mộng. Quả nhiên, đúng như thiên hạ truyền tụng thầy thanh nhã và thoát tục. Ngoài ra, Hồng Lãnh còn cảm giác có cái gì quen thuộc, gần gũi, có niềm nhưng nhớ mông lung chôn kín trong đôi mắt sâu sâu trầm lặng đó, đã thật sự thu hút nàng. Trước người đó, Hồng Lãnh bỗng dung cảm thấy nàng yếu đuối, mỏng manh mong được chở che, nương tựa... để vĩnh viễn quấn quít bên nhau chẳng rời. Hồng Lãnh bước lần tới trước. May quá, vú sực nhớ và lên tiếng giới thiệu:

- Thầy ơi! Đây là cô tiểu thơ Hồng Lãnh, con gái cung của quan Khâm Sai Đại Thần.

Thầy quay lại, xá chào kính cẩn rồi thôi. Trong thâm tâm thầy, có lẽ công chúa, tiểu thơ hay một cô gái quê cục mịch cũng không có gì khác cả. Thầy trầm mặc lạnh lùng quá. Ôi cái trầm mặc lạnh lùng đáng yêu làm sao ấy!

Sau chuyến hành hương trở về, cô tiểu thơ nhí nhảnh yêu đời bỗng âm thầm câm nín với nỗi niềm riêng. Người con gái nét na, mà đi yêu thương một chàng trai lạ cũng xấu hổ rồi, huống chi nàng lại mê say nhà sư ngay khi vừa gặp gỡ. Càng suy nghĩ càng rối ren, càng hi vọng lại càng tuyệt vọng, nên Hồng Lãnh cứ héo hắt dần. Nhớ nhung da diết quá, Hồng Lãnh lại năn nỉ mẹ cho đi chơi núi. Chuẩn bị chuyến đi thì nàng vui tươi hứng thú, trở về nhà lại cũng ủ rũ héo hon. Tâm trạng đó không dấu nổi bà mẹ. Khâm Sai phu nhân dọa dẫm, tra hạch vú, rồi cuối cùng cũng khám phá được ẩn tình của cô con gái. Phu nhân tức thời cấm con ra khỏi nhà, đồng thời thổ lộ nội vụ cho chồng để có biện pháp ngay với tên gian đạo sĩ đã dám dùng loại bùa ngải tà đạo nào mê hoặc con bà. Quan Khâm Sai nổi giận khiển trách viên tri huyện Châu Đốc đã để cho bọn gian sư lộng hành. Quan không muốn thấy bọn đó

lãng vãng chốn này nữa. Việc loại trừ vài tên thầy chùa đâu có khó khăn gì đối với viên tri huyện, chuyện bợ đỡ thượng cấp. Chưa có bằng chứng thì quan tạo ra bằng chứng. Chỉ cần giải thích rộng chữ "Tây" trong Tây An tự liên hệ với Tây Sơn, thì gán cho bọn thầy chùa Tây An tội gì chẳng được. Thế rồi thầy trụ trì Tâm Thành cùng đám đệ tử đều bị giam giữ để điều tra. Trong chốn lao lung, trình độ tu chứng mỗi người đều bộc lộ rõ rệt, không che dấu ai được. Lắm kẻ đã để lộ chân tướng đạo đức giả hiệu. Sư phụ Tâm Thành vẫn ung dung tự tại, biến tù ngục thành một đạo tràng và vẫn tiếp tục hành đạo như không có việc gì xảy ra. Huệ Cao tuy không lo âu sợ hãi, nhưng tâm vẫn ái náy không yên, tự nghĩ do lỗi mình mà cả chùa lâm nạn. Sư phụ giữ Huệ Cao bên cạnh đặc biệt dạy dỗ, mừng tượng như là sắp giã biệt hay giây phút trôi trăn. Bị giam giữ đúng một tuần, trong đêm tam tối thỉnh linh bọn lính mở cửa ngục tràn vào bắt thầy dẫn đi. Thầy sẽ bị thủ tiêu chẳng? Các huynh đệ xông xao lo lắng. Sư phụ Tâm Thành bình thản dặn dò:

- "Tùy duyên tiêu cự nghiệp

Nhậm vận trước xiêm y". (3)

Huệ Cao ngạc nhiên tột độ trước thái độ hòa nhã khác thường của bọn lính. Chúng lại ân cần mời chàng lên ngựa đưa đến tư dinh quan Khâm Sai. Dì Năm đón thầy tận cổng ngoài, khóc lóc kể lẽ nguồn cơn. Hồng Lãnh vốn đã gầy gò yếu đuối, khi bị mẹ cha ngăn cấm chuyện tình yêu liền bắt đầu ngã bệnh. Phu nhân cuống quýt mời lương y chữa trị nhưng bệnh tình ngày càng trầm trọng. Khi nàng được vú rí tai hung tin của Tây An tự mà vú vừa nghe ngóng được, thì nàng khóc nức nở, rồi bất tỉnh. Chạy miệng đổ sấm, kêu réo mãi thì hơi thở yếu ớt phục hồi, nhưng thần trí nàng vẫn mê mang. Thỉnh thoảng nàng thều thào gọi tên thầy Huệ Cao, mà nước mắt chảy dài. Thương con quá, phu nhân đành nhượng bộ, cho đòi Huệ Cao đến, hi vọng mạng sống của con may ra được cứu vãn. Thầy Huệ Cao tần ngần đứng bên giường bệnh. Tình trạng của Hồng Lãnh đã nguy kịch. Nhìn người con gái thêm thiếp bất động, hơi thở yếu ớt và đứt khoảng tưởng như sắp lìa đời thầy Huệ Cao cực kỳ xúc động. Thầy gọi nhỏ "Cô Hồng Lãnh! cô Hồng Lãnh!". Nước mắt thầy chảy dài, rơi trên gương mặt xanh xao của nàng. Không biết có phải nhờ những giọt nước mắt màu nhiệm mà thân xác bất động của nàng dường như đã bắt đầu có sinh khí. Đôi mắt dờ dẫn từ từ hé mở. Mừng rỡ, vú hô thúc:

- Thầy lên tiếng mau đi!

- Cô Hồng Lãnh! Cô Hồng Lãnh! Tôi là Huệ Cao. Tôi đến thăm cô đây!

Gương mặt khô héo của nàng tươi tắn hẳn. Thời gian trôi thật chậm trong sự khoắc khoải đợi chờ của mọi người. Bỗng Hồng Lãnh chớp mắt đôi môi, loáng nhoáng tiếng còi, tiếng máy nên thầy Huệ Cao phải kè sát để nghe cho rõ.

- Thầy hứa ở bên Hồng Lãnh hoài ghen thầy!

Thầy Huệ Cao thật khó xử. Trước mạng sống của cô gái, mong manh như "chỉ mảnh treo chuông", thầy không thể nhẫn tâm khước từ, dù biết hậu quả lời hứa thật khó ước lường. Thầy vốn điềm tĩnh và dứt khoát, nên chững chạc đáp ngay:

- Xin cô Hồng Lãnh yên tâm. Tôi sẽ không xa cô đâu.

Lời hứa đó công hiệu như toa thuốc thần giúp Hồng Lãnh khôi phục sức khỏe nhanh chóng. Khâm Sai và phu nhân mừng rỡ, thay đổi hẳn thái độ, một mặt khuyên nhủ thầy Huệ Cao sớm hoàn tục, mặt khác cử người thỉnh sư phụ Tâm Thành đến để thương lượng việc hôn nhân. Thầy Huệ Cao vô cùng bối rối. Thầy hứa hẹn nhân lúc cấp thiết cứu người chớ không mảy may có ý định hoàn tục. Thầy hi vọng giải pháp lý tưởng theo đó Hồng Lãnh cứ vào chùa ở, rồi mạnh ai nấy tu. Nhưng suy nghĩ cặn kẽ, thầy thấy có điều không ổn. Trước thái độ si tình cuồng nhiệt của Hồng Lãnh, năm tháng dài gần gũi bên nhau liệu tâm thầy có còn bền vững không? mà dù tâm không vọng động thì làm sao tránh khỏi bị miệng thế dèm pha, gây tai tiếng chốn thiên môn. Bỗng dưng thầy nhớ đến lời dặn dò của sư phụ, thầy thâm nghĩ kẻ tu hành phải tùy nghiệp duyên của mình mà tu tập, nếu phải mặc áo trắng hay y vàng thì cũng nương theo vận số, không có gì phải cố chấp. Do đó, cuối cùng thầy đồng ý hoàn tục cưới Hồng Lãnh miễn nàng chấp nhận rời bỏ chốn quyền quý để sống đời dân dã theo chồng.

Sau lễ cưới một thời gian ngắn, Huệ Cao chuẩn bị đưa vợ ra đi. Thương con Khâm Sai và phu nhân chỉ biết chu cấp con vàng bạc kèm theo đám gia nhân hầu hạ, nhưng tuân ý chồng Hồng Lãnh chỉ chọn Vú Năm đi theo mà thôi. Huệ Cao đích thân chèo ghe chở vợ và vú xuôi theo giòng sông Hậu, như một gia đình nghèo nàn lưu lạc tìm chốn định cư. Chàng cho thuyền rẽ theo kinh Vàm Nao đến sông Tiền, đoạn theo tả ngạn sông vượt qua khúc cù lao Giêng vào xóm Mỹ Trà hoang vắng thì dừng lại. Cặp vợ chồng son trẻ Hai Cao bắt đầu dựng nghiệp. Dùng chút vốn liếng của vợ, Hai Cao huy động được một số dân đinh để khai phá rừng hoang cày ruộng. Nhờ những năm

trúng mùa liên tiếp, chú Hai Cao đã bành trướng diện tích khẩn hoang chạy dài từ Phong Mỹ cho đến Cần Lộ. Thế rồi ông chủ điền nhân đức tụ tập dân chúng về sinh sống. Ông chia đất cho dân cày cấy không lấy địa tô cũng không đòi hỏi điều kiện nào khác, nhưng số đông cũng biết tự nguyện góp nhân lực, vật lực với ông trong những công tác từ thiện. Ông cũng chu cấp tiền bạc để đài thọ cho lương y ở thường trực trong vùng săn sóc sức khỏe dân chúng, mời thầy đồ về dạy học cho trẻ con. Ông lại dựng một trại cứu tế tại Xếp để nuôi dưỡng những kẻ tật nguyên, già cả, thiếu thân nhân chăm sóc. Ngoài ra, một khu chợ cũng được khai sanh dựa bên rạch Mỹ Trà hầu dân chúng có nơi bán buôn đổi chác. Nhờ thiện chí của ông Hai Cao, chỉ trong vòng mười năm vùng đất hoang vu muối mông ngày trước đã biến thành sung túc, thịnh vượng khác thường. Vợ chồng hiếm hoi, nhưng ông Hai không bao giờ phiền muộn gì về điều này, vì ông bà đã có đám con nuôi đến mười hai đứa. Chúng ngoan ngoãn, dễ dạy và rất hiếu thảo. Chuyện xin con nuôi của ông Hai cũng có nét đặc biệt. Có lần đi đến Doi Lửa (4), Cù Lao Tây, gặp thằng bé khôi ngô lỗ tai chảy mủ đau nhức mà cha mẹ nó lơ là, ông thương nên săn sóc rồi tìm thầy chữa trị. Thấy đứa bé quyen luyến ông xin làm dưỡng tử, đặt tên là Vô Minh. Lần khác đến tỉnh Long Hồ, gặp hai đứa bé trai song sinh câm và điếc, bị mẹ cha ruồng rẫy, anh em hiệp đáp nên ông xin về nuôi, đặt tên chúng là Hành và Thức. Về nhà ông tìm cách nói chuyện với chúng bằng phương pháp ra dấu tay. Ông chịu khó dạy dỗ và chăm sóc nên chúng rất hạnh phúc. Tiếng đồn ông thương yêu trẻ con tàn tật khiến kẻ lạ cũng mang con câm điếc tặng ông. Thét rồi (5), ở khắp ba tỉnh miền Tây, ai sanh con câm điếc cũng tìm đến ông trao của nợ. Do đó, mười hai cậu con trai của ông Hai, trừ thằng lớn nghễnh ngãng, đám em đều câm điếc.

Mùa hè năm Tân Tị, khi trời bỗng trở nên ngọt ngọt và độc địa. Nhiều người ngã bệnh, rồi bệnh dịch hạch bắt đầu tràn lan không cách gì chặn đứng được. Người bệnh nằm la liệt, kẻ chết không đủ người chôn cất. Tình trạng bi đát và tuyệt vọng. Thương dân, ông Hai buồn ray rức. Ông vò đầu bứt tóc, suy nghĩ bao nhiêu cách đối phó cũng vô hiệu. Bất ngờ, về khản trương biến mất, ông thanh thân lễ Phật rồi tụng một thời kinh đầy an lạc. Bà Hai theo dõi tâm tư chồng không phút giây lơ đãng. Ông lo lắng bà lo lắng theo, ông vui bà vui theo, ông thanh thân thì bà cũng nhẹ nhàng. Vợ chồng chung sống với nhau trên hai mươi năm, mà càng chung sống bà lại càng kính yêu ông bội phần. Bà kính yêu đạo đức, lối cư xử hòa ái, nhân nghĩa của ông đối với mọi người. Ông tử tế, nhỏ nhẹ với người, thì dĩ nhiên với bà lại càng ngọt ngào mềm mỏng. Ông thương yêu và hiểu biết, đối với trẻ con xa lạ còn nài nỉ đút cơm, o bế rửa ráy... vậy nếu có chiều chuộng vợ những nhẽo tí cho vui, thì đó cũng là việc thường tình.

Lễ Phật xong, ông Hai đến bên vợ, mặt hân hoan rạng rỡ:

- Bà à! đạo đức vô hành của người xưa bao la, nên ở chốn nào, dân chúng cũng nhờ đó được lợi lạc an cư...

- Dạ!

- Tôi nghĩ hồ thẹn cho mình! Mình đạo đức mỏng manh nên dân chúng xứ này hoạn nạn mà không phương cứu giúp!...

- Xin ông đừng nghĩ như vậy. Ông đạo đức, ông thánh thiện, ông không có gì để hổ thẹn!- bà bỗng lo lắng vu vơ, nên hơi cà lăm - Cái này! cái này! có lẽ tại nghiệp báo của họ thôi. Sức người làm sao cứu vãn nổi!

- Ô! chính vì nghĩ đến nghiệp báo như bà, nên khi tụng kinh tôi mới nguyện với Phật Trời xin được chết thay cho dân. Tội nghiệp của họ kiếp này hay kiếp trước, dù phải chịu quả báo đọa đầy ở địa ngục nào, tôi cũng xin gánh chịu thay họ.

Ngưng một lúc, nhìn bà đậm đà thương yêu, ông ngỏ lời già biệt:

- Xin bà bảo trọng!

- Ông à! - giọng của bà điềm tĩnh và chắc nịch - Ta như đôi sam, một bước chẳng rời. Nay ông quyết hành hạnh bố thí thân mạng thì tôi cũng noi gương ông để bố thí. Ông nguyện vào địa ngục chịu hình phạt thay người, thì tôi cũng theo ông hành hạnh nguyện đó.

Hai ông bà tương thông tình ý. Bà không hề ngăn cản ông bố thí, ông bao giờ chống đối bà bám theo. Hai ông bà sánh vai nhau bước ra cửa. Xa xa ngoài kia, mười hai đứa con nuôi tuân theo lời dặn của cha trước khi ông vào nhà lễ Phật, đã chuẩn bị xong hỏa đài. Ông Hai giải thích cho các con nội vụ, dặn dò chúng chung sống thương yêu, hòa thuận; đoạn ông nâng niu nựng từng đứa con, từ thằng trưởng Vô Minh, cho đến thằng út Lão Tử, rồi mới khoác tay từ biệt. Sau đó, đích thân ông Hai châm lửa, rồi nâng niu dìu đỡ bà cùng leo lên dàn hỏa.

Chứng kiến cảnh cha mẹ tự thiêu thân xác, đám con đau khổ tột cùng. Người con trưởng Vô Minh, đột nhiên quyết định kéo lôi cha mẹ ra khỏi vòng lửa đỏ, nhưng vừa dợm chạy thì đã trật chân té nằm dài. Khi Vô Minh ngẩng đầu nhìn kỹ, thì lạ chưa, trước mắt anh ta không phải là dàn hỏa, mà là ngọn

núi Bửu Long, với ngôi chùa Di Đà. Dưỡng phụ chàng là sư phụ Minh Huệ đang hướng dẫn mười hai đệ tử tu học. Bọn đệ tử thông minh tinh tấn khiến sư phụ vui lòng hả dạ. Bỗng sức khỏe sư phụ yếu dần, khiến sư bà Minh Hồng, sư muội đồng môn của sư phụ, trước nay ngụ tại chùa ni gần đó thỉnh thoảng đến thăm hỏi, đâm ra lo lắng. Nhận thấy bọn nam đệ tử vụng về cơm nước, sư bà đích thân lưu lại để tự tay săn sóc sư huynh. Có sư bà thì đám đệ tử càng lơ là, và điều đó khiến sư bà có lý do chính đáng ở hẳn chùa Di Đà. Thế rồi không một đệ tử nào được sư bà tin tưởng để chia sẻ việc chăm sóc thầy. Bà độc tài và độc quyền đảm trách mọi công việc, thậm chí có những thứ nên để bọn đàn ông lo lắng cho nhau, bà cũng bắt cần. Bọn đệ tử thấy bị sư bà gạt ra xa sư phụ, họ bắt đầu ganh tị và khó chịu. Thế rồi những tiếng xàm xì phát sinh. Từ những cử chỉ quá tự nhiên của sư bà, họ mở xẻ, diển dịch mãi, rồi bóp méo thêm bớt, cuối cùng trở thành những hành vi xấu xa, như nhóp. Người đại đệ tử không hề tham gia vào việc đàm tiếu thầy vì anh quan niệm kẻ tu hành, ngay đối với hành vi xấu xa của người cũng không lưu tâm, huống chi là bịa chuyện để nói xấu. Tuy nhiên, cũng hơi khó chịu sư bà, nên anh lại thích nghe kẻ khác nói bậy. Nguyên sư bà tuy thương kính sư huynh mà lòng không chút dâm tà, còn vị sư phụ tu hành chân chính, tâm đầu còn phân biệt nam nữ để vọng động như thường tình. Sư hiểu đám đệ tử dị nghị mà thấy không cần biện bạch. Tình trạng kéo dài khiến bọn đệ tử lần lượt bỏ đi. Sư Minh Huệ nương theo pháp môn Tịnh Độ, chí nguyện vãng sanh, nhưng đến lúc lâm chung nhìn vị sư muội héo gầy thân xác, vì mình phải khổ sở trăm chiều, lại chịu tiếng nhục như nên sinh lòng xúc động. Nhớ đám đệ tử bỏ đi, ông thương chúng và cũng tự trách mình đã thiếu tế hạnh, khiến cho bọn đệ tử mất phẩm tục hiểu lầm rồi tạo khẩu nghiệp thật là tai hại. Chút niệm tình vương vấn khiến thần thức của sư bỗng nặng trĩu nghiệp lực không vãng sanh được nữa để trầm luân ở chốn ta bà, tìm lại những mối dây oan nghiệp xưa mà rộng đường cứu độ.

Thoáng ảo ảnh tan dần. Khi Vô Minh tỉnh dậy, thì hỏa đàn gần rụi, tai chàng nghe tiếng đám em đang khóc lóc, kẻ lẻ thảm thiết. "Lạ thật! chúng nó đã hết tâm điếu rồi!...". Vô Minh thảm nhủ.

Có thể do một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay từ nguyện lực nhiệm mầu của bậc Bồ tát, mà sau khi ông bà Hai Cao tự thiêu, nạn dịch tức thời chấm dứt và cũng không hề đảo lại. Nhớ ơn hai ông bà - ông tên Cao, bà tên Lãnh - , người dân đã ghép tên ông bà thành địa danh đặt cho vùng đất này (6). Địa danh đó trở thành chánh thức khi người Pháp thành lập quận Cao Lãnh, đặt trực thuộc tỉnh Sa Đéc. Thời đệ nhất cộng hòa, Cao Lãnh được nâng thành tỉnh lỵ của tỉnh tân lập Phong Thạnh, sau đổi thành Kiến Phong, và ngày nay

là Đồng Tháp. Lịch sử đã bao lần đổi thay, nhưng lòng từ bi vô lượng của ông Cao bà Lãnh muôn đời vẫn còn đó, vẫn soi sáng cho thế hệ mai sau.

Tháng 12.1989

GHI CHÚ:

1. vùng Bảy núi: vùng Thất sơn (Châu Đốc)

2. Nhục thân của Phật Thầy Tây An được chôn sau chùa Tây An, vẫn không bia, nấm mộ, bình thường..., nhưng đệ tử đã làm một hàng rào khiên tôn quanh nơi chôn cất có lẽ để tránh bị siêu lạc hay thú rừng dày xéo. Và điều này, thật ra, cũng trái với di chí của Phật Thầy.

3. "Tùy duyên tiêu cự nghiệp

Nhậm vận trước xiêm y" (tổ Lâm Tế)

Việt dịch: "Tùy duyên tiêu nghiệp cũ

Hồn nhiên mặc áo xiêm" (H. T. Thanh Từ)

4. Doi lửa: địa điểm lịch sử tọa lạc tại phía Nam cù lao Tây, một trạm canh gác có nhiệm vụ đốt lửa báo động khi có giặc ngoại xâm.

5. Thét rồi: Người miền Nam dùng chữ thét rồi với nghĩa cuối cùng rồi, riết rồi nhưng còn hàm ẩn một chút thở than, một tiếng thở dài.

6. Ông Cao bà Lãnh là hai nhân vật lịch sử của thời khai quang lập ấp. Hạnh nguyện của hai ông bà vẫn được bao thế hệ nhắc nhở truyền tụng. Theo địa phương chí quận Cao Lãnh thì hai ông bà chủ chợ hiền đức, ông tên Cao, bà tên Lãnh, khi thấy nhân dân bị nạn dịch chết quá nhiều, nên khẩn nguyện với Phật Trời cho mình được chết thay. Khẩn xong hai ông bà treo cổ tự tử và liền ngay đó, bệnh dịch chấm dứt.

---o0o---

KHẨU PHẬT TÂM XÀ

Đời vô thường vô ngã

Người khẩu Phật tâm xà

Nhất Hạnh

Thím Bảy đảo qua lại bên quầy hàng bán mắm tôm chua mấy lượt mới cầm một hủ lên xăm xoi, rồi lại để xuống, lắc đầu than nhỏ: "Có mấy con tôm nhỏ hủ, mà mắc quá hè!". Tiếng than vô tình lọt tai bác Tám Cà-Mau, ông già gân gan ruột để ngoài da ồn ồn lên tiếng:

- Hứ! Cái thứ tép riu, tép bạc nhỏ nhít này mà thiên hạ đại ngôn gọi là mắm tôm, thiệt là khoác lác.

Đang đi chợ buổi chiều, khách cũng le hoe mà nghe nhắc đến con tép bạc, thím Bảy chợt nhớ đến câu hát ru em ngày xưa "Phiên chợ đông, con cá hồng anh chê lạt. Buổi chợ chiều con tép bạc anh khen ngon" nên vui miệng đáp theo điệu ấy:

- "Ồ Việt Nam, con tôm càng chê lạt. Đến sứ người, con tép bạc cũng khen ngon" mà bác.

- Cái gì xứ người thiếu thốn quý cho phải, chớ tép thì ở xứ Houseton này quá nhiều mà!

- Thừa bác! Tôm Houston thật bở lăm không làm mắm tôm được đâu. Cháu đã thử mấy lần đều thất bại. Tôm đỏ hấp dẫn, mà bã ra như bột vậy đó.

- Người ta làm mắm tép cầu kỳ như thế nào tôi không rõ, nhưng "nhận mắm tép" theo phương pháp quê mùa xứ Năm-Căn, Cà-Mau thì chắc như bấp, trăm lần không sai một.

Thím Bảy mừng rú lên:

- Bác Tám còn có nghề làm mắm, vậy mà con chưa biết?

- Xứ Năm-Căn tui, cá tôm lủ khủ ăn không hết thì phải làm mắm. Cá lóc, cá sặc, còng hay tép cũng mang ra nhận mắm ráo nạo hết. Trẻ nít còn biết làm mắm, làm khô, huống chi là tui!

- Vậy bác Tám dạy con nghen! Nhà con thích mắm lăm!

- Ô! Nè lại nhà bác lấy mấy hủ về ăn thử. Thích thì bác truyền nghề cho. Để ợt hà cháu!

Phương thức làm mắm tôm Năm-Căn giản dị đến nỗi thím Bảy tưởng mình nghe lầm. Tuân theo lời chỉ dẫn của bác Tám. Thím gò gẫm nhận thử hai hủ, rồi cứ ngay ngáy trong ngóng chờ đến ngày ăn thử. Thím nếm con tép, tự biết đã thành công nhưng thím vẫn chưa tin được khẩu vị của mình. Thế là thím thấp thỏm chờ đợi chú Bảy đi làm về, phải nghe được tiếng nói của ông xã thì mới chắc ăn. Thật ra chú Bảy là tay nịnh vợ có hạn, vợ nấu nướng món gì, ngon dở, cũng khen tùm lum hết. Biết rõ ruột gan ông chồng, nhưng thím Bảy vẫn vui sướng nghe mãi điệp khúc ngọt ngào đó.

Sống ở xứ người mà chú Bảy chỉ tương tự những thức ăn thuần túy Việt Nam. Thấy mắm mắt chú sáng lên. Chú chăm chỉ gắp một đĩa mắm tôm, kèm với đu đủ bào, rau thơm, giá sống., nhai chậm chậm. Con tôm chắc thịt, vị đậm đà, phản phát trọn vẹn chất mắm nguyên thủy, chớ không nhão nhẹt, chua òm, biến chất như các loại mua ở chợ. Chú chồm dậy nói lớn:

- Đúng rồi! Phải rồi! Đây chính là mắm Cỏ-Chiên, Trà-Vinh thuở nhỏ tôi đã ăn đó mà!

Chú nhai con mắm mà mắt cay cay, cảm giác như có cả mùi chuối chát, khế, ớt xoài, ớt lua., hương vị quê hương gần gũi mà cũng xa xôi diệu vợi biết là đường nào. Thấy rõ ruột gan ông chồng, thím Bảy phóng vù ra chợ, xách về mấy bao tôm, rồi ịch chuẩn bị "kỹ nghệ mắm tôm". Thế là bao nhiêu chai lọ trong nhà, thím tuông ra để nhận mắm hết. Rồi thím lại đem lọ, hủ lớn nhỏ ra phơi đầy cả sân trước. Mùi mắm có thoang thoang qua hàng xóm Hoa Kỳ thì họ ráng mà ngửi đỡ vậy. Phơi được vài nắng, những con tôm đã đỏ ao hấp dẫn. Thím Bảy bắt đầu lục lọi địa chỉ đám bạn bè thân cư ngụ ở vùng thiếu thôn thực phẩm Á Đông để nâng niu gói quà đượm tình quê hương mặn nồng, biểu họ.

Thông điệp "mắm" gửi đi một tuần lễ, thì thím Bảy lu bù nhận điện thoại khắp nơi. Trừ một thiếu số hội nhập trung thành với hamburger, hotdog xứ người lợt lạt, phần lớn đón nhận gói quà quý giá như đón nhận tình quê hương ruột thịt đậm đà. Có người xúc động cảm tạ thím Bảy đã khơi mở cho họ nhìn lại khung trời quê hương nhớ nhung thấm thiết. Tuy nhiên, "cú" điện thoại thím Bảy mong đợi từ Texarkana, tiểu bang Arkansas vẫn im hơi lặng tiếng. Lo lắng cho số phận hũ mắm gửi cho vợ chồng Mai và Ly bị thất lạc, thím Bảy bồn chồn liên lạc hỏi thăm. Vừa nghe tiếng "A lô" của Ly bên kia đầu giây, thím Bảy mừng rỡ tíu tít:

- A lô! Bích Ly đó hả! Ta nhớ bồ quá đi. Nè! Mùa lễ Tạ Ôn sắp tới, tụi này đi Hot Springs chơi, ghé rước bồ cùng đi nhe!
- Ồ! Thích lắm nhưng không biết anh Mai có bận gì không?
- Bồ có nhận được hũ mắm tôm chua mình gửi chưa?

Bích Ly chưa kịp trả lời, thì bỗng có tiếng Mai, trong đường dây điện thoại bắt song song, ào ào lên tiếng lẫn át giọng vợ:

- A lô! Chào chị Bảy. Hũ mắm tôm tới rồi. Cảm ơn chị nhe! Nhưng rất tiếc tụi này ăn chay trường rồi, chẳng dám phạm giới đâu?

Đang hí hửng với thành quả mắm tôm, yên chí cô bạn thân mê tít rồi năn nỉ mình truyền nghề, bất ngờ bị ông bạn nhắc nhở giới luật, khiến thím Bảy ngỡ ngàng "xiu" như bong bóng xì hơi, cụt hứng lúng búng cáo biệt.

Ông Mả Thành Mai là một đại nhân tại thị xã Texarkana. Sang Hoa Kỳ năm 1975, nhờ thông minh tài trí hơn người, khởi đầu từ một chân thợ kinh nghiệm yếu kém, chỉ mấy năm đã nghiêm nhiên được đề bạt thành quản lý tại công ty máy cày hiệu con ngựa bay. Địa vị vững vàng, lương bổng hậu, Mai tạo nhà, rồi sang một cửa tiệm hàng thực dụng tại một địa điểm đông khách giao cho vợ trông nom. Cơ hội liên hệ với giới địa ốc hé mở cho Mai thấy được viễn ảnh huy hoàng của dịch vụ buôn bán nhà cửa, nên Mai liền hành thêm nghề tay trái này. Đúng là Việt kiều đồ xô về định cư tại Hoa Kỳ, rồi họ lại tranh đua nhau tạo hoạt động xã hội, đóng góp cho cộng đồng người Việt tại xứ người. Mai thành lập vận động Hội người Việt rồi chễm chệ giữ chức vụ chủ tịch. Tiến xa hơn nữa, Mai hô hào đồng bào Phật tử đóng góp công của để xây dựng chùa, dĩ nhiên địa vị Hội Trưởng do Mai gánh vác. Thành thật mà nói, Mai đã hy sinh rất nhiều. Đóng góp công của cho Hội khá rộng rãi. Tuy vậy, cũng có kẻ ganh tị xuyên tạc rằng Mai hoạt động xã hội có hậu ý. Mai lợi dụng địa vị để quảng cáo hữu hiệu cho nghề dịch vụ địa ốc, lại vừa có môi trường lý tưởng mà khoa trương đạo đức, biểu diễn tu hành để lòe đời. Nhờ tài tháo vát của Mai, Hội tậu được một ngôi giáo đường cũ kỹ bỏ hoang với giá rẻ mạt, để cải biến thành chùa. Rồi Mai cũng đích thân dò la những vị chân tu, thỉnh về trụ trì. Vị trụ trì đầu tiên chỉ lưu lại hơn sáu tháng rồi âm thầm ra đi. Những vị kế tiếp cũng lâm vào trạng huống tương tự: trọng vọng triệu thỉnh rồi cũng cuống gói ra đi không kèn không trống. Điều "tréo căng ngỗng" là thoát mới đến, Tăng sĩ nào cũng được đích thân ông Hội Trưởng ca ngợi tôn sùng, mà chỉ mới mấy tháng sau, đã bị ông nặng lời chỉ trích là hạng dốt nát, vụng về, đạo hạnh cạn cợt. Họ tự ý rời chùa cũng là điều hay, tránh cho ông Hội Trưởng khỏi phải

nhọc lòng xua đuổi. Mai thường thở than rằng đã đến thời mạt pháp nên đạo đức suy đồi, bậc chân tu thiếu vắng. Trên đời này, ngoài vị Hòa Thượng hiện vẫn mở đạo tràng phát huy thiên tông tại Việt Nam, không tu sĩ nào đáng để Mai kính phục cả. Đúng ra, có lẽ Mai chưa thật sự gần gũi Hòa Thượng, nếu không e rằng Mai cũng đổi thay nhận định mà thôi. Chẳng qua Mai vốn là người "quá ưu tư" cho đạo đức kẻ khác, lúc nào Mai cũng lo lắng soi bói hành vi thiên hạ để chỉ trích hay nhắc nhở họ tu hành. Đối với tu sĩ thì dĩ nhiên Mai còn phải canh chừng họ nghiêm ngặt hơn nữa. Mai thấp thỏm lo quý thầy bị quỵên rũ hư hỏng, nên Mai phải kiểm soát rình rập từng li, từng tí không khác gì mẹ chồng soi bói nàng dâu, để mà sửa sai và nhắc nhở chuyên cần tu tập. Mai cũng quan tâm đến sự giao thiệp của thầy. Để ngăn chặn những thành phần mà Mai gán là khả nghi, nguy hiểm lung lạc thầy, Mai tự nhận có trách nhiệm kiểm soát cả việc đi đứng, diện đàm nữa. Mai cũng sắp xếp quán xuyến mọi việc trong ngoài, nhất là việc tài chánh: thu xuất, thùng phước sương., hầu dành trọn vẹn thời giờ cho thầy chuyên tâm tu tập. Tâm tâm của Mai bắt quá là chỉ mong cầu một vị chân tu theo nghĩa là một ông từ giữ chùa, chỉ biết tụng kinh gõ mõ, biết vâng lời và dành trọn quyền cho ông Hội Trưởng tự tung, tự tác thao túng mọi việc. Ôi! Ông Hội Trưởng suốt đời cứ quay quần bận rộn nói chuyện tu, lo lắng dặn dò người khác tu, đến nỗi phần mình không còn chút thời giờ thực sự tu tập, lòng hy sinh của người quá u cao cả.

Không có sự trụ trì thì ông Hội Trưởng đành đảm trách việc lãnh đạo tinh thần cho đồng bào Phật tử vậy. Ông cũng long trọng chủ lễ và giảng đường thuyết pháp mỗi tháng một lần. Ông soạn bài pháp nội dung đầy đầy giáo lý thượng thừa siêu đẳng. Ông cũng hùng biện và giỏi đóng kịch, nên điệu bộ khá hấp dẫn và nhờ vậy buổi thuyết pháp có mời thành công.

Tháng trước, Mai diễn giải đề tài "Lợi ích của sự ăn chay". Đề tài tầm thường và khô khan, nhưng Mai đã khéo léo trình bày vấn đề từ khoa dinh dưỡng, rồi mới sang lãnh vực tôn giáo. Dựa vào giới cấm sát sanh, thuyết quả báo luân hồi, Mai đã vạch rõ được ăn chay là bước căn bản tu tập của người Phật tử biết nuôi dưỡng hạt giống từ bi và bình đẳng. Cuối cùng dùng duy thức học, Mai nhấn mạnh rằng cộng nghiệp sát sanh đã đưa thế giới lâm vào cảnh chiến tranh tương tàn. Nếu chúng sanh bỏ được nghiệp sát, đương nhiên thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Diễn giả chấm dứt bằng mấy vâng thơ:

Chúng sanh không nghiệp sát
Thế giới hết chiến chinh

Dân gian đồng tu niệm
Lo chi chẳng hòa bình?

Bài thuyết giảng thành công vượt bậc, khiến ông Hội Trường hùng chí "thừa thắng xông lên", khuyên mọi người thực hành ăn chay, rồi tuyên bố, vợ chồng ông đã cương quyết ăn chay trường để làm gương cho hội viên.

Sự kiện ông bà Hội Trường ăn chay trường là một biến cố trọng đại, đáng lẽ ai cũng phải biết. Thế mà thím Bảy Houston lại "ù ù cạc cạc" gọi biểu mẫu tôm thật là quá tệ. Ông Hội Trường giận "quạt" cho mấy câu "tịt ngòi" là phải lắm rồi. Lái xe đưa vợ con đi chùa, mà lòng ông phoi phới nhủ thầm: "Phen này nhờ cái miệng phát thanh ồn ào của mụ Bảy rồi đây cả thành phố Houston sẽ đón nhận tin mình ăn chay trường để mà cuối đầu khâm phục".

Hôm nay, ông Hội Trường lại đăng đường thuyết pháp đề tài "Đạo Phật trong đời sống gia đình". Mở đầu bài thuyết giảng ông Hội Trường trình bày rằng đạo Phật không phải là một mớ giáo lý cứng ngắc để tính đồ đọc tụng như con vẹt, mà bao gồm những giáo lý sống động hầu người Phật tử thực hành, ban vui cứu khổ muôn loài nói chung, và tạo hạnh phúc gia đình nói riêng. Kế đó trong phần nội dung, ông Hội Trường đã su tâm tỉ mỉ Phật ngôn trong tam tạng kinh điển liên hệ đến tình nghĩa, bổn phận vợ chồng, để đúc kết thành một Phật tử hoàn mỹ. Và sau cùng ông Hội Trường hùng hồn kết luận:

- Để chấm dứt, tôi xin trao truyền quý vị một kinh nghiệm bản thân như một cẩm nang quý giá trong việc tạo dựng hạnh phúc gia đình. Người Phật tử chỉ cần thực thi giáo lý "chúng sanh là Phật sẽ thành", ý thức rằng vợ chồng mình là vị Phật tương lai là đủ. Tâm tâm niệm niệm được điều đó thì vợ chồng chắc chắn phải tương kính nhau, thương yêu nhau hơn bao giờ hết. Bởi lẽ, có ai mà lại có thể càu nhàu, gây gổ, nặng lời chưởi bới, hay đánh đập một Đức Phật vị lai bao giờ. Chiều nay, đi về nhà, quý vị hãy triệu mền chiêm ngưỡng dung nhan của nhau thật lâu để ý thức rõ rệt rằng đây chính là vị Phật mà ta đã có diễm phúc kề cận, chia ngọt xẻ bùi., nhưng ta lại hồ đồ lãng quên điều đó. Rồi quý vị cứ để tự nhiên cho hạnh phúc tràn ngập lòng mình.

Bích Ly ngồi ở hàng thính giả mê say nghiên ngẫm từng lời châu ngọc của lang quân. Chồng bà tài ba quá! Hùng biện quá! Bích Ly khâm phục biết là dường nào. Ngắm nhìn đám thính giả lắng nghe rồi vỗ tay đôm đốp, Bích Ly vui sướng hả hê. Đúng lúc đó, ông Lê Hà, ngồi cạnh lại cất lời khen

ngợi:

- Ông nhà thuyết giảng hấp dẫn vô cùng!

Bích Ly khoái chí cười toe toe toét, hãnh diện đáp:

- Dạ! Anh ấy Phật Pháp cao siêu lắm đó!

- À! Tiệm thực dụng của ông bà buôn bán có khá không ạ?

- Dạ! Tương đối khá, nhưng cũng cực lắm!

- Tôi cũng có ý sang tiệm. Có thể nào bà cho phép tôi đến tiệm quan sát học nghề được không ạ?

- Ô! Có trở ngại chi đâu! Xin mời ông tùy tiện ghé chơi lúc nào mà chẳng được.

Bích Ly tiếp tục ôm ấp niềm hạnh phúc tuyệt vời về nhà. Nàng chiêm ngưỡng chồng con, những vị Phật quý báu của nàng, để thâm nhủ rằng những sự hy sinh khổ lụy cho chồng con thật là xứng đáng.

Lu bu với tiệm thực dụng mỗi ngày 12 giờ, đầu tắt mặt tối suốt tuần, Bích Ly chỉ có thể dành ngày Chúa Nhật cho chồng con, vì thế thời gian trong ngày vô cùng quý giá. Bích Ly vội vã phóng ngay ra chợ, chuẩn bị cho hai bữa ăn mặn duy nhất hợp mặt cả gia đình trong tuần. Sau khi quyết định ăn chay trường mấy ngày, thương đám con ăn uống thất thường, Mai hy sinh chọn ngày Chúa Nhật ăn uống vui vẻ với con. Bích Ly lăng xăng chọn lựa thức ăn. Nàng thoát nghĩ đến món mắm tôm chua giản dị nhanh chóng cho bữa ăn trưa, nhưng nhớ đến vẻ mặt kém vui của chồng khi trả lời chị Bảy, nên đành nhin thềm đổi ra món thịt quay. Sau đó, nàng mua đầy đủ thức ăn lắm cẩm dành cho nồi bún bò Huế thịnh soạn buổi chiều. Tính tiền xong, Bích Ly lật đật chạy rút về nhà, tắt cả soạn ngay mâm cơm trưa, rồi hối thúc con thưa thỉnh lang quân dùng bữa. Chẽm chệ ngồi vào bàn, Mai trở mắt nhìn đĩa thịt heo quay, thức ăn mà chàng mới dùng tại tiệm cơm Tàu ngày hôm qua đã ngán ngẫm, nên lời lẽ cộc lốc kém vui:

- Sao hủ mắm tôm lại không ăn? Bày về mua món thịt heo quay chi cho tồn kém?

- Dạ! Tại mấy đứa nhỏ thích heo quay, vả lại, em cũng nghĩ rằng anh sợ phạm giới nên tránh món mắm tôm.

- Ồ! Thì nói như vậy để chị Bảy ngưng sát sanh, chớ hủ mắm này bê nào cũng làm rồi, nếu bỏ đi thì lại phụ lòng chi.

- Vậy thì tốt quá! Minh ăn đỡ mắm tôm với thịt heo quay tạm vậy nhé!

- Ủa!

Thế là hủ mắm tôm được dọn ra tức khắc. Tuy nhiên, ăn mắm tôm mà thiếu thịt ba chỉ luộc, rau thơm., thì mất hết năm mươi phần trăm khẩu vị, nên suốt bữa ăn Mai cần nhẫn nại nhai mãi:

- Thứ đàn bà gì hư quá sức! Mắm tôm dọn chung với thịt quay, ăn chẳng ra trò trông gì hết!

Cơm nước vừa xong, con cái vào phòng. Vừa lui cui ủi đồ chồng, vừa trông chừng nồi nước lèo trên bếp, mà Bích Ly vẫn không ngừng lưu tâm đến Mai, vẻ mặt vẫn còn cau có không vui. Nàng rụt rè giả lả:

- Anh uống cà phê phin nhé! Em pha ghen anh?

- Không!

- Anh còn giận hờn sao? Bỏ qua đi mà!

- Hừ! Thứ đàn bà gì chỉ có mấy món ăn cho chồng mà cũng không nên thân!

Không biết có phải vì bệnh hoạn mệt mỏi, vì những lời cần nhẫn nhưc óc suốt bữa ăn, hay vì hiểu không đúng đường lối về bí quyết tương kính thương yêu do đức lang quân vừa thuyết giảng, mà Bích Ly bỗng bực mình, mạnh dạn đối đáp chứ không mềm mỏng nữa:

- Anh nói anh tu cao! Ăn không cầu ngon, mà sao anh lại cần nhẫn thức ăn ngon dở hoài vậy?

- Tôi bực là bực lối ăn không đúng phép kìa. Mắm tôm thì phải đi đôi với thịt luộc. Chớ việc ngon hay dở thì tâm tôi đâu có phân biệt làm gì?

- Thôi ông ơi! Nghe mãi tôi mệt lắm rồi. Ông nói thì lúc nào chả hay, chả đúng. Ông tuyên bố ăn chay trường, mà mới bốn ngày đã viện lẽ chức vụ cao, đem cơm theo ăn bọn Mỹ cười, để tà tà vô tiệm Tàu ăn mặn dài dài. Chiều thì ông rủ rê, ép uống bè bạn dẫn nhau ra tiệm thù lạt thỏa thích vui chiêu bài "vì chiều đãi chúng sanh phải dùng tạm đồ mặn như chay". Ông còn lại ngày nào chay lạt đâu? Ông ăn uống tung bùng hùng hổ hơn trước để phục thù cho mấy ngày chay lạt mà!

Bích Ly vốn hiền lành nhẫn nhục chồng. Sự kiện nàng quật khởi phanh phui trách cứ chồng, là diễn tiến ngoài sự tiên liệu của Mai, khiến hấn ta sững sờ, phản ứng có phần chậm chạp. Hấn hơi hãi nhìn quanh quất như sợ có kẻ thứ ba nghe được sự thực. Rồi hấn mới bắt đầu nổi giận, cơn giận bùng nổ như điên khùng. Hấn bỗng hốt hoảng nghĩ rằng uy danh đạo đức mà hấn dày công xây dựng bấy lâu, có thể tiêu thành mây khói, nếu như Bích Ly thóc mách những điều bí mật này. "Vậy thì mình khóa miệng con này ngay mới

được", Mai thầm nhủ. Mai vốn là võ sinh huyền đai thái cực đạo, tuy chưa thượng đài nhưng đã xử dụng nhiều lần trị vợ thắng lợi, nên đã quen trận mạc. Do đó, hấn ra tay nhanh, gọn và tàn độc. Trong chớp mắt, thoát đứng dậy thì quả đấm của hấn đã ập vào mắt trái tiếp liền là ngọn cước đá thốc vào bụng vợ. Bích Ly ngã lăn quay, tạm thời mất thở, mắt trợn trừng mà không rên rỉ nổi. Hạ đo ván con vợ tức khắc, cơn giận cũng nguôi ngoai, Mai lấy lại bình tĩnh rồi chột nghĩ, đánh vợ vì hủ mắt tôm rui ro lộ ra ngoài thì kỳ cục quá, phải tìm một lý do hợp lý nào khác cho đỡ trợ trên mới được.

Bà vợ vừa lấy được hơi thở cất tiếng rên la, thì ông Hội Trưởng liền hùng hổ điềm mặt vợ la lớn:

- Đồ đàn bà hư! Đàn bà ngoại tình! Tao đánh mày cho bỏ cái thói lẳng lơ.

Bích Ly vốn thực thà đâu hiểu bụng dạ tròng tréo của chồng, bị đánh đập chưa kịp than vãn trách móc, thì lại bị chụp cho cái mũ ngoại tình nên hoảng hốt phủ nhận:

- Em đâu có vậy! Em làm việc tối ngày mà!
- Mày và thằng Hà. Tụi bây có gì tao biết hết!
- Em có làm gì bậy bạ đâu? Em chỉ biết ông Hà tại chùa thôi mà!
- Hừ! Hồi sáng tụi bây hò hẹn với nhau những gì cười cợt ra vẻ đất ý như vậy?

Nguyên Bích Ly thật thà chơn chất, nghe người tăng bốc hồng một câu là đã sung sướng hả hê, chỉ nhớ nghĩ đến điều đó, còn những câu hỏi của Lê Hà để học nghề nàng chẳng lưu tâm nên đã quên tuốt luốt. Do đó, nàng chỉ có thể ú ớ đáp:

- Ông chỉ khen anh thuyết Pháp hay quá mà thôi!
- Hừ! Láo khoét! Khen có một câu mà nói nói cười cười vui vẻ quá ha?

Tuy chụp mũ vợ để tạo chính nghĩa đánh đập, mà nhắc tới con vợ nó cười với Hà, Mai cũng cảm thấy nóng mặt, thoi vợ thêm mấy cái thì mới dịu cơn.

Sáng hôm sau, Bích Ly nằm liệt giường. Thế nên Mai phải ra tiệm tạm trong xóm trong khi chờ đợi gọi được người thay thế. Trước khi rời nhà, Mai cẩn thận gom hết chìa khóa xe, cắt đường giầy điện thoại như là một cách hữu hiệu giam lỏng Bích Ly.

Tiệm thực dụng buổi sáng khách lai rai chán phèo. Đang bực bội cần nhằn lái nhải một mình thì Mai bỗng thấy Lê Hà lừng khừng bước vào. Giờ thì Mai mới nổi cơn ghen thực sự, hấn than thẳm: "Trời ơi! Mình chỉ tổ giấc giỡn chơi mà sau ra trúng vậy kia? Nhà thằng dịch vật này cách xa hàng mươi dặm, nếu tụi nó không tình ý gì thì sao nó đến đây giờ này?" Mai gất gỏng hỏi:

- Ông đến đây làm gì giờ này?

Lê Hà chẳng qua chỉ mong tìm hiểu việc mua bán tại tiệm thực dụng. Hà biết Mai điếm đàng khó khai thác nên tìm cách ngồi gần Bích Ly, khen nịnh ông chồng để bà vợ thật thà chỉ dẫn nghề nghiệp. Để dễ học nghề, Hà chọn giờ vắng khách đến tiệm, bất ngờ lại thấy bộ mặt hăm tãi của Mai chằm dằm cho một đồng. Lỡ bộ không thể rút lui được, Hà tản lờ như vô tình, nhưng tin thần đã sẵn sàng ứng phó. Do đó, Mai gất gỏng thì Hà cũng sừng sộ: - Tiệm mở cửa thì ai cũng vào được. Sao ông lại hỏi câu quái gỡ vậy? Còn tôi đi đâu giờ nào thì mặc xác tôi chứ. Ông lấy quyền gì để điều tra?

Đoạn Hà lừng khừng chọn một chay nước ngọt, trả tiền rồi cười ruồi bỏ đi. Mai tức giận ứa gan mà không làm chi được. Hấn phải bực rức chờ đợi người làm công đến thay thế, mới lái xe phóng về nhà, lôi vợ ra dằn cho một trận toì bời, để hỏi cho ra lẽ chuyện hò hẹn này. Đánh đập đã nư rồi, Mai mới sửa soạn đi làm, mà còn hăm dọa sẽ đánh đập dài dài, chừng nào thú nhận hết tội lỗi mới thôi.

Các con đã đi học từ sớm, nằm rữ rriet một mình, thân thể đón đau khôn tả, mà Bích Ly chỉ mong mỗi diễn biến hai ngày qua chi là giấc mộng. Nhưng dấu vết nguyên vẹn trên thân thể bầm dập nhắc nhở sự thực phủ phàng mà nàng đã gánh chịu biết bao năm trời. Hồi lại thời con gái được bao người sẵn đón, nhưng lòng nàng chỉ yêu thương Mai, có lẽ nhờ Mai khéo tán tỉnh và giỏi chiều chuộng. Do đó, dù Mẹ khuyên ngăn, cho rằng Mai kém chân thật, nhưng nàng vẫn cương, quyết chết sống vì tình khiến bà phải xiêu lòng. Thế nhưng chỉ thành hôn với nhau chừng ba tháng, từ một điểm bất đồng nhỏ nhoi, Mai đã nổi cơn hành hung vợ rồi. Giận dữ nàng xách va li về Cai-Lậy với Mẹ để lo thủ tục ly dị. Mẹ vừa gặp mặt con thì mừng rú lên, nhưng có lẽ thoáng thấy nàng kém vui, mà cũng không thấy mặt rẻ, nên ngần ngợ một chút, rồi hỏi con dòn dập: "ỦỦuà thằng Mai đâu mà để con đi một mình vậy?". Đang vui bỗng bà buồn lo biến sắc. Lòng Mẹ bao la không bờ bến, một đời tận tụy hy sinh, thương con quán quít chẳng rời mà phải ép lòng gả con. Con đã lấy chồng, lòng Mẹ vẫn chưa yên, đêm ngày thấp thỏm mong cầu con hạnh phúc, nên chi thấy con cô đơn về nhà đã lo sợ

thất thần như vậy. Bích Ly vội đáp ứng: "Nhớ má quá con về thăm, mà anh Mai căn dặn con phải trở lên liền, kéo anh nhớ con lắm!" Ôi Mẹ thương con như vàng như ngọc, không lời nặng nhẹ, không cái đánh khế. Con đau yếu, trầy trụa sơ sài đã cuống quít lảng xãng, ngồi đứng không yên. Nay nếu bà khám phá được rằng đưa con mà bà nâng niu quý giá đó đã bị người ta hành hạ chửi mắng, như một con vật thì bà sẽ đau khổ biết là dường nào. Thế là nàng đành phải nói láo, phải đóng kịch hạnh phúc cho bà được yên lòng. Mai thấy vợ chỉ xa chồng có một ngày rồi quay về, nắm được nhược điểm nên ngày càng lấn lướt áp đảo vợ. Nhân nhin mãi cũng quen, nàng bản chất saün hiền lành dễ dãi, chóng quên., nên dù bị hành hạ thế nào rồi cũng thứ tha, thương yêu chồng như cũ. Bích Ly thõn thức một mình:
- Sao anh không hiểu lòng em? Sao anh lại muốn giết em vậy anh Mai?
"Nhận đậu cãnh sung, dương cung anh bắn nhận

Con nhận chết rồi! Làm bạn với ai đây?"

Em lỡ chết rồi, anh sẽ làm bạn với ai vậy anh Mai?

Mai gom chìa khóa xe, cắt đường giây điện thoại, để cô lập hóa vợ, mà không ngờ, ngày hôm sau đã có người lò dò đến bấm chuông. Bích Ly ráng lê lét mở cửa, thấy khách nàng lập bậ gọi: "Em Xuân Lan!", thì sức đã mòn nên quy xuống.

Xuân Lan nhỏ hơn Bích Ly vài tuổi nên đôi xử với bạn như chị ruột. Xuân Lan nóng tánh và thẳng thắn, đã đôi lần lời qua tiếng lại với Mai, nên từ lâu chỉ đến tiệm thăm bạn chớ không chịu đến nhà. Nhân khi hãng xưởng tạm đóng cửa mấy ngày để kiểm kê tài sản, Xuân Lan rãnh rang đến tiệm thì nghe tin bạn đau, nên tức ghé lại nhà. Nhìn thân hình tiều tụy của bạn, Xuân Lan hoảng hốt la thất thanh:

- Trời đất ơi! Sao thân thể chị lại ra nông nổi như thế này?
- Chị!. Chị .té em à!
- Không phải đâu! Chị đừng dẫu em! Anh đánh chị phải không?
- Chị té thiệt mà!
- Không! Thăng chả đánh chị. Em phải hỏi thăng chả cho ra lẽ!

Xuân Lan chụp lấy điện thoại, thì Bích Ly lắc đầu, rồi nói tiếp:
- Vô ích em à! Điện thoại đã bị cắt giây rồi. Em muốn biết thì chị kể cũng được, nhưng em đừng thổ lộ với ai, lọt đến tai anh, anh sẽ giết chị.

Thế rồi qua làn nước mắt đầm đìa, Bích Ly kể cho bạn đầu đuôi tự sự. Xuân Lan cũng không cầm được nước mắt, tức giận hỏi bạn:

- Vậy mà chị chịu được sao? Tại sao chị không đi thưa cảnh sát? Không đề đơn ly dị ảnh?

- Em ơi! Chị mồ côi cha từ nhỏ. Con không cha như nhà không nóc, khổ sở nghèo túng, tủi nhục lắm em à! Và lại, thừa bỏ nhau lại làm khổ lây con cái, chúng buồn phiền xấu hổ với bè bạn. Có lẽ cái nghiệp của chị phải gánh chịu nỗi khổ này, bôn sư chị đã giải thích như vậy đó!

- Ôi! Hơi đâu chị tin mấy thầy. Mấy ông có bị ai đánh đập đâu mà thấu rõ được nỗi đau của kẻ khác, nên mới bày đặt dạy là nhẫn nhục, từ bi hỷ xả, oan nghiệp., chớ nếu ai đụng chạm đến mấy ông thì chưa chắc à!

- Ý! Em đừng nóng nói bậy mà mang tội. Nhờ quý Thầy dạy dỗ mà chị mới thêm sức chịu đựng mà vui khổ, bằng không có lẽ chị đã treo cổ từ mười mấy năm về trước rồi!

- Thằng chồng chị ác quá! Con gái hưởng đức cha. Rồi đây, ba đứa con gái nó sẽ lãnh quả báo, chồng hành hạ đánh đập cho nó biết thân.

- Ý! Sao em nói nghe ghê quá vậy? Con chị mà có bề gì, chắc chị càng khổ gấp bội.

Rồi bỗng nhiên Bích Ly đến bàn thờ Phật, chấp tay thành tâm khẩn vái: "Con cầu xin Đức Phật từ bi ban ân điển cho các con của con trọn đời hạnh phúc, còn bao nhiêu gian khổ nhọc nhằn xin để một mình con gánh chịu".

Xuân Lan chỉ biết lắc đầu thờ dài: "Chồng đối xử tàn ác như sài lang mà không một lời hờn oán, không thưa không gởi. Với chồng con, chị quả là vị Bồ Tát mà họ đui mù nào có thấy được đâu?".

Đối với kẻ tình nguyện chịu đọa đầy thì đâu còn phương cách gì để bảo vệ họ. Thương xót bạn, âm ức trong lòng nhưng cuối cùng, Xuân Lan cũng đành từ biệt.

Về nhà Xuân Lan bực bội đứng ngồi không yên, nên đành phải giải tỏa bằng cách liên lạc vài người bạn chí thân, tỉ tê kể lể mọi chuyện. Và dĩ nhiên, những người này cũng dặn dò bạn bè "y chang" như vậy. Thế rồi các bà, như một hệ thống truyền tin, cứ đều đặn loan truyền bản tin thời sự nóng hổi ra mãi.

Không bao lâu, thì một tổng đài địa phương tiếp vận nguồn tin sốt dẻo, rồi chuyên ngay đến thím Bảy. Thím không ngờ hủ mắt tâm của mình lại tai hại dường ấy, nên bứt rứt muốn đích thân hỏi Bích Ly cho biết sự thật. Thím nóng lòng muốn chấp cánh mà bay lên Texakana ngay, nhưng đành chờ đợi hơn ba tuần, đến ngày lễ Tạ Ôn mới đi được.

Khi chú Bảy lái xe đưa vợ viếng thăm vợ chồng Mai, thì những vết bầm đã lặn nhưng thương đau vẫn ẩn hiện trong thần sắc của Bích Ly. Vốn đặc biệt có cảm tình với chú Bảy vì chú trầm lặng và lắng nghe kẻ khác, nên Mai tiếp đón khách niềm nở. Chú Bảy cũng không lãn đạm với Mai. Tuy hơi thất vọng về hành vi vũ phu của y, nhưng chú vẫn tìm thấy Mai là kẻ có lòng, còn việc Mai khoa trương đạo đức, tu nói mà không thực hành không liên hệ gì đến chú, chú chẳng quan tâm. Chủ khách chia ra hai phe nam nữ nàh huyên tương đắc và sau đó khi khách rủ rê đi HotSprings chơi, Mai liền sốt sắng hưởng ứng. Hai người đàn ông ngồi băng trước thỉnh thoảng trao đổi vài câu chuyện băng quơ liên quan đến lộ trình, nhưng hai người đàn bà phía sau thì dòn tan như pháo Tết. Từ chuyện quần áo đến thức ăn, rồi chuyển sang vụ động đất Cali, phim ảnh tân nhạc., chuyện nào cũng hứng thú vô cùng. Từ từ rồi đề tài quen thuộc và ưa chuộng nhất của đàn bà cũng được tuôn ra:

- Chị nghe gì không? Vợ chồng mụ Bê rã đám rồi! (Thím Bảy đổi đề mục)
- Ủa! Mụ ấy ngựa đàn trời mà! Mới ly dị mấy ngày, thì đã cặp với thằng kếp trẻ măng hà!

- Cái con Thúy mới dữ dằn. Nó cấm cả trăm sừng trên đầu chồng, chồng ghen đánh hai tát tai thì nó đã nổi sung thiên lên, gọi cảnh sát còng đầu tức khấc.

Có tiếng tăng háng ở băng trên, và có lẽ Bích Ly lo ngại vụ vợ gì đó nên không trả lời bạn, mà hướng về chú Bảy hỏi to:

- Xin lỗi! Mình đã qua khỏi Little Rock chưa anh Bảy?
- Dạ! Mình đi hướng khác chứ không đi ngang Little Rock đâu chị!
- Hứ! Hỏi ngu mà cũng hỏi! (Mai lên tiếng).

Nghe thím Bảy kể chuyện "Vợ gọi cảnh sát còng đầu chồng", có lẽ Mai bực mình nên xài xê vợ để trút giận hờn. Đàn bà dốt đường là chuyện bình thường, mà dù ngu thiệt cũng không ai nở lòng công khai nặng lời, nên chú Bảy tưởng mình nghe lầm, hoặc Mai chỉ đùa giỡn mà thôi. Chú nhìn Mai, thì thấy mặt mày y nhờn nhờn tự đắc ra uy của mình. Chú Bảy tuy xuề xòa nhưng lại thâm trầm tế nhị. Đối với kẻ lưu manh gian xảo cũng chưa hề nặng nề hạ nhục, huống chi là công khai xỉ vả vợ. Sợ Bích Ly tủi hổ, chú vội pha trò hy vọng phá tan được bầu không khí nặng nề:

- Tôi mới là người ngu nhứt hạng đây. Bà xã tôi cứ chê tôi hoài!
- É! Ai dám chê anh ngu hoài nào? Nói ầu hoài!
- Ồ thì bà chưa nói ra, nhưng tôi biết bà lắm thâm: "Thằng cha này ngu thiệt, nên chả mới chịu cưới mình!"

Rồi chú Bảy cười xòa để giúp mọi người cười theo, trừ Mai vốn giữ thân phận của vị Hội Trưởng, đạo mạo nghiêm trang không cười cợt.

Từ xa lộ 30E, chú Bảy rẽ sang đường số 7N, lộ trình ngoằn ngoèo này tương đối khá xa nhưng đi trên con đường làng nhỏ hẹp len lỏi giữa cánh đồng mênh mông như đường về lục tỉnh cũng là điều hứng thú. Đi trên cầu xuyên qua hồ De Gray, nhìn thấy phong cảnh hữu tình, nên chú Bảy đề nghị quày xe tạm nghỉ ngơi. Bãi đậu xe trên một khu đất cao ven hồ, tiếp giáp với rừng cây ngập lá vàng. Những chiếc lá đã hoặc sẽ rụng vào dịp sang thu, mỗi loại có màu sắc riêng, trăm ngàn sai biệt, từ màu đỏ thắm, tím bầm, rồi nhạt dần đến màu vàng mơn xanh tiếc nuối. đã tạo nên hơi thu bàng bạc. Trời xanh nhạt nhạt, gió mơn man nhẹ nhẹ, rừng cây xơ xác, hồ nước trong xanh vắt trải dài. Phong cảnh mùa thu có nét quyến rũ, gợi nhớ, gợi buồn kỳ lạ khiến chú Bảy bồi ngùi tình nước. Quê hương chú cũng có cảnh hồ, hồ nước nhỏ nhắn xinh đẹp vây quanh bởi hàng cây sao già cao nhất, nơi chú đã lưu giữ bao kỷ niệm ngày xưa.

- Em à! Cảnh hồ này có nhắc nhở em ao Bà-Om xứ mình không?
- Làm sao em lại có thể quên được anh Bảy!
- Em có nhớ chuyện chúng mình ngày xưa chẳng? Thuở ấy em kẹp tóc thè, mặc chiếc áo dài màu mạ non thướt tha, ta đưa nhau đến ao Bà Om.

Chú Bảy vừa nhắc kỷ niệm xưa, vừa đi chậm chậm xuống hồ. Thím bén gót theo sau, mắt chớp chớp, lệ ứa ven mi, thả hồn về dĩ vãng. Rồi giống y như 18 năm về trước, thím xiết chặt tay chú đi dài theo bờ hồ, đoạn thím ngồi xuống vế hai quả tim xoắn nhau. Ngày xưa cô thiếu nữ nhí nhảnh yêu đời đã cầu Phật Trời cho đôi tình nhân nên duyên chồng vợ. Và lần sau này, người thiếu phụ "sồn sồn" cầu mong hai vợ chồng già một ngày về với đất nước thương yêu. Phút giây mơ mộng ngưng đọng tan dần, chú Bảy bảo thím nhìn vợ chồng Mai. Hai người có lẽ cũng đang tìm về thuở ban đầu hoa mộng. Đôi mắt ưu sầu của Bích Ly, dường như đã tràn đầy niềm tin yêu hạnh phúc. Chú Bảy thì thầm:

- Thiên nhiên có lẽ là vị thầy mầu nhiệm để hàn gắn vết thương lòng. Trong cái tinh khiết của đất trời, giận hờn, bực bội nào rồi cũng phai đi.
- Vậy té ra! Té ra! Anh gạt em. Anh cố ý nhắc chuyện chúng mình để gợi cho họ nhớ những ngày yêu thương xa xưa mà hòa giải nhau chớ gì?
- Ồ! Thì lúc đầu cũng hơi cố ý, mà sau đó anh cảm động thật tình mà!
- Em hồng chịu! Anh phải đền cho em hà!

Thím Bảy thò tay véo chú một cái đầu đổng, rồi tung tăng chạy đi như một cô gái nhỏ.

- Bích Ly! Kiến cán bụng rồi! Minh kiếm gì ăn nhe!

- Phải rồi! Tụi này cũng đói bụng. Anh chị định ăn gì đây? (Mai lên tiếng).

Hiểu rõ bụng dạ Mai, nên để tránh cho y ngỡ ngàng, chú Bảy mời mọc:

- Ở đây chắc không tìm được đồ chay. Xin anh chị vị tình vợ chồng tôi ăn đỡ đồ mặn vậy. Nghe đồn bếp núc nhà hàng Hồng Kông khá lắm!

- Thôi thì tạm ăn mặn vậy! Nhất thiết duy tâm tạo, mặn cũng vậy, tâm không động là được. Ngày xưa Tuệ Trung Thượng Sĩ trong bữa tiệc của Khâm Từ Hoàng Hậu, đã gắp đồ mặn xen lẫn với đồ chay mà có sao đâu?

- Mấy ông muốn đi đâu cũng tốt, nhưng phải lấy phòng cho tụi này chinh sơ lại cái dung nhan tàn tạ mới được! (Thím Bảy lên tiếng)

Chú Bảy lái xe về thị xã HotSprings, đến khách sạn Arlington,. Tuy đã giao hẹn sẽ đi ngay tức khắc, nhưng đàn bà lúc nào chẳng là đàn bà, chú Bảy phải kiên nhẫn chờ thím gỡ lại mái đầu, dặm thêm tí phấn, kẻ lại nét son., rồi lại nhắc thím mang theo áo ấm. Khi hai vợ chồng bước ra ngoài, thì thấy Mai đã chờ sẵn, vài phút sau Bích Ly cũng bước ra. Chú Bảy lại nhắc:

- Có lẽ chị nên mang theo áo ấm kéo lạnh.

Bích Ly vừa định quay trở về phòng, chợt thấy Mai chờ lâu tỏ vẻ khó chịu nên đổi ý:

- Cám ơn anh Bảy! Tôi không cảm thấy lạnh đâu!

Nhà hàng Hồng Kông không mấy sang trọng nhưng thức ăn Tàu cũng tạm hợp khẩu. Vừa ăn Mai vừa đề nghị chương trình viếng khu rừng núi Tây, leo đỉnh tháp núi Đông, ngắm những giòng suối nước nóng đây đó. vào ngày mai, nhưng ăn cơm xong thì phải ngồi xe lừa, theo truyền thống xưa mà dạo quanh thành phố thì mới thú vị. Mùa thu, trời xẹp tối nhanh. Cơm nước xong trở về thì thành phố đã lên đèn. Một cỗ xe lừa ghé trước cửa khách sạn. Bà nài ông óng cất tiếng mời mọc du khách: "Đây là chuyến chót trong ngày. Xin quý khách nhanh lên kéo trẻ". Mai giục mọi người lên xe ngay. Cỗ xe lừa đóng bằng loại gỗ rắn chắc, sơn phết công phu, dài rộng. như một chiếc xe buýt với hai cửa lên xuống rộng rãi, đi đứng thông dong. Xe được kéo bởi hai chú lừa cao lớn, lực lưỡng khác thường.

Khách vừa lên xe mua vé, thì bà nài đã đơn đả mở lời:

- Xin chào và giới thiệu tên tôi là Litz, và đây là thằng Mike và thằng Joe, hai chú lừa đực.

Bà nài ra lệnh cho cặp lừa cất bước. Vừa đi bà vừa giải thích không ngừng những thắng cảnh, di tích địa điểm lịch sử, nơi chốn hấp dẫn. tại địa phương. Trên đường phố sáng choang, xe cộ dập dìu mà lại được ngồi êm ái trên một chiếc xe cổ lỗ, cà rịch cà tan theo nhịp điệu lộc cộc củ tiếng chân lừa, để ngoạn cảnh quả là điều thú vị. Mọi người đều tỏ vẻ vui tươi thoải mái, trừ Bích Ly hơi co ro bởi cơn gió đã trở thành buốt giá, khiến chú Bảy đôi lần ái ngại nhìn sang. Cỗ xe lừa đang nhẹ lướt theo tốc lực thường lệ, bỗng chậm chạp rồi dừng hẳn lại. Mụ nài Litz the thé la hét đôi lừa nhưng không hiệu nghiệm. Xoay về phía hành khách, mụ giải thích:

- Cái thằng Mike này hay chứng bắt tử lắm. Không trị nó không xong!

Rồi mụ Litz lấy roi da quất một cái trót, khiến con lừa nhảy dựng lên, bươn bả tiếp tục hành trình. Nhưng chỉ suông sể được một khoảng ngắn thì chú lừa cũng tự động dừng lại, khiến mụ nài cứ xử dụng roi vọt nữa. Điệp khúc roi vọt làm nao lòng chú Bảy, chú chột nghĩ có thể trong một kiếp nào đó, chú đã từng là con lừa nhọc nhằn khôn khổ. Chú buông tiếng thở dài, với lời than nhỏ nhỏ:

- Chắc mình không chịu nổi đâu?
- Cái gì mà không chịu nổi anh Bảy? (Thím Bảy nghe tiếng thở dài và tiếng than của chồng vội lo lắng hỏi dồn)
- Nếu phải làm con lừa kéo cỗ xe nặng nề này suốt ngày dĩ nhiên là không làm xuể rồi. Mà làm nài, suốt ngày bô bô cái miệng, rồi khi con vật mệt mỏi nổi chứng, lại phải ra tay đánh đập, anh cũng không làm được.

Mai chen vô:

- Cái con mẹ Litz này hành hạ súc vật ác độc quá! Để tôi điện thoại thưa với Hội Bảo Vệ Súc Vật cho nó biết thân!
- Thưa thì mụ nài mất việc thì mình lại tội nghiệp. Thật ra thấy con thú bị đánh đập tôi nóng ruột than thở, chớ biết đâu chừng giữa người và lừa đã từng có giây oan nghiệp nên mới có cảnh này!
- Ủa đúng rồi! Biết đâu kiếp trước "ngựa Mai" này từng hành hạ "nài Ly", nên kiếp này nài Ly mới đánh ngựa Mai. Mai đánh Ly rồi Ly đánh Mai, oan oan tương báo mà.

Thím Bảy có tật nó tên tiếng Mỹ không sửa đúng giọng, thím muốn nói Mike và Litz, mà nghe thành Mai và Ly. Sợ hai bạn hiểu lầm, chú đá chân thím nhắc chừng, rồi bùi ngùi than thở:

- Ồ! Thì chúng sanh lẫn lộn luân hồi, khi thất thế bị người hành hạ, khi thắng thế lại thắng tay đàn áp người, mà có ai giữ ưu thế mãi đâu? Thời gian ngắn dài nào đó, thì tất cả đều trở về cát bụi để "giữ sổ làm lại", rồi đâu ai biết được ra sau kiếp sau?

Mọi người bỗng nhiên yên lặng suy tư. Chú Bảy thấy Mai lạnh lùng khó hiểu, còn Bích Ly thì xúc động nước mắt lưng tròng. Chú muốn phá tan bầu không khí nặng nề mà bất lực.

Xe lừ dừng trước khách sạn Arlington, thì Mai đã hầm hầm phóng xuống, bước nhanh về phòng riêng mà không nói lời nào. Bích Ly vội vã chào chia tay bạn, rồi quính quíu chạy theo chồng, trước cặp mắt ái ngại của bạn. Vừa khép kín cửa phòng, Mai liền chụp ngay đầu vợ, xoắn tóc giở hồng lên, dộng vào tường mấy cái xính vính rồi tra hỏi:

- Tao đã cấm mày hờ môi, mà sao mày thốc mách với vợ chồng thằng Bảy, để tụi nó bày trò lừa ngựa chửi xéo tao?

- Em đâu có nói với ai! Họ ở Houston thì em làm sao liên lạc được! Chắc họ vô tình, chứ không có ý xiêng xỏ anh đâu!

Mai đã cô lập vợ có phương pháp nên khó trách Bích Ly liên lạc với ai được. Tuy nhiên cơn giận bị người ta xia xói đâu dễ tự nguôi ngoai. Nếu không gây sự được với người ngoài thì Mai chỉ có cách đổ hết lên đầu vợ mà thôi.

- Hừ! Mày là thứ đàn bà lẳng lơ. Mới thấy thằng cha Bảy ngọt ngào chịu chuộng là mày khoái mê toi rồi. Trời lạnh lẽo như vậy mà mày mặc đồ mỏng đánh để bẹo hình bẹo dạng nó. Cặp mắt láo liên của nó lên nhìn mày mấy lượt, nhưng làm sao qua mắt tao nổi!

Tức bực thằng cha Bảy, Mai nổi giận bùng bùng thoi thẳng vào mặt vợ. Bích Ly ngã ngựa nằm lăn lộn trên thảm. Mai bình tĩnh thay đồ rồi nằm ngủ thanh thản như không có việc gì xảy ra.

Thím Bảy, tính hay mềm lòng, chứng kiến cảnh con lừa làm việc cực nhọc suốt ngày còn bị đánh đập, nên cứ trần trọc không yên. Trong giấc ngủ chập chờn, thím chiêm bao thấy con lừa Mike bỗng nổi chứng đó bà nài Litz một cái bầm cả mặt mày. Dù chỉ là chuyện mộng mị, song thím vẫn khoái chí chuyện con lừa phục hận, nên muốn kể cho chồng nghe, nhưng chú lại đang mãi mê đọc báo tường thuận hai trận cầu bóng bầu dục ngày qua. Thím vội trang điểm qua loa rồi phóng nhanh sang phòng Bích Ly dộng cửa âm âm để báo tin vui. Chờ đợi một lúc lâu, vừa thấy bóng dáng Bích Ly hé mở cửa, thím liền phát thanh ào ào, cũng với lối tên Mỹ không thềm sửa:

- Bích Ly à! Ta vừa chiêm bao vui ghê đi. Ta thấy con ngựa Mai nó quật khởi đá mẹ nài Ly một cái như trời giáng, sừng hét mặt mày vậy đó!

Con bạn êm ru không trả lời khiến thím ngạc nhiên chăm chú quan sát bạn. Thấy mặt mày bầm dập của Bích Ly thím tức khắc hiểu nguồn cơn nên nổi

nóng xô cửa bước hẳn vào phòng tìm Mai gây sự. Tuy nhiên khi nhìn thấy Mai ngồi trên ghế, vẻ mặt trang nghiêm đạo mạo, tay lần chuỗi, miệng niệm Phật, thím sững sờ buồn nôn khựng lại. Phải cố gắng lắm cuối cùng, thím mới nghẹn ngào từng tiếng:

- Trời ơi! Sao anh lại có thể đối xử với chị tàn tệ như vậy?
- Có chi đâu? Tôi chỉ hướng dẫn Bích Ly chút ít đạo đức mà thôi!
- Hướng dẫn đạo đức bằng đấm đá, mà anh nghe được sao?
- A! Về điểm này trong Phật Giáo gọi là "tùy bệnh cho thuốc". Bệnh nan y thì liều thuốc cũng nặng một chút. Đức Phật có dạy rằng.

Thím Bảy bịt tai lại, chạy tránh ra xa để những lời Phật ngôn xuất từ cửa miệng của con người có lòng dạ như rắn rết sài lang khỏi phải xoáy vào tai thím nữa.

Huỳnh Trung Chánh
Tháng 1, 1990

---o0o---

Câu truyện trên, không rõ mức độ hư thật như thế nào, đã do anh Bảy Houston thuật và tác giả vội ghi chép lại, với vài điều thêm bớt. Tuy nhiên, anh chỉ thuật đến đoạn xuống xe lừa thì chấm dứt tình hình, nên tác giả phải tưởng tượng thêm phần kết. Viết xong, tác giả gửi bản thảo đến anh chị Bảy thỉnh ý, thì chị Bảy cần nhắc: "Ừa! Bích Ly quả thật bị đánh nữa đó! Nhưng anh kết luận tằm tối quá! Người ác sao cứ để hoành hành hoài vậy được?"

Tác giả hiểu trong thâm ý, chị Bảy mơ chuyện ác nhân ác báo. Tuy nhiên từ khi nghe chuyện này, tác giả cảm thấy bức bối bất an, lời văn vì vậy đã có phần châm biếm và khinh bạc, kể ra cũng tự xấu hổ vì đã không giữ nổi chánh ngữ, chánh niệm rồi. Do đó, trong khi ông Hội Trưởng vẫn còn đang sống sờ sờ, tiếp tục mở máy rao giảng đạo đức, thì làm sao tác giả dám viết lại đoạn kết thảm thiết "quả báo nhân tiền" để trừ ẻo ông ta cho vừa lòng chị Bảy được.

Thôi thì tác giả cũng ráng gò gẫm viết đoạn kết khác thuận hậu hơn may ra không bị phản đối nữa. Đoạn kết thứ hai như sau:

*

Câu chuyện oan nghiệp của vợ chồng cha Bảy khiến Mai nhức đầu khó chịu. Con nhức gia tăng cường độ đến nỗi khi bước xuống xe, Mai bị xây xấp mặt mày, phải cố gắng làm li lê lết về phòng, buông mình xuống ghế dựa thở dốc. Mai bỗng nhớ mấy tháng trước bác sĩ có báo động chàng về lượng cholesterol trong máu, mà chàng cứ ăn uống tung bưng chẳng chịu kiêng. "Không lẽ cái miệng ăn mắm ăn muối của cha Bảy lại ứng nghiệm? Mình sắp bị giũ sỏ rồi sao?" Ý niệm mình sẽ chết khiến Mai có cảm giác lạnh lẽo cô đơn lạ lùng. Bao nhiêu hùng khí tham đắm lợi danh trong khoảng khắc đều tan biến. Giờ đây, hình dung lại những lúc lặn xăn khoe khoang đạo đức Mai thấy mình sao hời hợt lỗ bịch quá! Mai than thầm: "Ngày xưa mình mới đến chùa, thầy dạy lễ Phật đề tập tính khiêm cung thì mình chê bai. Mình chỉ cầu danh sưu tầm những giáo lý cao siêu nói năng lưu loát mong được mọi người thán phục, chớ không thật sự tu dưỡng tính tình. Vì cầu danh nên sanh tâm bươi móc nói xấu người hầu đề cao mình. Cứ thế, ngày mình càng khoác lác, càng bịp bợm xử dụng đủ mọi thủ đoạn để tự phô trương đạo đức rỗng tuếch, mong mọi không ai rõ chân tướng của mình. Rồi mình lại sanh ra hiệp đáp vợ để tạo cái ảo tưởng mình đáng được tôn kính, trọng vọng., người người phải mù quáng tuân theo". Như tỉnh cơn mơ, Mai hồi tâm quan sát người vợ gầy gò. Bích Ly đang co ro sợ hãi khẹp ở góc phòng, không biết ông chồng dã man sẽ trút cơn phẫn nộ lúc nào? Mai ăn năn khôn xiết. Chàng đến bên nàng dịu dàng:

- Tội nghiệp em cung. Anh tu hành lầm lạc gây khổ sâu cho em biết dường nào!

Rồi Mai ôm chầm Bích Ly, để hai vợ chồng cùng nức nở khóc trong hạnh phúc ngập tràn.

*

Viết xong, tác giả thỉnh ý anh chị Bảy lần nữa. Lần này thì anh Bảy chỉ trích:

- Ông viết chuyện không tưởng quá sức! Cái ông Hội Trưởng cao ngạo kiêu căng, ngay như chư Tổ sư cảnh tỉnh y còn chưa chắc được, huống chi là thằng Bảy dốt nát, ngu ngơ này!

Tác giả lại ngần ngừ muốn viết lại phân kết luận nhưng cụt hứng đành thỉnh ý một số thân hữu khác góp ý. Tác giả lại càng rối trí hơn nữa, vì mỗi người lại đưa ra một kết luận riêng biệt. Có người nhất định phải cho Bích Ly đi tu, có người đề nghị Bích Ly tự tử, và có kẻ nhất quyết gọi cảnh sát 911.

Tóm lại, tác giả phân vân, và do đó, chỉ biết xin bạn đọc tự chọn lấy một kết luận vừa ý.

---o0o---

KHẢO

Người tài xế vừa rà thắng cho chiếc xe rề chậm chậm, chờ đến lượt qua cầu Bến Lức, thì đám chị em buôn gánh bán bưng đã ùa bám sát theo như đàn ong vỡ tổ, tranh nhau mời mọc:

- Mía ghim đây!
- Chuối chiên nóng dòn đây!
- Ăn khóm ngọt nghen thầy!

Là một viên chức cao cấp tại Bộ Kinh Tế, sống sung túc phong lưu Việt chỉ tiếp xúc với hạng giàu sang, nên dường như chàng đã quên hẳn với khôn cùng lao đao vật lộn tìm sống đắp đổi qua ngày. Hình ảnh những gương mặt cháy nắng, lem luốt, mồ hôi nhỏ giọt, quần áo rách rưới chằm vá, chân trần dẫm trên lộ nóng bỏng... khiến Việt chạnh lòng. Chàng ngậm ngùi hồ thẹn nhớ lại ngày xưa, sống trong hoàn cảnh nghèo khổ, chàng đã ước nguyện tận lực mình để tranh đấu cho việc nâng cao đời sống người dân, thế mà, ngoài việc tạo cho mình một địa vị cao sang, vinh thân phì da, chàng đã làm được việc gì cho người dân đâu? Việt bức rức chọn mua mỗi người một ít, trả tiền rộng rãi cho họ vui. Chàng hiểu hành động mình vô nghĩa, nhưng nó cũng ru ngủ được lương tâm chàng, trước cảnh khổ cực của đồng bào. Người tài xế chuẩn bị cho xe lăn bánh thì bỗng có thằng bé độ chừng mười tuổi, bung rỏ phủ đầy trấu, hấp tấp chạy đến. Thương cậu bé, Việt bỏ vào rổ em hai mươi đồng rồi nói: "Tặng em đó". Trước sự ngạc nhiên của chàng, đứa bé cầm tiền trả lại:

- Thừa thầy! con bán hột vịt lộn, chớ con không xin tiền!

Việt không ngờ mình vô tình chạm tự ái cậu bé, khiến mắt em rơm rớm thật dễ thương. Việt vội dỗ dành:

- Ô! Cho anh xin lỗi! Thôi thì anh mua hột vịt lộn vậy! Em bán cho anh một chục nhé!

Trả tiền rồi cho xe lên đường một khoảng xa, mà hình dáng dễ thương của thằng bé vẫn lớn vồn trong tâm chàng. Việt lẩm bẩm: "Thằng bé này coi bộ bảnh hơn mình ngày xưa nhiều! Thuở ấy, ai cho tiền mình cũng sung sướng đón nhận kia mà". Việt bùi ngùi hồi tưởng lại quãng đời niên thiếu hai mươi năm về trước, khi chàng còn là một học sinh lớp bốn trường Nam Tiểu Học Tân An. Ngày đó, như thường lệ, tan trường bé Việt chạy vù về nhà, lua ba hột com nguội, rồi phóng nhanh ra xạp thím Xiếu, tại dốc cầu Tân An để lãnh hai chục hột vịt lộn, loanh quanh theo những chiếc xe đậu chờ đến lượt qua cầu, lã nhãi mời mọc hành khách. Gặp ngày may mắn hy hữu, ông khách mở hàng một trứng vịt, đưa tờ giấy một đồng. Việt thối lại khách 50 xu nhưng ông lại khoác tay rồi bảo: "Cho con đó". Việt buôn bán cực nhọc cả nửa ngày mới xong hai chục hột vịt lộn, mà chỉ mang về được một đồng cho mẹ mua gạo, nên món quà 50 xu của ông khách tốt bụng, quá lớn lao khiến Việt sung sướng tột cùng, ấp úng cảm ơn chẳng nên lời. Việt tung tăng bán hàng mà lòng rộn ràng suy tính bao nhiêu thứ hấp dẫn để chi dụng món "lộc" bất ngờ. Đắn đo mãi, Việt quyết định mua một trứng hột vịt lộn làm quà cho mẹ. Từ lâu, Việt phải khổ sở chứng kiến cảnh thực khách vồ vập thưởng thức món ăn khoái khẩu do em bán, trong khi chính em lại không có hân hạnh nếm món ăn xa xỉ này. Cảm giác âm ỉ của trứng vịt thật dễ chịu. Trên đường về nhà, Việt sung sướng xây dựng mộng đẹp, một giấc mơ tầm thường nhỏ nhoi: thưởng thức chất nước thơm tho béo bở rồi nhai cái tròng trắng dai dai dòn dòn, còn phần tròng đỏ và vịt con tượng hình em sẽ nhường cho mẹ. Trái ngược với hoàn cảnh nghèo đói của Việt, em trú ngụ trong một ngôi nhà ngói rộng rãi, sang trọng nhất xóm. Căn nhà vốn vắng lặng nên tiếng cô Hai tụng kinh lạnh lạnh phối hợp với tiếng chuông mõ lao xao nghe rõ mồn một. Không dám làm khinh động cô Hai, Việt rón rén đi lần từ gian nhà trước, ra sau bếp, rồi đến cái chái lá sau vườn, cũng không thấy mẹ. Em vội vã trở lên căn nhà trước, đứng dựa cửa trông ngóng mẹ. Mẹ về trễ là việc bình thường, nhưng lần này, Việt sốt ruột lạ lùng. Năm phút, mười phút, rồi mười lăm phút nặng nề chậm chạp trôi qua, mà mẹ vẫn biệt tăm. Việt cảm thấy đói bụng cồn cào, mà quái ác thay! Trứng vịt lộn, gói muối tiêu, nhúm rau răm lại cứ chờn vờn kêu gọi. Em thập thò lấy cọng rau răm chấm chút muối tiêu nhâm nhi cho đỡ thèm thường. Hương vị rau răm cay cay thơm phức như được trộn lẫn với chất vịt lộn thơm tho, khiến Việt không kềm lòng được nữa. Em đắn đo cầm trứng vịt đập khế vào cửa, khươi một lỗ nhỏ, và tự dặn lòng chỉ nếm tí nước ngọt mà thôi. Việt gỡ lớp màng trắng, húp nhẹ một chút. Chất ngọt beo béo đậm đà tràn ngập khuyến khích em, cứ húp soàn soạt mãi. Việt mê mẩn đến nỗi cô Hai ngưng tụng kinh, quãng dùi mõ cái ịch, rồi thỉnh thoảng bước ra ngoài mà cũng không hay.

- Quân mất dạy! Tao đã cấm biệt không được mang thứ ô uế tanh tưởi vào nhà, mà mày lại lớn gan ăn động món này tại đây?

Tiếng gầm vừa rít lên, thì bà cũng đã tới sát bên thằng bé. Cô Hai dẫn lấy trứng lộn quăng ra sân trước nát bét, xán thằng bé hai tát tay xiềng niềng, rồi gầm giọng:

- Quì xuống đó!

Rồi cô ngoe ngậy trở vào phòng tiếp tục thờ tụng kinh như cũ. Thằng bé sợ cô, riu riu quỳ ngay ngạch cửa, im thin thít. Đã quen bị người cô đối xử tàn tệ, Việt chấp nhận chịu đựng niềm bất hạnh riêng mình, em chỉ bồn chồn lo sợ cho mẹ bị người nhiếc mắng vì lỗi của con. Mẹ vừa về đến ngõ thì đã thấy ngay tình trạng thảm hại của Việt. Bà cuống quýt nhưng bước chân cũng rất khễ khi gần đến cửa. Cô Hai ngồi trong buồng, đang lần chuỗi niệm Phật, mà lỗ tai thật thính. Cô liền tạm ngưng niệm Phật, cao giọng lên tiếng:

- Nè! Vào mà coi cái quân bất hiếu mục mang hột vịt lộn, vịt thúi ăn uống giữa nhà thờ đây này! Tôi đã năn nỉ van xin mấy người, giữ dùm chỗ này thanh tịnh để thờ Trời Phật, Ông Bà mà mấy người đâu thèm nghe!

- Em xin lỗi chị Hai. Thằng Việt hư quá, xin để em dạy nó!

Nói xong bà phát vào mông con hai cái thật mạnh, đoạn lôi con đến phòng, năn nỉ mãi để xin cô thứ lỗi. Sau đó, bà đưa con ra sau vườn, vào trong chòi lá. Bà ôm con vào lòng, thì thầm: "Tội cho con tôi!". Rồi nước mắt bà chảy ròng ròng, thấm ướt tóc tai con. Việt đau đớn nhất khi thấy mẹ buồn, nên em dậm ra oán cô Hai, thề trong lòng sẽ có ngày rửa hận.

Ông nội Việt, cụ Võ Ngọc Quới, nguyên là một tham tá hành chánh, vừa mới hồi hưu đã vội mãn phần. Hai Ông bà chỉ có ba người con. Cô Hai, trưởng nữ kết duyên với một cậu công tử Bạc Liêu, nhưng mới vài năm hương lửa, vẫn còn hiếm muộn thì chồng bạo bệnh qua đời. Cư tang chồng đủ lễ, cô quay về chung sống với mẹ, sớm hôm làm bạn với chuông mõ mà thôi. Ba Việt, đưa con trai duy nhất cưới vợ miệt xã Trung Hòa, Mỹ Tho, rồi lập nghiệp luôn tại quê vợ. Riêng cô Tư, có chồng 4 con sinh sống tại Saigon, thỉnh thoảng mới về thăm mẹ. Do đó, ngôi nhà hương hỏa thênh thang chỉ có hai mẹ con hủ hỉ với nhau bao ngày tháng.

Vào mùa thu năm 1945, theo tiếng gọi của non sông, cha Việt bỏ nhà dân thân cho công cuộc chiến đấu giành độc lập. Tuy nhiên, ông vốn thuộc thành

phần trí thức tiểu tư sản, bộc trực, thường lộ vẻ chống đối bọn bè phái mưu mô xảo quyệt đội mũ kháng chiến. Vì lý do thâm kín này ông đã bị chính những người bạn đồng chiến tuyến ra tay sát hại. Tin dữ về đến Trung Hòa làm tan nát cõi lòng bà vợ, bà khóc than vật vã không nguôi. Bà mẹ ở Tân An cũng khổ đau không kém. Bà tức tốc vào ngay Trung Hòa, nhất quyết đem dâu và cháu nội về tỉnh, hầu giọt máu duy nhất còn lại của giòng họ Võ tránh khỏi vùng xôi đậu hiểm nghèo. Bà nội vẫn được trợ cấp hưu bổng của chồng, lại có thêm hoa lợi của hai mẫu vườn trồng cây ăn trái trải dài phía sau ngôi nhà, nên thừa sức cung cấp cho con cháu nếp sống phong lưu. Mẹ Việt suốt ngày bận bịu bếp núc, hầu hạ mẹ chồng, săn sóc con cưng. Việt chỉ biết chăm học rồi quần quít bên nội để được nựng nịu, cưng chiều nghe kể chuyện xưa tích cũ. Đáp lại Việt cũng biết ngoáy trâu, dâng nước, nhổ tóc sâu..., rồi cũng kính cẩn cạnh nhà, đốt nhang trên bàn thờ ông hàng ngày. Vì thế, nội vô cùng hãnh diện, bà luôn luôn nhắc nhở, khoe khoang đưa cháu đích tôn trước mặt mọi người. Cô Hai nghe mãi đâm ra khó chịu. Có lần cô trề môi nói nhỏ:

- Hứ! "đít không" thì có, chớ đích tôn gì?

Mẹ nghe, mẹ buồn hui. Mãi sau này Việt mới biết cô muốn ám chỉ thân phận ăn bám vào nội của hai mẹ con. Cô Hai thích yên tĩnh mà Việt chơi giỡn ồn ào, cô ghét riêng Việt là phải rồi. Nhưng Việt không hiểu nổi lý do cô không ưa mẹ. Mẹ hiền khô à! mẹ lúc nào cũng mềm mỏng chiều chuộng cô, mà cô nặng nề chi cho thỉnh thoảng mẹ phải khóc thầm. Có lẽ tại vì cô Hai có tâm đạo, cô ăn chay trường, đi chùa, tụng kinh niệm Phật chuyên cần..., nên cô không thể có cảm tình với những kẻ thiếu tu. Cô oán nhất là đám đàn ông thường tụ tập ăn nhậu ở đầu ngõ, mà có lần khi "súra" họ đã mỉa mai là "cây độc không trái, gái độc không con". Cô mắng họ là bọn sát sanh hại vật, tội lỗi ngập đầu, cô mở banh mắt mà nhìn bọn họ bị đọa lạc khắp chín từng địa ngục thì cô mới hả. Cô cũng xốn xang bọn con gái thời nay, tự do trò chuyện, cười giỡn với bạn trai. Ai cô cũng chê là dĩ thỏa hư hèn, thời buổi này, đốt đuốc cũng không sao tìm được một người "tiết hạnh khả phong" như cô.

Sống trong vòng tay bao bọc của nội hơn ba năm, thì bỗng nhiên, nội đột ngột từ trần sau một cơn bệnh nhẹ. Nỗi khổ đau vì mất nội như một vết thương lở loét, ngày càng trầm trọng. Cô Hai là con gái, dĩ nhiên được nội tín cẩn, nên cô đã thủ kỹ chìa khóa tủ sắt, và tất cả giấy tờ đất đai nhà cửa. Tang ma nội xong, cô Hai tự nhận là thừa kế, và mặc dù hoa lợi của sở vườn tương đối khả quan, nhưng cô cột "hồ bao" thật chặt. Mẹ Việt là mẫu người

chỉ lẩn quẩn với vai trò nội trợ. Xưa nay, bà đã hoàn toàn lệ thuộc vào cha mẹ, rồi chồng, rồi cuối cùng là mẹ chồng để sinh sống. Thành linh nguồn tiếp tế bị cắt đứt, nên bà phải lao đao chạy ngược xuôi, "mua đầu chợ, bán cuối chợ", kiếm sống đắp đổi qua ngày. Và Việt cũng đã chia xẻ gánh nặng của mẹ bằng nghề bán hột vịt lộn tại đầu cầu Tân An. Vất vả như thế nào mẹ vẫn hài lòng, miễn là có thể bám víu ở tỉnh lỵ cho con tiếp tục việc học hành. Tuy nhiên, dù mẹ nhẫn nhục chiều chuộng cô Hai thế nào, thì tình trạng ở nhờ ngày càng trở nên bi đát, nhất là khi cô Hai nghe bà con chòm xóm xì xào là của cải hương hỏa theo luật lệ do cháu đích tôn thừa kế. Cô Hai chạy lạt, không chấp nhận được mùi ô trọc thịt cá, nên hai mẹ con phải sửa sang lại chuồng gà để làm chỗ nấu nướng và ăn uống đồ mặn. Chái lá tồi tàn này biến thành tổ ấm để hai mẹ con tự do hủ hỉ bên nhau, đợi đến tối mới kén mò lên bếp nhà lớn ngủ nghỉ. Thật ra, trước kia mẹ con Việt cũng có phòng riêng, nhưng cô Hai tu hành ngày càng tinh tấn, nên muốn có một phòng đặc biệt để công phu. Phòng bà nội bỏ trống, thì cô Tư đã "xí phần" từ lâu và cẩn thận khóa kỹ rồi. Thế là mẹ con Việt đành dọn xuống nhà bếp, ngủ tại chõng tre dành cho gia nhân ngày trước.

Ông ngoại từ xã Trung Hòa ra viếng thăm, chứng kiến hoàn cảnh cơ cực của con cháu rất đau lòng. Nhưng ngoại chỉ có thể tiếp tế gạo và cá mắm chút đỉnh, vì ngoại cũng đang gặp khó khăn, bởi lẽ chiến tranh khiến hoa lợi thất bát nặng nề. May mắn, chưa đầy một năm thì tình hình an ninh tại thôn quê có phần vãn hồi. Nông thôn rộn rịp thi đua canh tác, nên giá cả đất đai tăng khá cao. Nhân cơ hội này, ngoại liền xoay sở bán mấy mẫu ruộng, mua một căn nhà lá ọp ẹp tại hẻm chùa Phật Ân, đường Ngô Quyền, thị xã Mỹ Tho để hai mẹ con cư trú. Rồi ngoại cũng sắm cho mẹ một cái máy may hiệu Singer, để bà lãnh may vá làm phương kế sinh nhai. Từ dạo đó, tuy nếp sống vẫn đạm bạc, nhưng hai mẹ con hưởng được những giây phút êm đềm, đỡ phải khấp nép âu lo nghe tiếng chửi chớ mắng mèò nữa.

Hiểu phận nghèo và thương mẹ nên Việt chăm chỉ học hành. Em ước mơ sớm thành đạt để báo tròn chữ hiếu. Em trúng tuyển vào Trung Học Nguyễn Đình Chiểu, với học bổng cao và tiếp tục gặt hái những thành quả thật xuất sắc. Mấy năm sau, Việt thi đỗ Tú Tài toàn phần ưu hạng, rồi nhờ sự hướng dẫn của quý vị giáo sư hảo tâm, Việt xin được học bổng du học tại Hoa Kỳ.

Chàng sinh viên du học ngày đêm miệt mài trau dồi kiến thức, với ước vọng sớm thành đạt để trở về phục vụ quê hương, và phụng dưỡng người mẹ già sau bao năm trời xa cách. Thương nhớ mẹ, nhớ đất nước, Việt thường lục lại chõng thơ cũ của mẹ, để áp ủ từng lời dạy dỗ thương yêu của bà. Khi Việt

du học được ba năm, tình hình mẹ báo tin bà quyết định xuất gia tại Quan Âm tu viện, gần Chợ Vòng Nhỏ, Mỹ Tho; và từ đó, thơ từ ngày càng thưa dần. Tin mẹ xuất gia đột ngột khiến Việt bàng hoàng. Mẹ đã trải qua bao nỗi vất vả nhọc nhằn, nên chàng tâm nguyện sẽ cung phụng cho bà một đời sống sang trọng dư thừa. Thế mà nay bà lại xuất gia khổ hạnh, thì ước nguyện báo đền ân mẹ làm sao thực hiện được đây? Việt lại còn canh cánh mỗi âu lo vu vơ khác nữa. Bị ám ảnh bởi thời ăn nhờ ở đậu tại căn nhà hương hỏa. Việt có mặc cảm không mấy tốt đẹp với giới tu hành. Mỗi khi nghe tiếng niệm Phật, tụng kinh, chuông mõ, Việt thường liên tưởng đến thái độ hậm hực, cầu nhàu, cùng với lời rầy la, nhiếc mắng nặng nề, xỏ xiên. Vì vậy nên tuy cư trú tại hẻm chùa Phật Ân, Mỹ Tho và dù được nghe lối xóm ca tụng thầy trụ trì hiền lành, nhân hậu..., Việt cũng không bao giờ léo hánh tới chùa. Thế mà nay nghe tin mẹ đi tu, mà lại tu pháp môn Tịnh độ, một pháp môn chuyên về niệm Phật, nên Việt mới lo lắng ngay ngáy trong lòng. Chàng thật khó chấp nhận sự kiện người mẹ hiền đức của mình, mà lại có thể chọn một lối tu mà chàng nghĩ rằng ồn ào, rỗng tuếch như cô Hai. Việt ái ngại biên thư cho mẹ, nội dung tuy không dám ngăn cản bà tu hành, nhưng ước mong bà chọn pháp môn nào khác như thiền, Thiên Thai... hơn là Tịnh độ. Mẹ tuyệt nhiên không nhắc nhở gì vấn đề này, khiến Việt cứ thấp thỏm mong chờ đến ngày về nước gặp mẹ tận mặt thì mới thật yên tâm.

Thời gian tu học sáu năm dài đằng đẵng rồi cũng trôi qua. Không phụ lòng tin yêu của mẹ, Việt đã tốt nghiệp tiến sĩ kinh tế học, hạng tối danh dự. Chàng trở về nước mang theo bao dự án phát triển kinh tế mà chàng đã tận lực nghiền ngẫm suy tư để vạch ra. Đón Việt tại phi trường có đông đủ bè bạn cùng bà con nội ngoại, và dĩ nhiên có cô Hai. Cô rất hãnh diện tự hào về đứa cháu tài ba, mà có thời đã "sống gần gũi với cô, từng được cô góp phần chăm sóc dạy dỗ". Tuy nhiên, điều trớ trêu là mẹ, người mà Việt mong mỏi nhưng nhớ xót xa lại vắng mặt. Ba đang nhập hạ(2) nên không thể tự động rời chùa được. Thiếu mẹ là thiếu tất cả. Việt tức tốc đi về Mỹ Tho ngay, bỏ mặc bữa tiệc tùng mà thân nhân bè bạn đã tổ chức tươm tất sẵn tại Saigon. Khi về đến Mỹ Tho, trời đã xế bóng, nên thân nhân Việt ngăn cản không cho chàng vội vàng thăm mẹ vì lẽ Quan Âm tu viện tọa lạc ở ngoại ô, cách chợ Vòng Nhỏ chừng ba cây số, một vùng quê hẻo lánh tương đối kém an ninh. Dù vậy, Việt vẫn âm thầm thuê bao một chiếc xe lôi gắn máy đưa chàng đi đến đó. Đã lưu trú nhiều năm xứ người, ngồi xe láng bóng lướt trên vùng xa lộ thênh thang để chiêm ngưỡng những cơ sở tôn giáo đồ sộ, nghinh ngang, giờ đây, Việt lại ngồi chình chong trên chiếc xe lôi tồi tàn, lắc lư lê lét trên con đường hẹp tẻ, lồi lõm ổ gà, để viếng thăm một cảnh chùa quê cũ kỹ,

khiêm khiêm..., Việt ngậm ngùi xúc cảm: "Ôi! Đất nước mình nghèo quá! dân mình nghèo quá! chùa mình nghèo quá! Ôi! Thương thiệt là thương!".

Ngôi chùa cổ kính lẩn khuất trong khu vườn xanh um. Mái cong cong quót lên nhẹ nhẹ, lớp ngói âm dương rêu phong lốm đốm, và trên con lươn, hai chú rồng rạn nứt cũng vẫn đang uốn mình châu đầu giành ngọc. Thời gian với phụ họa của chiến tranh đã hoành hành khốc liệt: trụ cổng già nua lác lư nghiêng ngả, tường vách loang lổ xác xơ, cửa nẻo lung lay sờn tróc. Sân chùa, và dài dài theo hông chùa ngổ ngang lu hủ khiến cảnh chùa tiêu tụy thêm vẻ hoang vắng tiêu điều. Bị méo mó bởi ngành học kinh tế, đặt trọng tâm vào những yếu tố lợi hại, thấy vị trí ngôi chùa Việt lo lắng thở than: "Ôi! Trong thời buổi mà, ở xứ người các cơ sở tôn giáo lẩn xấn chường ra chỗ đông người, tổ chức quảng cáo, rao bán rùm beng, diễn kịch đóng tuồng làm kinh tài để dành giựt tín đồ và làm giàu; mà ngôi chùa lặng lẽ đìu hiu này vẫn còn cổ lỗ nằm chui rúc ở xóm vắng vẻ lèo tèo thì làm sao mà thành công cho được!". Chùa yên tĩnh vắng người, Việt bỡ ngỡ đi lẩn vào bên trong nhưng vẫn chưa thấy bóng ai. Đang tần ngần lo nghĩ thì may quá có cô bé mặc bộ đồ lam, tuổi chừng 14 từ phía sau vườn đi đến:

- Cô ni ơi! cho tôi hỏi thăm một chút. Bà Lê Thị Hậu có ở đây không cô?

- Ô! mấy bà công quả ở đây đâu có ai tên Hậu cà? Chắc không có ai tên đó đâu chú.

- Má tôi tu ở đây, bà cho biết đang nhập hạ mà! A! A!... tôi có hình của bà đây, cô xem thử coi!

- Dạ đây là hình sư cô Diệu Hạnh. Chú phải gọi pháp danh, chớ gọi tên thế tục thì đâu ai biết được. Ni chúng đang kiết hạ ăn cư, nếu không có lý do chánh đáng không dễ gì gặp được đâu? Chú theo tôi đi gặp sư bà thử coi!

Thấy cô bé nói năng lanh lợi, vừa đi Việt vừa lựa lời han hỏi:

- Cô ni à! chùa đông người không cô?

- Dạ ni chúng gần bốn mươi vị!

- Chùa vắng vẻ quá, không thấy Phật tử thì làm sao đủ sống vậy cô!

- Thừa chùa chủ trương tự túc, chớ không dựa vào Phật tử. Tu sĩ trong chùa phải tự làm ruộng rẫy, và cũng làm tương chao bán, để có thể mua những nhu yếu phẩm khác.

- Có thiếu thốn lắm không cô?

- Chùa quen sống thanh đạm nên thường thì dư thừa. Dư thì quý sư, học theo hạnh Quan Âm (1), đem chia xẻ cho các bà con nghèo trong xóm làng. Chỉ có một lần thiếu hụt bất thường thôi. Năm đó, vì lý do an ninh đồng bào vùng trong phải di tản ra tạm trú trong chùa hàng trăm người. Chùa nuôi ăn họ gần ba tháng, khi họ ra đi thì chùa cũng kiệt quệ, nên ni chúng phải ăn cơm độn khoai với muối hột một thời gian.

- Cô nói gì đến "hạnh Quan Âm" là sao vậy cô?

- Quan Âm nói cho đầy đủ là "Quán Thế Âm Bồ Tát", nghĩa là vị Bồ tát có hạnh nguyện quán sát tìm nghe âm thanh hay tiếng than khóc kêu thương của thế gian để mà cứu độ. Vị Bồ tát này còn có đặc điểm là tùy theo chúng sanh mong muốn Ngài hiện thân như thế nào: vua quan, sang hèn, giàu nghèo, già trẻ... hay nam nữ gì, thì Ngài cũng chiều theo hiện thân như thế mà cứu độ. Bồ tát thì đâu có tướng nam nữ, nhưng Ngài tượng trưng cho lòng từ bi thương chúng sanh như mẹ thương con, nên người ta tạc tượng Ngài trong dáng nữ nhơn dịu hiền. Sư bà dạy chùa đã hạnh được mang danh hiệu của Ngài nên ni chúng phải luôn luôn tâm niệm bốn nguyện từ bi cứu khổ cứu nạn.

Việt không ngờ một cô sa di nhỏ tuổi tại tu viện khiêm tốn này có được kiến thức đáng ngợi. Cảm giác tôn kính lại dâng tràn khi chàng diện kiến vị sư bà hiền đức.

- Bạch sư bà! Con xin phép được gặp mẹ con là sư cô Diệu Hạnh.

- Con du học mới về?

- Dạ!

- Diệu Hạnh có thuật cho thầy chuyện nhà trước khi xuất gia. Mẹ con hiền đức, tu hành tinh tấn, ta rất hãnh diện về bà.

Xây qua cô sa di, sư bà dạy: "con gọi Diệu Hạnh ngay đi", đoạn có lẽ muốn dành cho hai mẹ con tự do họp mặt, sư bà dặn dò Việt tự nhiên chờ mẹ, rồi bà rời bước.

Mẹ xuất hiện từ xa. Bà hơi gầy và đen, có lẽ vì lý do làm lủ canh tác nhọc nhằn, nhưng có vẻ khỏe mạnh. Dáng điệu bà khoan thai, dịu hiền và còn tỏa ra niềm an lạc nhẹ nhàng, mẹ không cười mà tựa như mỉm cười, mẹ chưa mở lời mà Việt đã nghe yêu thương tràn ngập rồi.

Mẹ nay đã là tu sĩ, Việt bối rối không biết xưng hô sao cho đúng, nên áp úng: "Má! Má!... thầy! thầy!...".

Sư cô mỉm cười hiền hòa:

- Con tự nhiên gọi má như xưa cũng được. Lúc nào thì con cũng là con của má.

Rồi bà vò đầu Việt, nói tiếp: "Con má cao lớn và đẹp trai lắm".

- Sao má bỏ con đi tu vậy má? Má không cho con phụng dưỡng má lúc già yếu sao?

- Má đi tu nhưng má thương con như xưa đâu có gì khác. Và chẳng, má nghĩ con còn có cuộc đời của con, có nếp sống riêng của con, má đâu thể bịn rịn giữ con mãi hay lột da sống đời với con hoài được. Má chỉ mong con biết ăn ở đạo đức thì má mãn nguyện rồi!

Việt lại mếu máo:

- Hồi đó, nghe tin má tu theo Tịnh Độ, con liên tưởng đến lối tu của cô Hai nên cứ lo sợ phập phồng...

- Sao con nghĩ sai lầm như vậy? Tám mươi bốn ngàn pháp môn của Phật giáo, chẳng qua đều nhằm đưa ra một phương cách để tu tâm mà thôi. Người niệm Phật tu tâm, nương câu niệm Phật giữ chánh niệm nên tâm thanh tịnh an lành. Khi đối diện với thuận hay nghịch cảnh, cũng nhớ mình đang niệm Phật tu tâm, nên ngăn chặn không để tâm buông lung theo tham, sân, si, mạn..., mà trái lại, khơi mở cho tứ vô lượng tâm tức từ bi hỷ xả hưng khởi nữa. Cho nên, cổ đức dạy rằng trong câu niệm Phật chẳng những đã dung chứa thiền mà còn hội đủ cả ba mươi bảy phẩm trợ đạo (3) nữa...

Tuy mẹ không giải thích cặn kẽ, nhưng Việt cũng tự hiểu là có những người cũng nhân danh tụng kinh niệm Phật, nhưng không hề tu tâm. Phương thức tu dưỡng tâm biến thành một bình phong phô trương đạo đức như một lớp sơn hào nháng bên ngoài, trong khi đó họ vẫn buông lung để tâm rong ruổi theo tham, sân, si, mạn, nghi, ác, kiến. Do đó, càng tu dục vọng càng sôi sục tăng trưởng, và dù có cố gắng đè nén rồi cũng có lúc nổ tung. Tội nghiệp cô Hai, cô tu hành mấy mươi năm mà không bao giờ được thoải mái, an lạc. Càng ngày cô càng cầu nhàu, gắt gồng. Cô cô đơn cùng cực, cô đơn xa lạ ngay với câu niệm Phật mà cô lập lại như một cái máy vô tri giác.

Việt du học trở về vào lúc mà đất nước hoàn toàn lệ thuộc vào ngoại viện về quân sự lẫn kinh tế. Việt là nhân tài đào tạo tại Hoa Kỳ nên được trọng dụng đặc biệt. Do đó, tuy đề án cải thiện kinh tế dân sinh do chàng bông bột khởi xướng không được hưởng ứng rồi chìm lặn trong quên lãng, nhưng công danh chàng như điều gặp gió. Chỉ trong vòng mấy năm Việt đã trèo lên địa vị Tổng Giám Đốc đây uy quyền tại Bộ Kinh Tế béo bở. Dù công vụ đa đoan, thỉnh thoảng Việt vẫn về thăm mẹ và cô Hai. Việt chu cấp săn sóc cô Hai như một đứa con hiếu thảo. Lần này, Việt phải bỏ dở buổi họp quan trọng về Tân An cũng vì cô Hai: cô bệnh nặng tháng nay và giờ thì đang hấp hối.

Chiếc xe trên đường về ngôi nhà hương hỏa, con đường Phan Đình Phùng vẫn không có gì thay đổi, nhưng Việt cảm thấy bồi hồi xúc động vì những kỷ niệm xưa dòn dập hiện về. Xe vừa ngừng trước cổng, thì đám em con cô Tư ùa tới báo cáo đầy đủ mọi chi tiết:

- Sao kỳ quá anh Việt ơi! dì Hai ăn chay trường tu hành mấy mươi năm, mà khi lâm bệnh nặng lại trở chứng đòi ăn mặn dữ quá! Không được chiều ý, dì nổi cơn chửi rủa tục tữ khiến cô bác không ai dám đến gần. Ba hôm trước dì ấy thiếp đi, bác sĩ cho biết người bệnh sắp lìa đời, ai cũng mừng cho dì. Không ngờ hôm nay dì Hai tỉnh dậy, nằm liệt không nhúc nhích mà đòi ăn và chửi mắng nữa.

- Tội quá! sao không chiều ý cho cô Hai ăn món cô ưa thích!

- Đâu được anh Việt! Làm như vậy thì uổng mấy mươi năm tu hành của dì. Người ta nói hễ tu hành quá, khi chết thì bị "nghịch khảo" như vậy đó! Anh Việt à!

Việt không tin thuyết người tu bị "khảo". Theo Việt, nếu không thực sự tu tâm mà chỉ sử dụng việc tụng niệm để lừa dối mình và dối đời, thì sẽ có lúc

không thể che dấu đè nén nổi, khiến bản chất hèn kém hiện nguyên hình. Lệ bảo vệ sử trường chạy cho họ, do đó, hoàn toàn vô nghĩa, vì nó chỉ khiến cho tâm người hấp hối thêm thương và sân hận đến cực điểm mà thôi. Việt bước nhanh vào phòng người bệnh. Tiếng lanh lảnh của cô Hai mắng chửi cô Tư nghe ròn rợn và bi thảm quá. Việt vội lên tiếng:

- Cô Hai! Cô Hai! Cháu về thăm cô đây!

- Việt con! Con Tư nó tàn ác với cô. Nó bỏ đói cho cô chết con à!, bà mếu máo thật áo nảo.

- Cô Hai thích thú gì cho con biết, con sẽ lo cho cô Hai.

- Cô thêm ăn hột vịt lộn, gà rô ti với lại cá trê nướng đậm nước mắm gừng...

- Hột vịt lộn thì đã có sẵn, cô Hai ăn trước đỡ. Còn các thứ kia chú tài sẽ ra quán Nhựt Tân đặt mua ngay.

Mặc dầu cô Tư cùng các cô bác ra dấu ngăn cản, nhưng Việt vẫn cương quyết làm theo ý chàng. Cô Hai theo dõi từng cử chỉ của Việt, gương mặt khô héo tím ngắt mà vẫn bộc lộ vẻ hả hê sung sướng như đứa bé được kẹo. Việt khẽ đập bẻ vỏ trứng, rắc tí muối tiêu, rồi xúc một muỗng nhỏ, đưa mớm cô. Đang rạng rỡ đón nhận thức ăn, bỗng nhiên cô Hai co rúm người lại, run bầy bầy ra vẻ sợ hãi khủng khiếp. Việt không hiểu lẽ gì, chỉ biết lo lắng hỏi han. Một lúc sau, cô Hai mới hỏn hên từng tiếng:

- Hôi đó! cô Hai quăng trứng vịt lộn của con. Con có oán cô không?

- Không cô à! Con thương cô Hai lắm mà, xin cô đừng nghĩ như vậy. Má con thường dạy rằng con nhờ nghe cô Hai tụng kinh, mới có chút phước đức để mà đỡ đạt!

Vẻ mặt cô Hai trở nên hòa hoãn rồi phẳng phát chút an vui. Sau đó, bỗng nhiên cô Hai yên lặng lia đời. Dù tụng niệm hời hợt, có lẽ công năng vô biên của lực tự Di Đà, vẫn đủ sức giúp cô được an lành trước giờ phút lâm chung.

Tháng 3.1990

GHI CHÚ:

1. Bồ Tát Quan Thế Âm: Ngài còn danh hiệu là Quán Tự Tại, và thường được gọi tắt là Quan Âm hay Phật bà Quan Âm, có nghĩa là vị bồ tát quán sát âm thanh của chúng sanh trong thế gian hầu hiện thân thông cứu độ. Ngoại trừ Tây Tạng phương thờ Ngài dưới hình dáng nam nhân, các nước theo Bắc phương Phật giáo khác đều tạc tượng Ngài như một nữ nhân.

2. Hạ: (còn gọi là kiết hạ an cư) Thời gian tu sĩ ở yên một nơi để tinh tấn tu tập, bắt đầu từ ngày 16 tháng 4 đến rằm tháng bảy âm lịch. Theo nguyên tắc, thời gian này không ai được ra khỏi chùa trừ những vị trong ban trị sự.

3. 37 phẩm trợ đạo: (Tam thập thất trợ đạo phẩm) gồm có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi và bát chánh đạo.

Ba mươi phẩm trợ đạo là kim chỉ nam dẫn đường cho người tu học Phật pháp. Theo kinh A Di Đà, trong cõi nước Cực Lạc, có những loại chim kỳ diệu do Phật hóa hiện để cất tiếng hòa nhã diễn xướng các phẩm trợ đạo.

---o0o---

CỬA THIÊN DÍNH BỤI

Thượng Tọa Thích Quang Lạc ấn nút cho chiếc ghế bành Lazy boy giữ độ nghiêng vừa ý, đoạn ngã người lún sâu vô lớp nệm mousse đầy cộm, thoải mái xem cuộn phim video Tây Du Ký. Bộ phim dàn cảnh công phu, hình ảnh đẹp, diễn xuất vững vàng, tình tiết ly kỳ, đối thoại hấp dẫn, nên thầy thật khoái chí. Tài tử đóng vai Tề Thiên khi khọt dễ thương đang bày trò "khí" ban nước thánh trường sanh bắt tử "khai ngáy" cho bọn Hồ Lặc đại tiên, hoạt cảnh vui nhộn khiến thầy Quang Lạc cao hứng cười "ha ha" vang rền. Ở xứ người chùa chiền chỉ sinh hoạt vào cuối tuần, ngày thường chùa vắng tanh, nên tu sĩ có thể tùy nghi sống với sở thích, đỡ phải gò bó theo những lễ nghi phiền phức xa vời.

Thầy Quang Lạc vốn say đắm truyện Tây Du từ thời còn là một học sinh trường tiểu học Phan Văn Trị Saigon. Thuở ấy, cậu bé tên Đạt cùng thằng bạn thân tên Tường, đã chia nhau nhin ăn quà sáng, để có tiền thuê truyện Tây Du rồi say sưa nghiên ngẫm từng câu chuyện thần thông biến hóa. Hai thằng bạn tâm đầu ý hiệp suốt ngày tranh cãi truyện Tây Du, đến nỗi, chỉ cần nhắc hỏi thứ mấy trong quyển sách, thì cả hai đều biết ngay nội dung đoạn đó. Đạt và Tường thường giao đấu bằng cách đố nhau các chương sách, thử

sức nhau bao bận để phân tài cao thấp mà đũa nào cũng thuộc vanh vách, nên phải chịu xử "huê". Thế rồi hai đũa lại mơ mộng diễn lại những pha gây cản trong truyện. Điều éo le là ai cũng khoái đóng vai Tề Thiên tài ba xuất chúng, còn vai Bát Giới ục ịch, biếng nhác, ham ăn, ham gái thì chẳng mạng nào thềm. Tranh cãi nhau không xong nên hai đũa phải biểu diễn thần thông biến hóa. Tường "chuồn" đi một lát đã quơ về được mấy trái cam trên bàn cúng Ông Thiên đầu xóm. Đạp lên vào chùa Linh Sơn một chập cũng chôm chia được nải chuối Xiêm cúng Phật. Bày cách giao đấu nào cũng bắt phân thắng bại, nên cuối cùng, trên bước đường "hành hiệp giang hồ" thuộc giang san hẻm Đê Thám, hai nhóc con anh hùng đành chấp nhận hiện hữu của hai Tề Thiên Đại Thánh: Tề Thiên Đạp phục phịch và Tề Thiên Tường ròm ròi.

Lớn lên, không còn tùm năm, tùm ba làm Tề Thiên phá làng phá xóm, nhưng đôi bạn vẫn ôm ấp riêng mình mộng Tề Thiên dọc ngang Trời Đất. Tường đam mê khoa học, mài miệt tra dồi tri thức của loài người, với hoài bão trở nên một nhà bác học tài ba có khả năng "Tề Thiên", theo nghĩa là biến cải huyền cơ tạo hóa. Tuy nhiên, vừa tốt nghiệp cử nhân khoa học, thì Tường đã vướng phải oan gia nghiệp chướng bám sát như bóng với hình. Cái tri thức ghê gớm mà Tường tự tin có khả năng đối phó "Đất Trời", tỏ ra chẳng công hiệu gì với nữ yêu kiều diễm, thành thử chàng bị hợp hôn, không còn cách gì đăng vãn độn thổ trốn đi đâu được. Rồi chỉ mấy năm sau, mấy tiểu yêu lần lượt ra đời, khiến cho Tường chạy ngược xuôi "vắt giò lên cổ" dạy học kiếm tiền phục vụ bày yêu, thì còn hơi sức đâu nuôi dưỡng mộng Tề Thiên cao xa nữa. Đạp cương quyết thi hành mộng Tề Thiên dựa trên những sự thực phũ phàng của đất nước. Chàng chủ trương, trong giai đoạn chiến chinh, không có sự tiến thân vào nhanh chóng hơn binh nghiệp, nên đã sớm tình nguyện nhập học trường võ bị. Đạp dự trù, bằng mọi giá, chàng sẽ tiến lên địa vị khá cao trong quân đội, rồi chàng sẽ móc nối tạo thêm vây cánh; chừng đó, mặc sức mà bắt tay nhau vo tròn bóp méo đất nước, "thay Trời trị dân", mộng Tề Thiên chắc chắn có cơ thành tựu. Do đó, Đạp đã hội nhập quân đội một cách nhiệt tình: chàng chiến đấu dũng cảm, nhưng cũng biết chiều lòn, nịnh bợ thượng cấp để dễ thăng quan tiến chức. Đạp lại sớm lãnh hội tiềm lực của hệ thống lính ma, lính kiêng, nhờ vậy, cũng khá rủng rinh. Tiền bạc giúp Đạp khôn ngoan hơn, chàng biết "tìm thầy, chạy thuốc" nên khám phá được con đường thăng quan tiến chức mà không phải đổ mồ hôi và xương máu ở chiến trường. Vì vậy, chỉ bằng đi mấy năm, trong khi các bạn đồng khóa vẫn còn lặn độn với cấp trung úy, thì Đạp đã nghiễm nhiên là một thiếu tá quân trưởng rồi. Tất cả mọi diễn tiến đều đúng phong phúc như Đạp dự liệu, như vậy, chỉ cần thăng chức vài lần nữa, thì Tề Thiên Đạp sẽ dọc ngang Trời Đất, xưng hùng xưng bá một phen. Sau mấy

năm làm ăn khấm khá, Đạt gom góp hết tiền bạc, dự định đầu tư "cú" lớn: mua lon trung tá và chức vụ tỉnh trưởng tại vùng cao nguyên. Nhân dịp yết kiến phu nhân thượng cấp để đóng "hụi chết", Đạt khấn khoản van cầu bà nâng đỡ và may mắn được "bà" chuẩn hứa. Trên đường về quận, Đạt đang dật giấc mộng tuyệt vời, bất ngờ người tài xế vừa lách tránh một mô đất bất bình thường, thì bỗng có loạt súng nổ vang rền. Đạt đau nhói ngã gục. Chàng cảm giác như đang lao vút xuống hố thẳm đen ngòm hun hút dường như bất tận, rồi bị hất tung ra khoảng không gian mờ ảo. Cuộc đời sôi nổi của chàng, từ thuở lung lảng phá xóm làng đến lúc lâm nạn đều hiển hiện rõ ràng trước mắt như một cuộn phim quay nhanh vun vút mà không sót một chi tiết nhỏ. Rồi Đạt chợt thấy mình lửng lơ trong một gian phòng vôi trắng. Bác sĩ, y tá đang xúm xít vây quanh một xác người bất động để gắng sức cứu chữa. Thấy nằm sóng sượt đó chao ôi sao giống Đạt quá. Rõ ràng là Đạt rồi. Đạt run sợ rưng rùi, chàng lớn tiếng van xin bác sĩ cứu mạng nhưng bọn họ làm li làm việc dường như chẳng ai quan tâm đến. Trong cơn thảng thốt kinh hoàng, chợt thấy tượng Quan Âm trên cổ cô y tá ngời sáng, người Tề Thiên đời nay, khi lâm chung dưới "núi nghiệp" của tử sinh vội chắp tay chân thành nguyện cầu Quan Âm cứu độ... Trong cơn đau nhức rã rời, chập chờn mê sáng, Đạt lần lần hồi tỉnh mà miệng vẫn còn mấp máy niệm danh hiệu Quan Âm. Thần trí khôi phục Đạt mới biết đã bị viên đạn xuyên vào lồng ngực cách tim không quá hai phân, máu me linh lảng, nhưng may được trực thăng khẩn cấp đưa về Tổng y viện Cộng Hòa cứu chữa nên đã thoát cơn hiểm nghèo. Trải qua những giây phút vật lộn với thần chết, nằm tê tái đơn côi trong bốn bức tường tẻ lạnh, Đạt bàng hoàng nhận chân cái bọt bèo vô nghĩa của kiếp người. Bao nhiêu hùng khí Tề Thiên Đại Thánh oanh oanh liệt liệt đều tan biến mất. Quãng đời cũ, vinh nhục, thành bại, anh hùng hay hèn hạ gì, đều trở thành thứ trò múa rối vô duyên.

Vui buồn gì thì cũng là cái vui buồn hời hợt trong biển khổ luân hồi sanh tử miên man bất tận. Nội tâm rung chuyển toàn diện, khiến cho con người tự "tôn" tự đại khinh thường Trời Đất, sau khi kề cận với thần chết khắc nghiệt, đã bàng hoàng "ngộ không", thực chứng được lý vô thường vô ngã, để rồi quyết tâm buông bỏ cái giả tạm, đồng mãnh phát bồ đề tâm nguyện làm một "hành giả" tu học Phật Pháp, hầu có thể độ mình và độ người. Thế rồi, trước sự ngạc nhiên tột độ của thân nhân bè bạn, Đạt dựa vào chiến thương để xin giải ngũ, rồi âm thầm xuất gia, với pháp danh Quang Lạc. Trong thời gian này, Giáo Hội Phật Giáo đang củng cố cơ sở tổ chức nên rất cần cán bộ. Sự được trọng dụng, do đó phải hi sinh dành bớt thời giờ tu tập và trau dồi nội điển cho nhu cầu giáo hội. Nhờ kinh nghiệm thừa thừa về giao tế và hành

chánh, thầy Quang Lạc đã phục vụ giáo hội đặc lực, nên chỉ trong một thời gian ngắn đã có một uy thế khá vững vàng, vượt xa những vị tu sĩ thâm niên mà chỉ biết cặm cụi tu hành. Chính nhờ những giao tế nhân sự, thầy đã nắm vững tình trạng nguy cơ của đất nước, nên đã kịp thời quyết định di tản sang Mỹ vào tháng tư năm 1975, rồi định cư ở một thị xã vùng duyên hải. Thầy vốn có tham vọng trở thành một thứ "tổ sư" tại nước người nên ngôi chùa mà thầy vận động xây dựng liền được tự phong là "chùa tổ". Rồi thầy cũng phát họa kế hoạch qui mô nhằm kiến thiết ngôi "chùa tổ" nguy nga, sau đó, sẽ đến dự án xây dựng một đại tùng lâm vĩ đại để lấy tiếng với đời.

"Tâm viên ý mã", - tâm như vượn, ý như ngựa -. Mới hồi tưởng chút quá khứ mà tâm ý đã dong ruổi đi ngàn dặm, mãi đến khi cuộn tape đã hết thầy mới sực tỉnh. Video ngưng chạy, nên vô tình, truyền hình tự động chuyển sang đài 15, với màn ảnh sống động lồng lộng thân hình nẩy lửa, trần truồng như nhộng của người đẹp đang ưỡn ẹo tắm nắng. Đài cable 15 thường chiếu những phim hấp dẫn, mà không bị cắt ngang bởi những mục quảng cáo đáng ghét nên được nhiều khán giả ưa chuộng. Ngoài ra, đài cable cũng thường "phóng khoáng" hơn đài thường, và luôn có những pha cời truồng tuốt luốt hay phơn phớt cảnh "làm tình nhẹ nhàng" nữa. Tuy thỉnh thoảng thầy Quang Lạc vẫn bị bắt buộc phải nhìn cảnh "gai mắt", nhưng thầy cũng nóng mặt. Thầy "khó chịu" tắt máy truyền hình rồi ngồi thừ ra, đầu óc trống không nhàm chán. Ở nước nhà, tu sĩ phải bận rộn Phật sự suốt ngày, chăm chỉ tuân theo nề nếp, lo công phu, tập thiền quán..., lại được thầy tổ giám sát, nên đâu có lúc vẩn vơ lơ đãng. Đến xứ người, một mình một cõi tự tác, mà công việc Phật sự cũng chỉ thu gọn vào 2 ngày cuối tuần, thời giờ trống không rảnh rảnh nhiều quá, biết làm gì cho hết? Nhân nhả lăm đôi khi thầy nảy sinh những cơn ngán ngẫm cho tháng ngày lê thê lếch thếch. Uể oải rướn lên với lấy tập san Phật giáo đọc dang dở, thầy liếc sơ sịa vài trang thấy nội dung cũng chỉ toàn là mớ giáo lý cũ mèm khô khan, chẳng có gì hấp dẫn nên lại vớt qua một bên. Thầy thở dài: "nản quá!". Thầy cũng không hiểu nổi tâm tư mâu thuẫn của chính mình, Khi thì thầy cũng mong muốn tu cho thật "nổi" để lấy tiếng với đời, nhưng con đường tu sao mờ mịt, xa xôi chẳng thấy bến bờ gì cả. Đôi khi thầy lảng vảng ý nghĩ nên bán "quách" ngôi chùa kiếm chút đỉnh vốn hoàn tục, nhưng thầy thấy không ổn, mà thật ra thì cũng không đành lòng. Càng ngày thầy càng thấy câu châm ngôn trong tự viện, mà ngày mới xuất gia, các vị đàn anh thường nhắc nhở dường như phản ảnh trung thực bước đường tu tập của thầy:

Nhất niên Phật tại tiền
Nhị niên Phật thăng thiên
Tam niên bất kiến Phật

Thật vậy, ngày mới xuất gia, sơ phát bồ đề tâm đồng mãnh thầy tinh tấn tu tập nhất quyết đạt đạo để độ đời. Hình ảnh Đức Phật lúc nào cũng hiện hữu trong tâm, cũng ở trước mặt, và quả vị thì cũng "chắc mềm" trong tầm tay rồi. Thời gian sau, thầy phải gánh vác việc giáo hội, bận rộn chuyện đời chuyện đạo, việc tu tập giải đãi lần lần. Và chẳng, càng thực hành thầy càng thấy việc tu sửa tâm thập phần gian nan hơn hẳn giữ "trâu hoang", chuyện thành đạo mịt mờ, mà nhiệt huyết tu hành cũng cạn lứt: Phật ngự ở cõi Trời mông lung xa lác xa lơ rồi. Bây giờ, có lẽ thầy đang ở giai đoạn "tam niên bất kiến Phật", nên Phật là Phật, thầy là thầy. Phật gỗ lạng lẽ, bất động tọa trên bệ xi măng ngoài chánh điện lạnh lẽo, đầu có đỉnh lú, liên hệ gì với con người bằng xương bằng thịt, nhạy cảm, đang tận hưởng những tiện nghi vật chất trong phòng riêng ấm cúng này. Thầy bấm nút cho ghế nệm xoa bóp lưng, rồi ngã người lim dim mơ mộng. Bỗng thầy choàng dậy, vớ điện thoại không dây để cạnh, bấm nút chọn đường dây tự động số một. Tiếng người đẹp "hê lô" ở đầu dây khiến thầy nghe ấm áp, mắt thầy sáng lên:

- A lô! Đang làm chi đó? có gì vui không?

- Ô! mệt quá thầy ơi! đang sửa sang tiệm mới cho kịp khai trương đầu tháng tới. Thầy cúng khai trương dùm nghen thầy?

- Hà! hà! Thiên Kim muốn chi mà chả được?

- Cảm ơn Thầy! Thôi "bai" nghen thầy. Kim phải đến tiệm mới ngay, để chỉ dẫn đám thợ.

Thầy Quang Lạc tiếc rỏ gác máy. Thiên Kim có chồng ngoại quốc nên vui vẻ, và cởi mở, do đó thời gian hàn huyên với người tín nữ này vô cùng hứng thú. Thầy vội bấm số điện thoại tự động số 2, tín nữ Lam Kiều, người đẹp cô đơn có giọng nói ngọt ngào, dễ thương và rất chịu tâm sự. Tiếng chuông reo vang ở đầu dây hằng mười lượt, nghe sót cả ruột mà không ai bắt máy. Chán nản thầy đành mở truyền hình xem tiếp. Hình ảnh quảng cáo những chiếc xe hào nháng bóng lộn, nhắc nhở thầy liên lạc người đệ tử làm giám đốc mua bán xe:

- A lô! Thượng Tọa Quang Lạc đây! À! Thầy định nhờ con tìm cho thầy chiếc xe khác! Ủ thì chiếc xe Cadillac của thầy còn tốt, nhưng thầy thích loại Mercedes đời mới cơ! Con ráng tìm cho thầy gấp nhé! "bái bai"!!

Mơ màng nghĩ đến chiếc xe vừa ý thầy rộn ràng sung sướng. Giờ này, nếu có người bàn bạc tán đồng sở thích với mình thì mới thú vị. Thầy nhìn tới nhìn lui đồng hồ, rồi bấm đơ bấm một số điện thoại tự động quen thuộc. Ngọc Bích là tín nữ thuần thành, chỉ hỏi han quanh quẩn những đề tài tu tâm, dưỡng tánh nhạt nhẽo, nhưng giọng nói nàng nhỏ nhẹ, ấm áp khiến thầy rất ưa chuộng. Nghe tiếng người đẹp ở đầu dây, thầy hí hửng:

- Ngọc Bích khỏe không? đang làm chi đó?

- Dạ! cũng bình thường..., thưa thầy!

Bỗng thầy nghe phơn phớt tiếng đàn ông gay gắt: "Ai đó?", rồi tín nữ Ngọc Bích rói rít: "Thầy nói chuyện với nhà con nha!". Tuy không đến nỗi có chuyện mờ ám xấu xa, nhưng vì dụng ý chọn lúc người chồng đi làm để hàn huyên tâm sự vật vớ với người vợ, nên thầy cũng ngượng ngập, tim đập thình thịch.

Thầy vốn nhanh trí, nên liền lên tiếng đon đả:

- A lô! Chào anh Thành! Thầy định gọi anh ở sở làm, mà gọi lộn số điện thoại ở nhà, không ngờ lại gặp được anh. Hên thật là hên!

- Thầy gọi tui hay thầy gọi ai! Mà thầy gọi tui "mần" gì?, tiếng của Thành gay gắt, xẵng lẽ.

- Ô! thầy định hỏi thăm anh..., ơ! về vụ mua bảo hiểm nhân thọ vậy mà!

- Chuyện đó có gấp lắm không?, Thành quạu quọ.

- Ô cũng không có gì gấp gáp! Vậy nếu anh bận, thì hẹn khi khác vậy!

Vừa nói xong, không đợi Thành trả treo thêm lời nào nữa, thầy vội vàng gác máy. Thầy Quang Lạc tiu nghỉu thẹn thùng. Thật ra, thầy không hề có tà ý tán tỉnh ai, thầy chỉ ưa trò chuyện "lững thững", xưng hô "trông trông" mập mờ với phái nữ vậy thôi. Tâm sự với họ dù chuyện đời hay đạo cũng thú vị hơn bọn đàn ông khô khan nhạt nhẽo. Thầy không ngờ gặp vận xui, khiến Thành có thể ngờ oan cho thầy. Thế nên, thầy xôn xang đứng ngồi không

yên vì nghĩ đến tính đa nghi như Tào Tháo của y. Khi nổi cơn ghen, Thành thường đánh đập vợ tàn nhẫn. Vì vậy, thầy vừa tội nghiệp cho số phận của Ngọc Bích mà cũng lo lắng cho thanh danh tu sĩ của mình. Do đó, thầy muốn giả lả, ngỏ lời đính chánh với Thành, nhưng đính chánh thì hóa ra "tự thú tội" sao? Thế là thầy trần trọc suốt đêm không ngủ, thấp thỏm chờ đợi đến đúng sáu giờ sáng, để gọi đến tiệm thực dụng của Bích Ngọc. Giờ khắc sớm bưng này chắc chắn Thành vẫn đang trùm mền ngủ, nên thầy liên lạc với Bích Ngọc mong đợi phản ứng của Thành ngày qua. Nghe đúng âm thanh của Bích Ngọc, thầy mừng rỡ hỏi:

- "Đang làm chi đó? Có gì vui hông?".

Bỗng nhiên âm thanh chất chúa, nhức óc của Thành phát ra - có lẽ hẳn nghi ngờ nên chịu khó thức dậy sớm theo vợ ra tiệm, mà còn gắn hệ thống điện thoại song song để nghe lén nữa -:

- Ai đó! thầy Quang Lạc phải không?

Thầy Quang Lạc lờ làng muốn im lặng rút lui mà chẳng được, bèn lên đáp yếu xìu:

- A thầy đây! Thầy muốn nói chuyện với anh...

- Thầy gọi tui hay thầy gọi cho vợ tui?, Thành quát lớn.

- Thật ra, thì thầy chỉ có ý định kể một mẩu chuyện đạo cho chị nghe vậy thôi...

- Hừ! giờ này thức nói chuyện đạo? Tu sĩ gì mà...

Thành bắt đầu dùng những lời lẽ nặng nề xỉ vả thầy. Nhớ lại trước đây Thành đã từng kính cẩn quỳ lạy thưa thỉnh cúng dường, mà nay lại dám to tiếng mắng chửi, thầy tức tối vô cùng mà phải ráng nhịn nhục tìm cách giải tỏa những điểm hiểu lầm. Nhưng thầy càng nhỏ nhẹ thì hấn càng hỗn láo hơn, nên cuối cùng thầy đành gác máy.

Thầy Quang Lạc rồi ren khó nghĩ. Thầy biết Thành là con người nguy hiểm, hấn đã thù oán thì không dễ dằn gì để thầy yên thân. Thế rồi, chỉ nội nhật hôm đó, Thành điện thoại mấy lần liên tiếp, dùng lời lẽ thô tục, cục xúc xỉ vả thầy. Rồi hấn còn dọa nạt sẽ phá nát thanh danh thầy, cho thầy không còn đất đứng mới thôi. Mấy hôm sau, bác ủy viên tài chánh hốt hoảng báo động

rằng Thành đã liên lạc từng hội viên hội Chùa để tố cáo một "lô" chuyện nham nhở của thầy.

Thành còn tuyên bố đã liên lạc với hàng ngũ Thượng Tọa Đại Đức có chức sắc trong giáo hội kẻ lể "mét thót", rồi thỉnh cầu quý vị tu hành chân chánh lên án loại bỏ "con chiên ghê" ra khỏi giáo hội. Lời tố cáo vu vợ này đáng lẽ quý vị tu sĩ bằng hữu nên gạt bỏ ngoài tai, nào ngờ họ lại nửa tin, nửa ngờ nên im lìm tránh né không liên lạc với thầy nữa. Điều đáng phiền là có vị lại ron ren thăm dò điều tra tư cách của thầy qua vài Phật tử thân cận. Giới Phật tử lại nhận nhíp bàn ngang tán dọc, càng ngày câu chuyện càng được thêm thắt thập phần mê ly rùng rợn. Thăm mỹ viện là trung tâm thu phát tin thời sự giựt gân của quý bà. Những tin đồn phóng đại bắt được, chủ nhân Thu Trúc liền báo cáo thầy đầy đủ, khiến thầy thêm nao núng lo âu. Thầy là tu sĩ, dù sao cũng giữ thể thống, nên đâu thể trả đũa hay đôi co gì với Thành. Thầy chỉ có cách im lặng "niệm Phật", mà im lặng thì Thành càng làm tới khiến cho những người vốn dè dặt lúc đầu đã lần lần nghiêng theo luận điệu của hắn. Tư thế thầy thật khó tự mình "giải độc" cho mình, vì như vậy thì có vẻ như "nhột nhạt tự thú", khiến thiên hạ càng nghi ngờ hơn nữa. Giải pháp nhờ những Phật tử có uy tín minh oan cho thầy tương đối hợp lý, nhưng khi thầy nghĩ đến, thì có lẽ đã quá muộn. Giờ này, thì ngay bác ủy viên tài chánh, người Phật tử thân cận nhất dường như lòng dạ cũng lung lay rồi. Vậy còn lại mấy vị thực lòng bệnh vực cho thầy đâu? Vả chăng, do ưu tư lo lắng thái quá đó, thầy đâm ra nghi ngờ đủ mọi người. Thầy cảm thấy là dường như ai cũng đôi đũa với thầy khác lạ hơn xưa. Họ khinh thường thầy? Họ to nhỏ nói xấu? Hay họ lén lút rình rập, họ soi bói, nghi ngờ thầy? Đầu óc thầy căng thẳng trước cảnh chùa thừa thót, tàn lụn theo uy tín đổ vỡ của mình. Nguy cơ thì vô cùng mà thầy lại cô đơn ngậm đắng nuốt cay một mình, không có được một người chí thân tâm sự để nguôi ngoai niềm oan ức. Trong hoàn cảnh đó, bỗng dưng thầy sực nhớ đến Tường, người bạn "Tề Thiên Đại Thánh" thuở nhỏ. Tường đưa được gia đình sang Hoa Kỳ, cư ngụ cách chùa chừng 5 giờ lái xe nên thỉnh thoảng viếng thăm bạn xưa, ôn lại thời ấu thơ âm cúng. Từ lâu, thầy không liên lạc với Tường, vì có điểm bất đồng nhân dịp thầy vừa được tấn phong thượng tọa. Chi tiết cuộc đối thoại đó, thỉnh thoảng vẫn hiện về ray rức thầy, dù thầy mong muốn quên đi cũng không thể được. Nguyên thầy thọ giới tỳ kheo hơi trẻ, tuổi đời tuy khá cao mà tuổi hạ mới hơn mười năm, chưa đủ 20 hạ để tấn phong thượng tọa. Tuy vậy, ở nước ngoài thiên hạ thi đua nhau tự phong chức rầm rầm, "trung sĩ y tá" còn tự xưng được là "trung tá y sĩ", nên nếu thầy có mập mờ ngày thọ giới tỳ kheo để vận động được tấn phong danh vị thượng tọa cũng rất thường tình. Thầy hí hửng báo tin cho Tường để hắn

chia xẻ niềm vui lớn của mình, không ngờ Tường quá hiểu rõ bí mật của thầy, nên hần cười ngặt nghèo rồi hỏi mót:

- Thời tại ngũ, nếu thầy phải chạy chọt để thăng quan tiến chức thì cũng có phần hợp lý. Còn tu hành mà phải chạy chọt... thì... thì quả thật lạ lùng... khó hiểu...

- Ô! thời buổi này mà! Thói thường thiên hạ trọng nể danh xưng thượng tọa, nên mình cũng phải mang danh vị này hầu việc phục vụ Đạo Pháp tăng thêm hiệu năng vậy thôi!, thầy yếu ớt chống chế.

- Thầy ơi! tỳ kheo nghĩa là gì thầy?

- Tỳ kheo là chữ Phạn, có nghĩa là "Khất sĩ": hành khất Pháp để nuôi huệ mạng, và hành khất thực phẩm để nuôi thân xác. Người tu hành nếu có nghề riêng để nuôi thân dễ sanh tâm giải đãi. Còn đã khất thực tức là tự đặt mình trong vị thế của kẻ chiến sĩ chỉ có con đường chiến đấu đến chiến thắng chớ không có con đường lùi; tu sĩ chỉ có con đường quyết tâm tinh tấn tu hành đạt đạo để trả ơn thí chủ, chớ không có con đường đọa lạc tu lơ mơ, vì như tổ Triệu Châu đã cảnh cáo "hương của bá tánh mà tu hành không chân chánh, thì kiếp sau chỉ có cách làm thân trâu ngựa để báo đền mà thôi!". Dĩ nhiên, danh xưng tỳ kheo lại còn có diệu dụng nhắc nhở tu sĩ tập hạnh khiêm cung - đã đi ăn xin dù được trau chuốt bằng danh từ hoa mỹ nhận cúng dường thì sao có thể ngã mạn được

Thầy giảng giải cho bạn đầy đủ và tận tình, hần đã không lời cảm tạ mà còn cười thầy, rồi nói:

- Thầy trả bài thuộc quá! Danh xưng tỳ kheo có ý nghĩa thâm trầm như vậy nhưng có sao thầy lại chê bai chạy theo danh xưng thượng tọa vô nghĩa để làm gì?

Dù lời phê bình phát xuất từ người bạn thâm giao, song thầy Quang Lạc cũng giận tím người. Từ dạo đó, thầy lơ là với bạn. Nay trong hoàn cảnh cô đơn hiện tại, bỗng dưng thầy quên hết giận hờn. Thầy nhớ đến bạn, nhớ lại thời trẻ trung hồn nhiên vui vẻ, không phải mang hia, đội mũ, ràng buộc bởi một thứ danh vị phiền phức nào. Thầy gọi điện thoại đến Tường trong tâm trạng vui tươi ấy:

- A lô! Chào "Tề Thiên"!, thầy cười khà khà.
- Hí! Hí! Mạnh giỏi hả "Tam Tạng"!
- Tề Thiên đang làm gì đó?
- Cho thằng cháu ngoại xem phim Tây Du để nó học nghề nhà mà! Đang xem hồi thứ 18 đây!

Thầy Quang Lạc nhớ đến thời hai đứa đồ Tây Du với nhau, nên vui vẻ ngâm nga hai câu khai mào:

- Chùa Quan Âm Đường tăng khỏi nạn,

Xóm Cao Lão Hành Giả bắt yêu.

- Khâm phục! Khâm phục! Còn Tam Tạng có việc gì không?

Hồi thứ 28!

Bị đuổi xô Ngô Không về Hoa Quả
Rừng Hắc Tòng Tam Tạng bị yêu.

Thầy vui đùa với bạn, buộc miệng đồ giỡn chơi không ngờ vô tình lại nhắc đến giai đoạn Tam Tạng vừa nghe lời dèm xiêm của Bát Giới mà xua đuổi Ngô Không, kể đó bị lâm nạn Huỳnh Bào cực kỳ nhục nhã. Thầy bỗng dừng liên tưởng đến hoạn nạn của thầy, rồi ngẩn ngơ thất thần, buông tiếng thở dài thậm thụt.

Không biết Tường có hiểu phần nào tâm sự của thầy không, mà hấn bỗng trởi một tràng cười giễu cợt, rồi la ơi ơi:

- Ngô Không ơi! thầy đang lâm nạn!

Mau quay về dẹp đám yêu tinh..

Như trong cơn mê sảng, thầy Quang Lạc cũng lập lại hai tiếng "Ngô Không! Ngô Không!" vô nghĩa. Rồi trong trạng thái thành khẩn kỳ lạ, thầy bắt đầu hồi tưởng lại quãng đời tu tập của mình. Ngày xưa nhờ nhân duyên hiếm có, thầy đã "ngộ được lý không", nhờ vậy mới phát hoằng nguyện xuất gia học đạo giác ngộ mong cứu độ chúng sanh ra khỏi bể khổ bờ mê. Những năm đầu dẫn thân cho lý tưởng, người "hành giả" lúc nào cũng canh cánh "ngộ không" trong tâm, nhờ vậy mới "ngộ năng" tinh tấn kiên trì "bát giới", hầu xứng đáng với danh vị "sa tăng ngộ tịnh", tức là một tăng nhân thanh tịnh ở cõi Sa bà. Thế rồi, sau thời sơ phát bồ đề tâm đồng mãnh đó, sư bắt đầu lăn

xả lo việc giáo hội và đã gặt hái được nhiều thành quả đáng kể. Sư được giáo hội trọng vọng, rồi đám Phật tử cứ thổi phồng lên khiến sư sung sướng chơi vơi với những lời ca tụng ở đầu môi chót lưỡi. Sư vô tình xua đuổi lý không lúc nào chẳng biết để rong ruổi theo cái có giả tạm hời hợt như người thế tục. Đến xứ người, không có sư phụ kèm chế, cũng vắng bóng những bậc trưởng thượng tạo điều kiện thuận lợi cho “thế hệ trẻ” phóng túng, tự do phô trương đạo đức. Sư nói trắng nói cuội gì cũng được người vỗ tay cổ vũ khiến sư càng ngày say mê cái danh dự hão, và cũng tưởng mình đã trở thành bậc đạo đức cao tăng ngông nghênh cuồng ngạo. Sư đã không còn “ngộ không” bên cạnh, thì dĩ nhiên Lão Trư dục vọng không ai kèm chế, gàn gửi sư mặc sức to nhỏ khuyến khích sư lặn hụp trong danh lợi và hưởng thụ những thú vui ở đời như kẻ thế tục. Mà sống trong một nước văn minh thì đâu thiếu món gì. Bao nhiêu thứ hấp dẫn bày biện sẵn sàng để thỏa mãn tối đa cho nhu cầu hưởng thụ của mắt, tai, mũi, lưỡi và thân xác con người. Thật ra thì sư chỉ nuông chiều mình một chút xíu thôi, sư muốn sống thoải mái đầy đủ tiện nghi, thích thưởng thức nét đẹp, thích được ru bởi những âm thanh ngọt ngào nhẹ nhẹ. Và, lần hồi... sư đã lãng quên hẳn lý tưởng tu tâm ngày trước, đến nỗi bị nội ma, ngoại ma phủ vây phá rối tan tành như tình trạng ngày hôm nay.

Sau phút suy tư, sư cương quyết chọn con đường rước “Ngộ Không” về để dẹp đám yêu ma và kèm chế Lão Trư lợn lòng. Sư lặng lẽ và trang trọng thấp hương lễ Phật. Sư chân thành cảm tạ Tam Bảo và cũng cảm tạ tiên sinh Ngô Thừa Ân, tác giả bộ Tây Du diễn nghĩa, từ mấy trăm năm trước đã có hậu ý nhắc nhở và chỉ điểm cho người hành giả những khúc quanh co lắt léo trên bước đường tu hành. Sư bắt đầu tụng “Bát Nhã Tâm Kinh”:

“Bồ Tát Quán Tự Tại, khi quán chiếu thâm sâu bát nhã ba la mật, bỗng soi thấy năm uẩn đều không có tự tánh. Thực chứng điều ấy xong, Ngài vượt thoát tất cả mọi khổ đau ách nạn. Nghe đây Xá Lợi Tử: Sắc chẳng khác gì không. Không chẳng khác gì sắc. Sắc chính thực là không. Không chính thực là sắc. Còn lại bốn uẩn kia, cũng đều như vậy cả...”

“Xá Lợi Tử nghe đây! Thế mọi pháp đều không: Không sanh cũng không diệt; Không nơ cũng không sạch; Không thêm cũng không bớt. Cho nên trong tánh không: Không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng không có nhân, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. Không có sắc thanh hương vị xúc pháp. Không có 18 giới. Không hề có vô minh, cũng không có hết vô minh, cho đến không lão tử, cũng không hết lão tử; không khổ, tập, diệt, đạo; không trí cũng không đắc...”

Khi một vị Bồ Tát nương diệu pháp trí độ bát nhã ba la mật, thì tâm không chướng ngại, nên không có sự sợ hãi, xa lìa mọi mộng tưởng, xa lìa mọi điên đảo, đạt Niết Bàn tuyệt đối.

Chư Phật trong ba đời, y theo bát nhã ba la mật nên đắc vô thượng giác. Vậy nên phải biết rằng Bát nhã ba la mật là linh chú đại thần, là linh chú đại minh, là linh chú vô thượng, là linh chú tuyệt đỉnh, là chân lý bất vọng, có năng lực tiêu trừ tất cả mọi khổ đau ách nạn.

Cho nên tôi thuyết câu thần chú bát nhã ba la mật rằng: Gate. Gate. Paragate. Parasamgate. Bodhi svaha.”

Thầy tụng kinh khoan thai nhưng trang nghiêm thành khẩn. Thầy tụng một thời kinh, cho đến trăm thời kinh..., càng tụng càng cảm thấy rõ rệt từng lời kinh thấm thấu thâm sâu vào tâm mình. Thầy chấm dứt thời kinh trong trạng thái cực kỳ an lạc. Một khi đã nắm vững được lý không, thì bao nhiêu điều lo lắng, buồn phiền, bao nhiêu bóng dáng ma quái yêu tinh đều tan biến không còn dấu vết. Như một đứa con hoang đang quay trở về nhà, thầy cảm thấy mình hoàn toàn đổi mới, tràn đầy niềm tin và sức sống. Vạn vật hốt nhiên cũng thay đổi theo thầy. Tất cả bỗng trở thành thân thiết, đều chuyên chở tình thương yêu vô bờ và đều ảnh hiện Pháp Phật nhiệm mầu. Thầy trang trọng nâng niu xếp quyển kinh nhật tụng, chấp tay chào kính chuông, mõ, tọa cụ...; vật dụng nào cũng thiêng liêng, và cũng là thiện tri thức của thầy trên bước đường hành đạo.

Đúng ngay thời điểm đó, trong tâm thầy bỗng có tiếng nói mong manh như tơ:

- Chúng nó đều là ma đó thầy! Thầy mau tránh xa thứ nguy hiểm đó, nếu không sẽ bị chúng hớp hồn thì làm sao về Tây phương được?

Có âm thanh khác nũng nịu, dễ thương hơn òn ì bên tai:

- Thầy đừng tin anh Ngô Không! Ai ảnh cũng cho là ma quái cả. Chớ những thứ đó hiện khô, chẳng bao giờ hại ai đâu? Và lại, thầy đạo đức thánh thiện, thầy đã hi sinh cả đời cho dân tộc và đạo pháp thì nếu hưởng thụ chút đỉnh cũng đâu đáng gì?

Mâu thuẫn nội tâm lần này không làm thầy phân vân bối rối. Người hành giả, trên bước đường tu hành chông gai trơn trượt, tuy có lần sẩy chơn vấp ngã nhưng không vì thế mà bỏ cuộc. Trái lại, thương đau cũ chính là những

kinh nghiệm quý giá, kiến tạo cho thầy thêm niềm tin và nghị lực cho sự nghiệp giác ngộ. Thầy sẽ luôn luôn giữ “Ngộ Không” kề cận, thầy sẽ nghiêm trì giới luật, và dĩ nhiên không buông lung chạy theo những thú vui xem hát xướng, thú phê phỡn êm lung nữa. Rồi thầy điềm tĩnh nhẹ nhàng mang ghế bành Lazy-boy, máy truyền hình, máy video và cả dàn nhạc âm thanh nổi ra khỏi phòng.

Bây giờ, câu châm ngôn thiên “Tam niên bất kiến Phật” hiển nhiên không còn phản ảnh tâm trạng thầy nữa. Thầy có cảm giác bình an hạnh phúc trong sự thương yêu chở che của chư Phật. Phật chẳng bao giờ xa lắc xa lơ hay mất dạng, mà vẫn luôn luôn hiện hữu trong tâm thầy như một giòng suối bàng bạc và bất tận.

Tháng 6.1990

GHI CHÚ:

* Tác giả vốn là kẻ hư thân buông lung dục lạc nên viết truyện này để tự trách mình và cũng để cảm tạ tiên sinh Ngô Thừa Ân, đã lưu lại hậu thế những bài học đạo pháp thâm trầm.

Tam Tạng pháp sư có nghĩa là vị sư tinh thông ba tạng kinh điển: Kinh, Luật, Luận. Trong truyện Tây Du, danh xưng Tam Tạng dụng ý chỉ cho Đại sư Trần Huyền Trang, một nhân vật có thực trong lịch sử nước Trung Hoa, thời nhà Đường Ngài rời nước năm 629 và trở về năm 645, tổng cộng là 17 năm: 4 năm đi đường và 13 năm tu học. Ngài mang về nước được 657 bộ kinh cùng vô số bảo vật, rồi bắt đầu phiên dịch ròng rã trong 19 năm được 75 bộ kinh, tính chung là 1330 quyển.

Tiên sinh Ngô Thừa Ân đời nhà Minh vốn là bậc Phật học uyên thâm, đã thần thoại hóa câu chuyện đi Tây Phương thỉnh kinh của Ngài Trần Huyền Trang, với những hình ảnh ma quái bên cạnh đám đệ tử huyền hoặc Tề Thiên, Bát Giới...

Có người cho rằng nhân vật Tề Thiên tượng trưng cho lý trí, và Bát Giới tượng trưng cho dục vọng thàm kín của con người. Lý trí hướng dẫn hành giả tinh tấn tu tập, còn dục vọng lại thúc đẩy con người thỏa mãn những nhu cầu thàm kín “rất người”, nên vẫn được hành giả mến yêu hơn.

Cũng có thuyết chủ trương Tề Thiên tượng trưng cho ý thức, lặn xăn như khi vượn, thoát biến thoát hiện cực nhanh như “cân đầu vôn”, khôn ngoan mưu mẹo trăm phương ngàn kế... như được võ trang bằng 72 phép thần thông biến hóa. Ý thức tài ba, tự tôn tự đại nên mới nảy sinh mộng Tề Thiên Đại Thánh khống chế cả Trời Đất, mãi đến khi bị núi nghiệp đè nặng không vùng vẫy nổi mới “ngộ không” để trở nên một hành giả học Phật tu thân. Ngũ thức nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân... được thể hiện qua hình ảnh Trư Bát Giới, một thứ “heo lòng”, tuy cũng có chút đỉnh thần thông nhưng nặng nề ô trược vì dễ nhiễm trần. Riêng Sa Tăng tượng trưng cho mặt na thức và a lại da thức, hiện hữu lơ mờ và thứ yếu đối với con mắt kẻ tục, nhưng nó lại tàng trữ hạt giống thanh tịnh thường hằng. Ý thức, tức Ngộ Không, tuy cực kỳ tài ba, đối phó với Trời Đất dường như không đối thủ, đụng độ với ma lòng thì thảm bại gian nan, chỉ có phương cách truy nguyên nguồn gốc của ma hay nương vào tha lực, cầu Bồ Tát Quan Âm mới mong diệt trừ chúng được.

Kiến giải của tiên sinh cao thâm, mà sự hiểu biết của tác giả lại nông cạn nên tác giả chỉ mạo muội trình bày vài nhận định sơ lược, chớ không dám đi sâu vào tư tưởng cao siêu của tác giả. Kính mong được những bậc cao nhân niệm tình chỉ giáo.

Tác giả cần chí.

---o0o---

TÂM THẦY

"Tuổi Tuất là con chó cò
Nằm khoanh trong lò, mặt mũi lấm lem."

Thím Bảy tuy cũng tuổi Tuất, nhưng có lẽ, nhờ được "đẻ bọc điều" nên sung sướng từ tấm bé. Thím là con út, mặc sức được ông bà già cưng, nên có bao giờ thím phải xông vào bếp bận rộn nấu nướng đâu mà lấm lem lọ ngẹ. Lập gia đình, thím lại được chồng cưng, nên lại càng "bach tuột" chuyện nhà cửa. Máy bà chị của thím thường trêu gheo: "Mây là thứ chó lông xù, lấm quần phòng khách làm kiếng, chớ biết cơm nước gì". Thím ngẫm nghĩ mình cũng dở tệ thiệt tình, thành thử không thêm phản đối lời chê bai thậm tệ đó.

Chùng di tản sang xứ Hoa Kỳ, thím mới khám phá mình không may mắn như chó lông xù làm kiếng, cũng không thể làm con chó cò nội trợ tần mẩn

bếp núc sẵn sóc chồng con. Chân ướt chân ráo xứ người, tiếng Tây tiếng u xệu xạo thì thím đã phải lăn xả đi tìm việc. Không là chuyện đổi đời, cải lột mà thím bỗng hóa kiếp thành con trâu cùi, quần quật cày suốt ngày không kịp thờ. Làm việc ngày thường chưa đủ, thím lại lao đầu cày giờ phụ trội tối tăm mặt mũi, đến nỗi không còn hơi sức để than thở nữa. Mà ở xứ này, mấy ai thoát khỏi thân phận con trâu đười Chồng thím tuổi mùi, "chánh hiệu con dê sòm", mà cũng phải cày thực mạng, nên đâu còn thời giờ te rẹt ngang dọc tán tỉnh đám đàn bà con gái ông ẹo, khiến thím đồ ghè tương như thời xưa nữa. Chờ suốt tuần đến ngày chúa nhật thím mới rỗi rảnh âu yếm chuẩn bị bữa cơm Việt Nam thuần túy cho gia đình: canh chua cá bông lau với cá bóng kèo kho tộ. Ném món ăn vừa ý, thím mỉm cười thích chí thâm nghĩ, bây giờ, có chị Hai ở đây, bà ắt phải chung hứng ré lên: "Chèn ơi, con nhỏ nấu nướng cũng ngon quá cỡ he!". Đang nghĩ quẩn lu bu, bỗng thím ngẩng mặt lắng nghe mớ âm thanh hỗn độn của chương trình truyền hình. Bản tách chú trâm lạng, mà bỗng dừng lại chăm chú xem một màn ồn ào khiến thím vô cùng thắc mắc. Thím lẩm bẩm: "Bộ ông này sanh tật sao kia!". Thím vội ghé mắt nhìn màn ảnh truyền hình. Thấy một "đại hán" lẳng xẵng chạy tới lui, hùng hổ quơ tay múa chân la hét... như lối sơn đông mãi võ rao bán cao đơn hoàn tán bên hè phố ở nước nhà, thím tò mò hỏi chồng:

- Họ quảng cáo bán giống gì vậy anh?

- Bậy nà! Người ta đang giảng đạo bà à!

- Kỳ há! Giảng đạo mà sao họ bày trò giựt gân xôm tụ vậy cả?

- Căn cơ xứ này như vậy đó em à! Họ thích "động" chuộng cái âm thanh ồn ào của nhạc Rock, của New Wave..., thì nhà truyền giáo cũng phải theo thời trang mà hô hào la hét... mới mong lôi kéo, xô đẩy người ta theo được!

- Ừa nhỉ! Theo đà đó, coi bộ rồi đây người ta sẽ khai thác kỹ thuật tân kỳ của lối buôn bán đồ "sale" vào chốn tôn nghiêm. Thiên đường nếu có màn "đại hạ giá" cũng không có gì là lạ!

- Ô! nếu nhà truyền giáo nhiệt thành hò hét quảng cáo cho đạo thì cũng đáng khen! Chỉ ngại là đôi khi họ còn nhiệt tình đến độ quá khích mù quáng đến nỗi tận dụng mọi thủ đoạn nhỏ nhen để lường gạt, dụ dỗ hay thậm chí đàn áp, cưỡng bức người như xâm lăng cướp nước hay mở cuộc thánh chiến thì mới nguy cho kẻ khác chứ!

- Chắc mình già! mình hủ lậu quá! nên sống hèn lâu ở xứ này, mà em vẫn chưa hiểu nổi họ!

- Có gì lạ đâu em. Mình tiêm nhiễm cái không khí trang nghiêm thanh tịnh của Đông Phương, theo đó, vị chân sư trầm lặng chỉ ban đôi lời đạo vị mà đi thẳng vào lòng người Đạo vốn không lời, chỉ truyền thẳng từ tâm thầy sang tâm trò, chớ cái ngữ ngôn hạn hẹp làm sao đủ sức chuyên chở nổi chân tâm màu nhiệm. Ngày xưa, tại núi Linh Thứu trước hàng ngàn đệ tử tề tựu lặng yên nghe pháp, Đức Phật chỉ cầm cành hoa giơ lên thì Ngài Ma Ha Ca Diếp (1) đã hoá nhiên ngộ đạo Đó cũng là trường hợp của Ngài Câu Chi (2), chỉ nhờ một ngón tay giơ lên của tổ Thiên Long mà nhập đạo màu

- Đâu dễ ai cũng có cơ duyên gặp gỡ chư Phật chư Tổ anh Bầy?
- Đúng vậy! mình chỉ cầu diện kiến được vị đạo đức tăng nghiêm trì giới luật là quý lắm rồi Thầy đạo đức không cần nói nhiều, mà đạo đức vô hành của thầy vẫn đủ sức cảm hóa mình, ảnh hưởng suốt đời mình.

- Nói lý thuyết nghe chơi, chớ đệ tử thời này, thầy khổ công kè kè giảng dạy còn chưa chắc lọt lỗ tai, huống hồ chuyện cảm hóa bằng đức độ!

- Ấy! Kè kè dạy đạo chưa chắc là phương pháp hiệu nghiệm. Kẻ được pháp cao siêu dễ dàng quá lại sinh tâm khinh lờn. Kinh sách, băng thuyết pháp đủ loại, đủ trình độ... ấn tống phát miễn phí, hoặc thỉnh giá tượng trưng nên họ có thể sưu tầm chất đầy tủ sách. Người ta có thể lè phè nằm dài thườn xem kinh luận, lim dim ngủ hay bàn chuyện tầm phào trong khi nghe băng thuyết pháp... Kẻ thọ pháp thành thoi khỏe khoắn, có nhọc nhằn gian khổ chi đâu mà biết tôn quý Phật Pháp cao sâu, để thiết tha thực sự tu tâm dưỡng tánh thâm nhập đạo màu. Do đó, nếu không đến nỗi rẻ rúng khinh thường thì họ cũng biến Phật giáo thành môn nghiên cứu huyền đàm, dành cho những cuộc tranh luận thời trang hấp dẫn mà thôi! Ngày xưa, thầy ẩn chốn non cao Trò phải lặn lội gian khổ tìm thấy khăn cầu học đạo, rồi lại phải công phu nặng nhọc tháng năm dài, lòng thấp thỏm đợi chờ thầy đoái hoài ban cho vài lời chuyển ngữ. Vì vậy, lời dạy của thầy được trò trân trọng ôm ấp ngày đêm mà thi hành, nhờ đó mới có cơ nhập đạo. Cầu pháp thiết tha bực nhứt phải kể đến trường hợp của tổ Huệ Khả (3). Tổ phải đứng suốt đêm ngoài trời băng giá, tuyết ngập đến gối, rồi sau đó đã cắt cánh tay để cúng dường mới được tổ Đạt Ma thu nhận làm đệ tử. Đệ tử tầm thầy đã dày công, mà vị thầy, như trường hợp tổ Đạt Ma, tịnh khẩu diện bích thiên liên tục chín năm dài chờ đúng người xứng đáng mới trao truyền tâm pháp, cũng gian khổ không kém. Còn gần đây, tại Việt Nam mình, gương kiên trì cầu pháp của tổ Liễu

Quán, chùa Thập Tháp, Bình Định và tổ Khánh Hòa, chùa Tuyên Linh trong Nam, thường được chư hiền đức nhiệt liệt tán thán.

- Chùa Tuyên Linh ở Bến Tre phải không anh?

- Đúng vậy!

- Chùa đó là chùa tổ của họ ngoại em mà! Nguyên họ ngoại em tuy ở Mỹ Tho, song nhiều đời vẫn quy ngưỡng về Tuyên Linh, tại Bến Tre Mẹ đã quy y tại Tuyên Linh từ nhỏ, nhưng từ khi lập gia đình bà không thường xuyên lễ bái, một phần vì bận bịu chồng con, phần khác vì bổn sư của bà bổn sư Phật sự khắp nơi không mấy khi hiện diện. Vào khoảng năm 1947, nghe tin bổn sư quay về chùa Tuyên Linh tịnh dưỡng tuổi già, mẹ vội vã dẫn em cùng đi viếng thăm hòa thượng. Hòa thượng đã ngoài bảy mươi, đôi chân yếu phải được đệ tử dìu đi, nhưng thần sắc an nhiên tươi mát. Dù đây là lần đầu tiên diện kiến người, em vẫn cảm thấy lòng kính yêu quý mến ngập tràn. Mẹ sụp xuống lạy thầy, nước mắt bà rung rung, mừng mừng tủi tủi.. Hòa thượng cười, hàm răng trắng trợn, dễ thương, hiền dịu làm sao! Rồi hòa thượng thân thiết gọi đúng pháp danh của mẹ, khiến mẹ ngẩn ngơ xúc động không ngờ thầy vẫn không quên người đệ tử tầm thường của hơn ba mươi năm về trước. Đoạn thầy chậm rãi dặn dò: "Con nhớ ăn chay, niệm Phật nhen con!". Xây qua con bé, người vò đầu dạy: "Con ngoan và có hiếu con nhé!". Buổi tiếp kiến ngắn ngủi mà có ảnh hưởng sâu đậm nếp sống thường nhật của mẹ. Bà nói bà cảm thấy thân tâm yên ổn khi nhớ đến hình dáng và lời dặn dò của bổn sư Rồi bà ăn chay trường và chuyên cần thời khóa tụng niệm hàng ngày cho đến ngày qua đời.

- Thầy pháp danh là gì vậy em?

- Mẹ quá tôn kính bổn sư nên khi nhắc nhở chỉ gọi ngài là hòa thượng Tuyên Linh. O! ơ!... dường như có lần bà gọi bổn sư là thầy Như Trí...

Chú Bảy sừng sốt la lớn:

- Vậy là đúng quá rồi! Đó chính là pháp hiệu của thiền sư Khánh Hòa, tức hòa thượng Tuyên Linh, một đức đạo cao tăng tại miền Nam. Người là nhân vật đã dấn thân cả đời cho công cuộc chấn hưng Phật giáo miền Nam. Bà quả có duyên phúc đặc biệt mới gặp được tổ.

- Úy trời đất ơi! thế mà em có biết "át giáp" gì đâu? Sự nghiệp của người như thế nào vậy anh?

- Ngài là vị tăng sĩ đầy nhiệt tình đạo pháp và dân tộc, đã sớm nghĩ đến việc hàng ngũ hóa tu sĩ Phật giáo thành một tổ chức toàn quốc có khả năng hữu hiệu hoàn thành sứ mạng đào luyện tăng tài và hoằng dương Phật Pháp. Khoảng năm 1917, Ngài bắt đầu đi khắp các tổ đình miền Nam gây ý thức chấn hưng, liên kết tăng ni tâm huyết, để đi đến việc thành lập tổ chức mệnh danh "Hội Lục Hòa Liên Hiệp" tại chùa Long Hòa, Trà Vinh năm 1923. Hội gọi người ra Trung và Bắc để vận động tổ chức Phật Giáo Việt Nam toàn quốc, nhưng không được nồng nhiệt hưởng ứng. Vì vậy, Ngài nghĩ đến việc xây dựng cơ sở tại miền Nam trước nên tạm thời đề xướng việc thành lập "Thích học đường" và "Phật học thư xã" tại chùa Linh Sơn, Cầu Muối, Saigon. Từ đó ngài chánh thức kết hợp giới tăng sĩ và cư sĩ thành lập "Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học", năm 1931. Sau đó, vì Hội này bị thành phần cư sĩ khuynh loát làm sai lạc mục đích hoằng dương Phật Pháp, đào tạo tăng tài, nên Ngài lui về Trà Vinh thành lập Phật học đường lưu động lấy tên là "Liên đoàn Phật Học xã". Lớp học tăng lưu động gặt hái nhiều thành quả trong việc đào luyện tăng ni, nhưng thiếu sự yểm trợ tài chánh sâu rộng của giới cư sĩ, nên hoạt động lắt lắt đình trệ. Đó là lý do thúc đẩy Ngài thành lập hội Lương Xuyên Phật Học năm 1934, với thành phần cư sĩ tràn đầy đạo tâm bảo trợ. Trụ sở hội đặt tại chùa Long Phước Trà Vinh, và vai trò hội trưởng do thiền sư An Lạc, chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho đảm nhận. Hội đã thỉnh được Đại Tạng kinh, xuất bản sách báo Phật giáo và liên tục mở các khóa tu Phật Học cho tăng ni các cấp. Hội cũng gọi những học tăng xuất sắc ra Trường Sơn Môn Phật Học tại Huế để trau dồi thêm nội điển. Ngài ôn hòa thâm lặng hoạt động cho công cuộc phục hưng Phật giáo không bao giờ ngơi nghỉ. Năm 1943, tuổi đã trên sáu mươi sáu, Ngài lui về chùa Vĩnh Bửu, Bến Tre mà vẫn tận tụy mở lớp học Phật cho ni chúng. Bốn năm sau, nhận biết duyên phần ở cõi ta bà đã mãn, Ngài mới trở về ngôi chùa Tuyên Linh ngày xưa tịnh dưỡng, rồi viên tịch vài tháng sau đó.

- Ôi! Mấy mươi năm trời gian nan khổ cực hi sinh cho đạo pháp, đến lúc già nua mà Ngài vẫn kiên cường dũng mãnh, thật đáng chiêm ngưỡng!

- Đúng vậy! trọn đời Ngài, từ thuở trẻ đi tầm sư học đạo cho đến khi viên tịch đều thể hiện tinh thần bi trí dũng cao sâu!

- Ô! Ngài tầm sư học đạo chốn nào vậy anh?

- "Chịu ảnh hưởng từ phụ thân, một nho sĩ tiết tháo dâng hiến đời mình cho sự nghiệp cách mạng chống Pháp, Khánh Hòa cũng sớm thao thức tình nước. Người thanh niên tràn đầy nhiệt huyết chứng kiến hoàn cảnh cơ cực,

đen tối của đồng bào nghèo nông thôn, đã nguyện dán thân vào đời hàn gấm những vết thương đau cho họ. Năm 19 tuổi, nhân khi đến chùa Khải Tường dự lễ cầu an cho người chú lâm bệnh trầm kha, Khánh Hòa vô tình được nghe tụng mười hai lời đại nguyện từ bi cứu khổ cứu nạn của Quan Thế Âm Bồ Tát. Khánh Hòa đón nhận thông điệp tình thương trong trạng thái xuất thần kỳ diệu khiến chàng bỗng phát bồ đề tâm, nguyện xuất gia học đạo để cứu độ chúng sanh vĩnh viễn ra khỏi biển khổ bờ mẹ Khánh Hòa được bốn sư Chơn Tánh gởi đến chùa Kim Cang tại Tân An để học đạo với thiền sư Chánh Tâm. Chú sa di nhu hòa hiếu kính hầu thầy, giới luật nghiêm túc, thiết tha cầu học nên được sư Chánh Tâm thương yêu tận lực dạy dỗ. Không bao lâu Khánh Hòa được thọ cụ túc giới và sớm nổi tiếng là một tu sĩ tài đức vẹn toàn. Mấy năm sau, sư được giới thiệu lên chùa Long Triều, Saigon tham cứu thiền với sư Đạt Thụy Học thiền đang dở dang, thì bốn sư triệu Khánh Hòa về trụ trì chùa Khải Tường, rồi sau khi bốn sư qua đời, lại tuân theo di chỉ về trụ trì chùa Tuyên Linh. Trong thời gian này, Khánh Hòa thường được chư tôn túc cử giảng kinh luận cho đại chúng. Tại mùa kiết hạ năm 1905, những thời pháp kinh Kim Cang Chư Gia (4) của sư tại chùa Long Hoa, Gò Vấp đã đạt đến trình độ thâm sâu khiến giới tu sĩ nhiệt liệt tán dương. Tuy nhiên, sư không tự mãn với thành công đó, nên lại giao chùa cho tôn túc khắp các tổ đình miền Nam và miền Trung. Trong dịp tham kiến hòa thượng Bửu Trí tại Tây An tự,

Châu Đốc để cầu xin chỉ điểm nghĩa thú thâm sâu của Lăng Già kinh, một bộ kinh tối quan trọng của thiền gia, nhưng quá xúc tích nên thập phần khó hiểu, Khánh Hòa được hòa thượng khuyên nên cầu học nơi thiền sư Giới Không, một vị cao tăng sở học uyên bác, được ca tụng là người "tàng trữ kinh điển đầy bụng". Thế là, Khánh Hòa chuẩn bị lương khô, lặn lội leo trèo hai ngày ròng rã đến am Trà Mây, cạnh hồ "Ông Hồ" trên núi Dài, Thất sơn để tầm sư học đạo Trong cảnh núi non hùng vĩ, am tranh nhỏ bé, dựa bên vách đá mờ nhạt sương mù, ẩn hiện như mộng ảo Khoảnh đất hẹp phía trước là vườn cây với sự hiện hữu hiếm có của một cội trà cần cỗi Am, trà và những cụm mây trắng là đà, đúng là đặc trưng của chốn ẩn cư với danh hiệu am Trà Mây này Am vắng vẻ, bụi phủ chứng tỏ chủ nhân ra đi khá lâu, nhưng có lẽ khí hậu mát mẻ nên mấy cây ăn trái: mít, đu đủ, chuối.. và liếp rau chưa đến nổi tiêu điều Thiền sư vân du chốn nào Bao giờ trở lại Sư Khánh Hòa không thắc mắc tìm hiểu mà chỉ bình thản đợi chờ. Sư tu bổ dọn dẹp am, chăm sóc cây cỏ, công phu thường lệ như tu tập tại chùa nhà. Mãi hơn ba tháng sau, thiền sư Giới Không mới lừng thừng quay về. Người không tỏ vẻ ngạc nhiên gì về sự hiện diện cũng như những công trình mà người tu sĩ trẻ đã thực hiện trong khi thiền sư vắng mặt. Sư Khánh Hòa đánh

lễ khẩn cầu thiền sư thu nhận giảng dạy Lão Già tâm yếu, và người khề gặt đầu Thế là Khánh Hòa lưu lại am Trà Mây, tự nhận vai trò của một thị giả hầu hạ thầy, lo cơm nước, săn sóc vườn tược... để chờ đợi được ban pháp. Mỗi tuần sư gánh mít, đu đủ, chuối... xuống núi đổi gạo, ngoài ra, cứ hai ngày sư lại phải lần mò theo hướng Đông Bắc tìm đến đầu nguồn giòng suối Cam Thủy mang bầu nước tinh khiết về pha trà dâng thầy

Đường mòn xuống núi xa xôi, vai mang gồng gánh cây trái nặng trĩu nên rất nhọc nhằn vất vả. Lên núi lấy nước, chỉ mang một cái bình nhỏ, nhưng đường đi thập phần khó khăn vì phải leo trèo trên sườn núi cheo leo, chui qua những lùm bụi gai góc vắng bóng chân người. Sư Khánh Hòa đạo hạnh hơn người, nhẫn nại làm lưng gian khổ mà lúc nào cũng an vui, vì đối với sư "gánh nước bửa củi cũng là thân thông diệu dụng" (5). Khánh Hòa là kẻ thiết tha cầu pháp, dầu phải xả thân để "sớm nghe đạo, chiều chết cũng cam" (6), nên khổ cực như thế nào vẫn không sờn lòng. Sư chỉ canh cánh lo âu không hiểu khuyết điểm nào mình phạm phải khiến thiền sư chưa tỏ dấu hiệu hài lòng. Vẻ khó chịu còn lộ rõ hơn mỗi khi sư hầu trà Ngại Ngại thường chỉ hớp một ngụm nhỏ, rồi đẩy ra như ngậm chê chung trà kém cỏi. Thật ra, kỹ thuật sử dụng trà trên núi quá thô sơ: lá trà già khản phơi khô, không xấy, ủ, ướp thì hương vị phải tầm thường như loại nước vối, trà huế (7) rẻ tiền, chớ đâu do lỗi của người pha cầu thả. Tuy nhiên, tư cách kẻ học đạo là chỉ biết nhẫn nhục vâng lời thầy chớ không thể tranh cãi điều gì, dù là nói lên sự thật, nên Khánh Hòa chỉ biết cố gắng cải thiện phẩm chất nước suối mà thôi. Sư đi xa hơn, chọn nước giữ giòng đầy sỏi đá khi tia nắng ban mai vừa rọi xuống để chất nước trong, và hội đủ âm dương như giới trà gia chủ trương. Lòng dạ chí thành của sư lại được đáp ứng bằng một thái độ lạnh nhạt tệ bạc hơn nữa. Lần này, thầy chẳng thèm ném tí trà mà còn đẩy ra xa như tránh cùi hủi, khiến Khánh Hòa tủi hổ vô cùng. Thật lâu, thiền sư mới thở dài rồi phá tan bầu không khí ngọt ngào đó bằng một lời trách nhẹ:
- Nước suối gì in tuồng như nước sông trộn với nước dừ thì còn pha trà chi nữa

Vỡ lẽ ra, Khánh Hòa vội vàng quỳ xuống, thành tâm lạy thầy xin sám hối. Sáng nay, lội xuống suối bỗng Khánh Hòa mộng niệm chán chường hờn giận muốn bỏ về Bến Trẹ Sư nhìn lạch nước suối con con mà mơ tưởng đến giòng sông Cửu Long cuộn cuộn, ôm bầu nước mà cảm giác như đang ôm trái dứa xiêm óc ách. Té ra thầy là bực thần tăng, vọng niệm nào của ta mà thầy chẳng biết. Quán sát thân tâm mình khi đi lấy nước, sư thầm thở than: "Ôi! Ta ngỡ mình thường giữ vững chánh niệm, nào ngờ leo trèo vất vả, tay ôm bầu nước là đã sinh lòng đặng cay, chua chát... như thường tình, thật là

xấu hổ! Ôi! Tâm đã như nhuốc thì dầu là cam lồ tinh khiết cũng hóa thành thứ nước vẩn đục mà thôi!". Nguyên sư Khánh Hòa tu hành chân chánh, trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, kể cả những lúc trồng cây, gánh nước, lên xuống núi đổ gạo cực nhọc, là những sự việc bình thường quen thuộc, sư luôn luôn sống trong chánh niệm. Nhưng, đến khi gặp việc bất thường trái lẽ, như leo trèo cực khổ đến tận đầu nguồn mà chỉ để thỏa mãn thú uống trà cầu kỳ của thầy, thì mầm móng sân hận vi tế bắt đầu chui ra lung lạc thân tâm sư mà sư không ngờ. Hiểu khuyết điểm mình, sư cũng khám phá được khác biệt giữa thiền sư và trà gia trong nghệ thuật uống trà. Trà gia thường thức trà theo chiều hướng thỏa mãn tối đa cái thú hưởng thụ của giác quan, đồng thời cũng đánh bóng cho niềm tự hào về cái phong lưu trang nhã của mình. Do đó, trà gia cầu kỳ sưu tầm các loại trà quý giá như Long Tỉnh, Đế Vương, Trăm Mã, đem pha trong các loại ấm hiểm hoi cỡ kính như Nghi Hưng, hầu được nổi danh là tay hào hoa sành sỏi Trái lại, thiền gia uống trà, không phải uống trà, mới thực sự uống trà. Uống trà chỉ là mượn phương tiện để vào thiền. Uống ngụm nước trà cũng là uống ngụm nước tâm thường hằng thanh tịnh. Thế nên, đối với thiền gia thì trà thượng thặng, ấm quý, nước suối thanh cao sang trọng thế nào cũng đều rỗng tuếch vô giá trị. Những thứ đó, đâu có giúp gì cho sự an lạc hơn chén trà huế hay gáo nước lã tâm thường. Thiền sư uống trà để nhập đạo thì thiền sinh nếu đi lấy nước, chẳng qua cũng mượn cơ đi để thông dong đặt những bước chân ý thức trên vùng sỏi đá cheo leo đầu nguồn.

Thời gian trôi nhanh. Thấm thoát mà Khánh Hòa đã thanh thản lưu trú trên am Trà Mây hơn ba năm rồi. Đêm mùa hè, trời nóng, gió mát. Khánh Hòa đang say sưa nhìn ánh trăng tròn lơ lửng, bất chợt nghe tiếng thầy ngâm nga vang rền:

Hạo hạo lãng già nguyệt
Phân phân bát nhã liên... (8)

Khánh Hòa vui mừng hơn hở. Bấy lâu nay, tuy không dám nhắc nhở thầy, nhưng sư vẫn thấp thỏm mong đợi được nghe giảng dạy Lăng già tâm yếu Sư trang trọng chấp tay thưa:

- Bạch thầy! dạy con!

- Khánh Hòa! Con có thấy bóng trăng ngồi sáng chăng?

- Dạ con thấy!

- Con có ngửi được mùi phong lan thoang thoảng chẳng?

- Dạ con có ngửi thấy!

- Ha! Ha! Thế thì ta còn chỗ nào để chỉ dạy ngươi nữa đây!

Dứt lời, thầy quày quả trở vào am để dành riêng cho Khánh Hòa lặng lẽ ôm mối hoài nghi mênh mang giữa đất trời hiu quạnh. Khánh Hòa mài miệt suy tư Khánh Hòa đối chiếu lời đối thoại ngắn với bao công án của người xưa để tìm lý giải cho mình. Đôi khi sư tưởng chừng như bản lai diện mục đã chờn vờn trong tâm tay, thế nhưng thoát đó lại biến đi mờ mịt. Bao lần sư áp ứng định trình bày kiến giải của mình, chợt cảm thấy rồi ren không lối ra vào, nên ngu ngơ câm nín. Tình trạng mù mờ dờ dỏng dờ chết kéo dài hơn sáu tháng trời vẫn chưa giải quyết. Một hôm, Khánh Hòa lại được thầy nghiêm trọng gọi đến dạy việc. Sư mong đợi được ban thêm vài lời pháp không ngờ thầy chỉ thản nhiên báo tin người sắp từ giã cõi ta bà, đoạn dặn dò Khánh Hòa hỏa thiêu nhục thân, rồi rải tro theo giòng suối Thế rồi qua ngày hôm sau thì thiền sư Giới Không thị tịch. Kẻ tu sĩ vốn xem cuộc đời như huyền mộng, tử sinh chỉ là một chuyến đi về, nhưng Khánh Hòa vẫn bị xúc động mãnh liệt. "Ôi! ần ngữ đêm trăng còn mờ mịt, niềm ước mơ thọ pháp Lăng Già tâm yếu vẫn canh cánh, mà thầy nữ bỏ đi!". Chưa bao giờ sư Khánh Hòa cảm thấy bối rối và cô đơn hiu quạnh như lúc này Hỏa táng thầy xong, Khánh Hòa bùi ngùi giã biệt am Trà Mây Sư lui thủ đi, lòng ngổn ngang trăm mối không biết về đâu Không biết làm sao giải tỏa bao mối nghi nan trong lòng? Về đến Saigon, sư bỗng có ý định ghé chùa Long Triều thăm thiền sư Đạt Thụy, vị thầy hướng dẫn thiền 8 năm về trước. Gặp lại thầy sau mấy năm xa cách, Khánh Hòa cực kỳ cảm động. Thầy già hẳn ra, và điều lạ lùng là có lẽ nhờ tháng ngày tu tập trên non, Khánh Hòa mới đủ khả năng đón nhận được niềm an lạc vô biên từ thân tâm thầy tỏa rộng khiến chàng quuyến luyến muốn lưu lại mãi bên thầy Chân tay thầy đã run, thương thầy nên Khánh Hòa tự nhận trách vụ giúp thầy trong khi tắm rửa Khi đang xối nước chà lưng thầy đột nhiên Khánh Hòa liên tưởng đến Ngài Thần Tán (9) thuở trước cũng tắm thầy như mình, Thần Tán đắc đạo phương xa, rồi quay lại chùa xưa tìm cách độ lại thầy cũ. Một hôm bốn sư đang ngồi trong cửa sổ xem kinh có con ong chui đầu vào tấm giấy dán ở cửa sổ tìm lối ra. Sư liền nói: "Thế giới thênh thang chẳng đi, dù đầu vào giấy cũ bao giờ mới thoát?". ần ngữ đó đã mở đường cho vị sư phụ ngộ đạo về sau Rồi Khánh Hòa lại nghĩ đến phận mình: sư tha phương cầu đạo hoài công, Lăng già tâm yếu chưa nắm được, đạo mầu chẳng lối ra vào, thật là hổ thẹn. Mối nghi dằng dặc từ cuộc đối thoại trắng bồng hiện về trĩu nặng. Tâm sư náo loạn

quay cuồng như con trốt ngỗng ngang xoay quanh các đề mục lãng già, bóng trắng, phong lan, Thần Tán, con ong... khiến sư sùng sờ quên cả xối nước tắm thầy Đứng lúc đó, sư Đạt Thụy bỗng cất tiếng hỏi:

- Quả thật con đã hỏa thiêu nhục thân sư Giới Không sao ?

- Dạ! đúng vậy!

- Thế thì cái "bụng kinh điển" của người bị cháy tiêu hết rồi còn đâu?

Câu nói như một gáo nước lạnh xối ngược vào tâm sư Khán Hòa Bao nhiêu mối nghi nan đều biến thành mây khói. Tất cả đều trở về với thế giới vô ngôn, không cần phải suy tư diễn đạt, và cũng không có vấn đề gì để giải quyết nữa Sư Khán Hòa hoá nhiên ngộ đạo.

Khán Hòa lưu lại với thầy một thời gian, đoạn quay về ngôi chùa Tuyên Linh của bốn sư để trụ trì. Sáu năm sau, khi nhận thấy cơ duyên hội đủ, Ngài bắt đầu đồng mãnh tinh tấn xây dựng tổ chức phong trào chấn hưng Phật giáo liên tục trong hơn 25 năm trời..". Thím Bảy trầm ngâm hồi tưởng lại hình dáng an nhiên tươi mát của vị tổ hiền đức, mà chỉ một lần hội ngộ, đạo đức của người đã ban cho thím bao điều lợi lạc. Thím lẩm bẩm: "Thầy dặn dò mình ngoan! Vậy mình phải thật ngoan cho khỏi phụ lòng thầy mới được!". Chừng như tìm ra giải pháp, thím hớn hờ cất tiếng:

- Anh à! tu ở non cao vắng vẻ thanh tịnh, lại có thầy đạo đức thương yêu chăm sóc, có lẽ dễ thành đạt. Anh nhỉ!

- Dĩ nhiên là như vậy rồi! Nhưng căn bản vẫn là tâm thành cầu pháp của đệ tử. Chớ kể đến với đạo giải đãi thì thánh nhân cũng phải đầu hàng!

Yên lặng thật lâu, thím Bảy lại chậm rãi tiếp lời:

- Nhận mùa giỗ tổ Tuyên Linh, em quyết định sẽ "tâm sư học đạo" trọn tuần tới anh à!

Nghĩ rằng bà vợ chỉ đùa chơi, chú Bảy trở mắt nhìn vợ cười rú lên, rồi nói:

- Giỡn hoài bà! Xứ này đâu phải vùng Thất Sơn mà bà nhọc lòng mơ chuyện lên non tìm am Trà Mây mà tu tập vậy bà!

- O! anh đi làm, xấp nhỏ đi học thì khung cảnh nhà này cũng tạm vắng vẻ thanh tịnh. Em lại có bộ Phật Học Phổ Thông của thầy Thiện Hoa, kèm với bộ băng thuyết pháp của thầy Thanh Từ, vậy kể như em đã có thầy đạo đức hướng dẫn rồi..

- Chà! Hôm nay bà hứng chí phát ngôn hấp dẫn thiệt tình há!

- Em dự định nghỉ phép một tuần, ăn chay, giữ thân tâm thanh tịnh, thành khẩn thắp hương lễ Phật, rồi sẽ trang trọng đọc kinh, nghe thuyết pháp... tu dưỡng tính tình, như vậy họa may mới thâm tương thâm chao phải không anh?

- Khâm phục! Khâm phục!

- Em không gánh nước, bừa củi như tổ, nhưng em cũng ráng tập giữ chánh niệm khi dọn dẹp nhà cửa..., nhưng anh Bảy ơi!...

Thím Bảy đột ngột đổi giọng nũng nịu ngọt sớt. Chú Bảy quá rành mảnh mun của vợ, nên vừa nghe bả ỏn ẻn Điêu Thuyền toan giờ trò "mỹ nhân kế" thì đã vội nhóm dậy cản mặt đề cao cảnh giác.

- Anh Bảy ơi..! người ta nói: "Ăn cơm có canh, tu hành có bạn" phải không anh?

Biến chuyển nguy hiểm không lường. Chú Bảy tuy nói chuyện đạo lưu loát, mà vừa nghe vợ phát họa kế hoạch tu suốt tuần đã "run eng phát rét", nên chỉ biết gượng gạo cười rồi lùng khùng đáp:

- Ừa! Thì bạn là thiện tri thức ủng hộ, khuyến khích nhau tu hành mà!

- Vậy anh phải làm thiện tri thức để ủng hộ em mới được!

Không bị kéo vô chương trình tu suốt tuần, chú Bảy thích chí ca hát dòn tan:

- Trăm phần trăm! Em ơi! một trăm phần trăm!

- Ủng hộ trăm phần trăm, thì tuần lễ em chay lạt, anh cáng đáng dùm vụ ăn mặn nhé!

Nấu ăn là việc tối kỵ, nhưng chú Bảy kẹt cứng khó chối từ. Chú nhăn nhó một hồi mới tìm ra giải pháp:

- Mấy đứa nhỏ quen thức ăn Mỹ nên mình sẽ mua sẵn mớ đồ hộp và đồ đông lạnh cho đúng. Còn anh thì... xin ké đồ chay của em vậy Anh ráng tới đâu hay tới đó, chừng không kham thì tính sau..

- Mà con chuyện này nữa ông thiện tri thức ạ!

Chú Bảy nhóm dậy như phỏng lửa, dáo dác hỏi:

- Bà con giờ trò gì nữa vậy bà?

- Bắt đầu ngày mai, cảm phiền ông thiện tri thức vui lòng ôm mền gối ra phòng khách ngủ đờ một tuần. Ông thiện tri thức nhé!

- !!!

8/1900

Ghi chú:

1. Một hôm, trong hội Linh Sơn, Phật cầm cánh hoa sen đưa lên. Cả hội chúng đều ngơ ngác, chỉ riêng Ngài Ca Diếp chúm chím cười Phật bảo: "Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, pháp môn màu nhiệm, chẳng lập văn tự, ngoài giáo truyền riêng, nay giao phó cho ngươi..". Giai thoại: "Thế Tôn niêm hoa, Ca Diếp vi tiếu", có nghĩa là Phật giơ cành hoa và Ca Diếp mỉm cười, được thiên tông coi là khởi điểm của đạo Thiên, và ngài Ca Diếp được tôn xưng là đệ nhất tổ.

2. Câu Chi tu trong một cái cốc, bỗng có ni cô pháp danh Thực Tế nghinh ngang đội mũ ni vào thiền sán nhiều ba vòng rồi bảo: "Nói đi, ta mới giờ nón". Câu Chi mờ mịt không đối đáp được. Ni cô từ già, Câu Chi xin nán lại qua đêm thì ni cô đáp: "Nói đi thì ta ở lại". Câu Chi lại không nói được nên ni cô ra đi Câu Chi xấu hổ than thầm định đi tha phương tầm sư học đạo May mắn hôm sau có hòa thượng Thiên Long viếng. Câu Chi mừng rỡ quì lạy cầu pháp cùng kể lể câu chuyện xấu hổ hôm qua. Thiên Long không nói gì, giơ một ngón tay, Câu Chi hoá nhiên đại ngộ.

3. Đạt Ma ẩn tại chùa Thiếu Lâm trong 9 năm yên lặng nhìn vách (diện bích) thiền. Một hôm có tăng sĩ Thần Quang đến khẩn cầu ban pháp thiền nhưng Đạt Ma lạnh lùng không ngó ngang tới Dù vậy, sư vẫn bình thản chờ đợi

trong đêm lạnh, tuyết rơi ngập đến đầu gối mà vẫn kiên gan. Bảy giờ, Đạt Ma mới lên tiếng:

- Người muốn cầu gì?

- Ngưỡng mong hòa thượng từ bi mở cửa cam lộ, rộng độ chúng sanh.

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật phải nhiều kiếp tinh cần, khó làm làm được, khó nhìn nhận được, hàng đức nhỏ trí cùn, lòng đầy khinh mạn, há có thể chịu nổi nhọc nhằn lao khổ cầu pháp chân thừa sao? Quang nghe quả bèn rút dao bén đoạn lia cánh tay trái dâng lên. Đạt Ma biết gặp được pháp khí, bèn nhận làm đệ tử đổi pháp danh là Huệ Khả.

4. Kim Cang Chư Gia thật ra là một bộ luận đúc kết những lời bình giải của 53 vị hiền đức về kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, nên còn được gọi là Kim Cang ngũ thập tam gia.

5. "Xách nước là diệu dụng

Bửi củi ấy thần thông"

Bàng Uẩn

6. "Sáng sớm nghe đạo, chiều chết cũng cam": Khổng Tử

7. Trà huế: lá trà tươi để tự nhiên nấu với nước nóng

8. "Hạo hạo lãng già nguyệt

Phân phân bát nhã liên"

Trích thơ vua Lý Thái Tôn

Dịch:

"Lãng già ngời bóng nguyệt
Bát Nhã nức mùi sen"

(T.T.Mật Thể, VNPGSL)

9. Khi ngài Thần Tán ngộ đạo nơi tổ Bá Trượng, bèn trở về chùa cũ để độ vị bốn sư, một tu sĩ chuyên tụng kinh điển. Một hôm, Thần Tán tầm thầy, kỳ

lung rồi nói: "Điện Phật đẹp mà không thánh". Thầy ngạc nhiên ngó lại thì Thần Tán tiếp: "Tuy Phật không thành mà vẫn phóng quang". Hôm khác, bốn sư đang xem kinh bồng có con ong chui đầu vào tấm giấy dán cửa sổ tìm lối ra không được, sư bèn lên tiếng: "Thế giới thênh thang như thế mà chẳng chịu ra, dù đầu vào giấy cũ có biết năm nào thoát được?". Rồi Thần Tán đọc kệ:

Cửa không chẳng chịu ra
Quá ngu chui cửa sổ
Giấy cũ trăm năm dùi,

Ngày nào thoát ra được?

Bốn sư biết Ngài có sở ngộ đặc biệt nên hôm sau đánh trống hội chúng hội lại, mới Thần Tán lên tòa thuyết pháp. Thần Tán vừa trích dẫn 8 câu kệ của Ngài Bách Trượng thì bốn sư liền ngộ đạo:

Linh Quang độc chiếu
Siêu xuất căn trần,
Thế hiện chơn thường,
Bất câu văn tự,
Tâm tánh vô nhiễm,
Bốn tự viên thành,
Đản ly vọng duyên,
Tức như chư Phật.

---o0o---

ĐIỀU MÚA LOÀI ONG

Ở xứ Hoa Kỳ này, coi bộ thiên hạ chẳng mấy thuở có được những giờ phút nhàn nhã "trà dư tửu hậu" để bàn chuyện tào lao, nên những tin tức thuộc loại "xe cán chó" chẳng được ưa chuộng mấy. Giọt gân như chuyện anh chàng Ted Bundy, đẹp trai nho nhã, mà lầm lũi tàn sát cả trăm thiếu nữ ngây thơ cũng chỉ sôi động một tuần rồi lụn tàn trong quên lãng. Dường như, ngoài những trận bóng bầu dục, với những cầu thủ thượng thặng mà "giới mộ điệu" tôn sùng như bậc đại anh hùng, không có một vấn đề trọng đại nào đáng để họ quan tâm. Do đó, chuyện bà triệu phú Æng Lê chết đi, di chúc để hết tài sản cho chú mèo bốn cẳng, trong khi chị bếp hầu hạ bà ta suốt đời chẳng có một xu ten, cũng không mấy ai cho là lạ hay thắc mắc bất mãn.

Trường hợp thằng Steve là một ngoại lệ đặc biệt. Steve cảm râm bà triệu phú quá cỡ, nhưng hẳn cà khịa không phải vì cảm thương cho số phận hẩm hiu của người đầy tớ trung thành, mà chỉ vì ghét cay đắng giống nòi nhà mèo. Steve vốn yêu chó nồng nhiệt, nên chẳng mấy ưa mèo. Do đó, hẳn chủ trương nếu bà triệu phú kia, để hết gia tài sự sản cho trụ chó bá vợ nào cũng hợp lý hơn cho chú mèo vô tích sự đó. Tính thương chó quá khích của Steve trầm trọng nên biến chứng thành bệnh, bệnh không truyền nhiễm chết người nhưng gây phiền phức cho bè bạn vô kể. Steve có thể lái nhải không ngừng những lời ca tụng tài ba, tính trung thành và ngoan ngoãn của con Rover, y hết như các bà mẹ say sưa ganh đua nhau tán dương con cái họ. Kể nào lỡ mồm khơi chuyện chó, thì hẳn liền hùng hổ xông vào đấu hót, nhai đi nhai lại những chuyện cũ xì, dai nhách về chú chó. Ai đại dột nhận lời mời của Steve đến nhà y mới lãnh đủ tai họa. Y vốn vã chiều chuộng cung phụng khách đủ thứ, miễn là khách phải chịu khó ngồi yên lặng để y khoa trương thành tích tam đại nhà chó. Khách ngất ngư Steve vẫn chưa chịu buông tha, vì tiếp theo đó lại còn tiết mục chó trở tài biểu diễn lăm trò: chó nằm ngửa, chó đứng hai chân, chó nhảy vòng, chó nhật banh... Khách nể nang khen ngợi vài câu, thì Steve nổi hứng huênh hoang là chó của y khôn ngoan tột cùng, vì nó biết cười, biết khóc, biết nhõng nhẽo, biết nói như con người. Y ra lệnh cho chó cười, và mặc dầu y ráng hết sức tiếp hơi, méo mồm méo miệng hướng dẫn, mà chẳng ai mừng tượng nổi nụ cười phát ra từ con Rover. Thật ra, không mấy ai có thể cảm thông ngôn ngữ chó hơn Steve. Cũng tiếng "gâu gâu ăng ăng" không khác gì nhau, nhưng Steve có thể giải thích thành lăm chuyện: khi thì Rover lạnh, Rover đói khát, Rover xin đi chơi, đòi "ị"... Ngoài Đức người duy nhất biểu đồng tình với Steve đôi chút, những người bạn đồng hương của y ai cũng lắc đầu nguây nguậy, chẳng thêm tin tưởng tí xú cái thuyết thấy được nụ cười của chó và hiểu được tiếng chó của y. Có lẽ chính vì vậy mà đang là kẻ nổi tiếng kỳ thị người Á Đông - y thâm thù tất cả những dân tộc nào dính dáng đến màn "sực phàn" thịt chó đó mà -, Steve bỗng long trọng coi Đức là bậc tri âm thẩm thiết.

Tuy thông cảm với Steve, nhưng đúng ra, Đức không hiểu biết nhiều về giống chó. Vốn là một Phật tử thuần thành tiêm nhiễm thuyết luân hồi, Đức nghĩ rằng trong bao tiền kiếp ngược xuôi lăn lộn trong lục đạo, mỗi người có thể có những giây liên hệ bí ẩn đặc biệt với một giống sông, một vùng đất, một giống dân, một loài thú nào đó... Steve có thể đã chắt chứa ít nhiều chủng tử mang tàng số tương đương với loài chó, nên có những giây liên hệ mật thiết với loài này. Chuyện y thấy được nụ cười, hiểu được tiếng sủa có lẽ không phải là chuyện hoang đường. Chính Đức chắc cũng ngâm chứa những hạt giống ràng buộc mơ hồ và kỳ lạ với một giống côn trùng hiền

lành, mà tên cúng cơm Ong Đức của chàng tuy vô tình nhưng cũng hàm ẩn một nhân duyên huyền bí nào đó.

Nhà Đức ở hẻm Bùi Thị Xuân, nhưng giang san trẻ thơ của chàng lại chính là vườn Tao Đàn thơ mộng. Có thể một phần vì tính tình nhút nhát, thân thể yếu đuối Đức không mấy phù hợp với đám bạn bè nghịch ngợm luôn luôn hiếp đáp Đức và trêu ghẹo chàng là thứ "ong đực vô dụng", nên Đức trở nên cô đơn, chỉ thích lang thang một mình trong vườn Tao Đàn, say mê ngắm nhìn từng cành cây, cọng cỏ, đóa hoa. Chàng có thể bỏ hàng giờ để say sưa theo dõi nàng nhện dệt mạng lưới, chăm sóc một con sâu đo, lắng nghe tiếng đé kêu rúc rít hay thả hồn theo những cánh chuồn chuồn, cánh bướm bay lượn nhờn nhơ.

Tuy nhiên có lẽ giống côn trùng gắn bó với Đức nhất là loài ong. Từ con ong bầu mập ú, ong vò vẽ rần rỏi, cho đến con ong mật hiền lành, loài nào Đức cũng đều cảm thấy gần gũi thương yêu đặc biệt. Nhờ những năm trời quan sát tìm hiểu sinh hoạt loài ong, Đức có thể thân mật làm quen, đùa giỡn, và cũng hiểu biết ít nhiều ngôn ngữ của chúng. Chúng cũng biểu lộ được những cảm xúc vui buồn, thương ghét qua ánh mắt, cặp râu rung rinh. Ngoài ra, bằng lối vỗ cánh, nhịp điệu bay, cách lượn thành đường vẽ trong không gian như một tín hiệu, chúng cũng khéo với nhau lắm chuyện: chỉ điểm nhau một cụm hoa ngọt ngào vừa nở hay rủ rê nhau "tiểu ngạo giang hồ". Gần gũi với chúng, Đức học được nếp sống thương yêu, hợp quần... cũng như lối thưởng thức hoa trầm lặng bằng khứu giác. Nhờ vậy khứu giác chàng trở nên bén nhạy hơn. Chính năng khiếu đặc biệt đó đã hướng dẫn Đức chọn chốn định cư tại Jamestown, một thị xã đìu hiu le the không đến một trăm dân cư sinh sống này.

Mấy tháng trước, từ miền Bắc Mỹ lạnh lẽo, Đức dự định xuôi về vùng Houston nắng ấm. Trên xa lộ 190, vừa qua khỏi thị xã Jasper, đến giòng sông Neches bất ngờ chàng thoáng ngửi được hương vị nhẹ nhàng tinh khiết của hoa sen. Đức thoát nghi ngờ khứu giác của mình vì không tin hoa sen sinh trưởng chốn này. Dù vậy, Đức vẫn hiếu kỳ dừng xe lại, quyết tâm truy nguyên địa điểm phát xuất hương sen. Giòng sông Neches tại điểm tiếp giáp với cầu xa lộ 190 bỗng nở rộng ra đến hơn 4 dặm để biến thành biển hồ bát ngát. Giữa hồ xuất hiện vài hòn đảo nhỏ, có hòn trơ trụi đá, có hòn cây lá xanh um. Ngoài ra, lại có rặng cây nổi bình bôn, - có lẽ đồng chủng loại với cây mắm nước nhà nhưng to hơn -, rễ bám sâu tận đáy hồ mà vẫn trườn mình trên mặt nước, tạo nên những bóng mát hữu tình cho những chiếc thuyền con lạc lõng. Bờ hồ hướng Bắc được tu bổ thành một công viên quốc

gia xinh xắn, có rừng cây cao rợp bóng, bãi cỏ sờn sờ, phân thành khu cắm trại, picnic, bơi lội... được thiết trí đầy đủ tiện nghi cho việc sinh hoạt ngoài trời.

Đức thuê thuyền máy lái xuyên qua bờ hướng Nam. Đi hơn nửa đoạn đường, vừa vượt khỏi rặng cây nổi, đã thấy lờ mờ đám lá lô nhô trên mặt nước. Đến nơi, mới biết đó chỉ là một vùng cồn cát ngầm, cạn cợt nước, phủ đầy rau hoang đong đưa theo giong nước lững lờ. Tuy chưa tìm được sen, nhưng hương sen biến mất từ lâu bắt đầu phảng phất, dù vậy Đức cũng phải lái thuyền cả dặm nữa, mới thấy bóng dáng của một rừng sen ẩn hiện xa xa. Sen chen chút mọc dọc theo bờ tràn ra hồ hàng trăm thước, một loại sen màu vàng nhạt, búp thon, cánh mỏng, tinh khiết. Đức tắt máy nổ. Chàng dùng dầm bơi lách chậm chạp nhẹ nhàng, tránh gây tổn thương hoa và cũng tránh tiếng động phá tan bầu không khí vắng lặng u tịch của chôn hoang dã này. Đức không thuộc vào hạng người yêu hoa theo lối chiêm đoạt, tàn sát hoa thu hoạch chiến lợi phẩm, mà chỉ thích trầm lặng hàng giờ bên hoa để chiêm ngưỡng, như nhà nghệ sĩ chiêm ngưỡng bức tranh thiên nhiên tuyệt tác. Do đó, dùng thuyền giữa rừng sen, Đức bèn lắng lòng, buông xả tất cả những phiền toái lòng thòng của cuộc đời để hòa mình trọn vẹn với thiên nhiên, sống như sống thực trong thế giới loài sen.

Trong thế giới an bình đó, dù là một con côn trùng nhỏ đang nhón nhờ sinh hoạt, trời nước mông mênh, cọng lá cành hoa: một búp bé bỏng sơ sinh, búp thiếu nữ, đóa hoa trưởng thành, đóa hoa tàn tạ hay một đài sen khô héo gục đầu, tất cả đều trở nên sống động, đều chuyên chở những ý nghĩa nhiệm màu. Đức chợt xúc cảm nhớ đến những lần chàng đã mang "ba lô", bồng súng lội trên đầm sen Cái Bè, Đồng Tháp ngày trước, trong khi đạn nổ vang rền và hận thù căm căm dồn trên ánh mắt. Sen nước mình duyên dáng thanh cao, hương vị đậm đà tinh khiết biết chừng nào mà mấy ai được điểm phúc bình thân thưởng thức hoa đâu? Đức bùi ngùi quên cả hiện tại, mãi đến khi nghe tiếng ong vo ve bên cạnh mới bừng tỉnh dậy. Chàng theo dõi bầy ong vừa xuất hiện; bầy ong thật dễ thương, đặc biệt là con đầu đàn đáng đáp to lớn, oai nghi mà đài các như một nàng công chúa. Đức mỉm cười thương yêu, thân thiện xòe tay mời mọc. Có lẽ loài vật cảm thông được bản chất hiền hòa của Đức, nên con ong to bay lượn quanh chàng vài vòng rồi dạn dĩ đậu vào. Ong nhìn người, và người nhìn ong, như đôi bạn thiết chia sẻ nhau thưởng thức cái đẹp của hoa sen. Hốt nhiên Đức mỉm cười với con ong, rồi buộc miệng khen: "Em bé duyên dáng và dễ thương quá!". Nàng ong chẳng biết có hiểu chi không mà e lệ chớp mắt, rồi luống cuống bay quanh quần bên chiếc thuyền của Đức, như chẳng nở tách rời.

Khi Đức quay thuyền trở về thì trời đã sụp tối, nên đành nghỉ đêm tại thị xã Jasper. Đêm đó, đọc báo địa phương thấy công ty khai thác lâm sản JW corp. tuyển chân thợ máy, Đức đệ đơn thử thời vận không ngờ may mắn được chấp nhận ngay. Thế là Đức dừng chân lập nghiệp chốn này. Chàng lại được Steve giới thiệu thuê một căn nhà vừa ý tại Jamestown, tuy chỉ cách sở làm chừng 5 dặm, nhưng lại tọa lạc ở ven rừng thông vắng vẻ, hợp với kẻ thích ẩn thân chốn thiên nhiên vắng lặng. Chủ nhân căn nhà bận bịu công ăn việc làm tại Tyler, thỉnh thoảng mới về nên mong có người cư ngụ sẵn sóc hơn là để hoang phế, do đó, chỉ lấy tiền thuê giá tượng trưng.

Đức thường lang thang ở khu rừng sau nhà, thả hồn phiêu lãng theo những áng mây trắng bồng bồng trên đỉnh đồi thông xanh tươi thẳng tắp. Rừng không thú to, nhưng có rất nhiều thỏ, sóc, chim chóc, gà rừng..., nên không khí luôn luôn sống động mà không ồn ào náo nhiệt. Dưới chân cây phong già rợp bóng, chàng treo một cái võng đong đưa đọc sách. Ngưng đọc sách thì Đức lơ đãng nhìn bầu trời xanh, quan sát những cánh chuồn chuồn, cánh bướm bay lượn vãn vơ, hay theo dõi đám ong thợ tranh đua nhau lấy mật mang về tổ lập ngay trên cành cây phong này. Buổi chiều mát mẻ, Đức thường dành thời giờ để chăm sóc vườn hoa sân trước: hai cây tường vi đơm đầy những chùm bông màu tím hoa cà tươi mát, mấy cụm hoa hồng rực rỡ và một đàn dạ lý xanh um. Đức dự trù sẽ trồng thêm vài bụi cúc, mười cây pensée để vẫn có hoa nở vào lúc sang thu. Đang tỉ mỉ cắt tỉa cành lá thừa cho bụi hồng màu đỏ thắm, Đức nghe tiếng chân chạy trên đường, nên ngừng đầu chào như thường lệ: "Chào cô". Cô bé Mỹ tuổi chừng đôi tám, mảnh dẻ duyên dáng, thỉnh thoảng chạy thể dục trên đường, Đức đã gặp vài lần, và lúc nào cũng lịch sự chào nhau chiếu lệ. Lần này, bỗng nhiên cô bé dừng lại, tò mò hỏi:

- Chào Ông! Xin lỗi, Ông là người Á Đông?

- Vâng! Tôi là người Việt Nam. Tên tôi là Đức Ong. Ông có nghĩa là con Bee đó!

- Ngộ quá há! Họ tôi cũng là Bee. Tên tôi là Linda Queen Bee!, cô bé cười khanh khách.

Nghi là cô bé bịa tên giả bõn cợt mình, nhưng Đức vẫn lịch sự:

- Hân hạnh được biết cô!,

- Ông có vẻ là người ưa thích thiên nhiên. Ông thích tường vi lắm phải không?

- Tường vi nở rộ một màu rực rỡ cả vùng, quả thật rất đẹp, nhưng thâm tâm tôi chỉ thích loài hoa có hương vị kia.

- Vậy thì ông thích hoa dạ lý rồi!

- Không hẳn vậy! dạ lý hương vị gắt gao nồng nặc quá!

- Thế thì tôi biết ý ông rồi! Chắc là hoa hồng, mà phải là loại hồng nhung đỏ thắm thì hương thơm mới êm dịu phải không? nhưng hoa hồng tuy đài các kiêu sa mà sánh sao bằng hoa phong lan cánh bướm, hương vị thanh thoát nhẹ nhàng hơn!

Phong lan hoa như cánh bướm là loại cây chùm gởi đeo bên nhánh cây đối diện với tổ ong sau nhà, Đức thịnh thoảng được may mắn thưởng thức hương vị lấy làm thích thú, không ngờ cô bé này nhỏ tuổi mà cũng am tường, thật là một điều lạ lùng.

- Nhận xét của cô đúng lắm! Nhưng...

Cô bé liếng thoảng cười, khoát tay rồi cướp lời:

- Hà hà! Loài hoa thượng thặng của ông, có lẽ là loài hoa đại mọc trên vùng nước sinh lầy dọc bờ Nam sông Neches chứ gì? Hoa đó hương vị thanh cao, tinh khiết làm sao ấy!

Đức không thể tưởng tượng nổi ở xứ này lại có kẻ tri âm đồng điệu thấu rõ ruột gan mình trong nghệ thuật thưởng thức hương hoa. Chàng bỗng sinh lòng cảm mến cô gái, nên thân mật lên tiếng:

- Khâm phục! Khâm phục! Hoa đó không phải hoa đại đâu! Người Việt Nam gọi là hoa sen hay liên hoa, tiếng Anh là lotus. Người nước tôi thích hoa sen vì hương vị thanh cao tinh khiết, vẻ đẹp đoan trang thanh thoát, và nhứt là đặc tính hoa ở chốn bùn lầy mà chẳng nhiễm ô mùi bùn. Do đặc tính thù thắng đó, trong Phật giáo, hoa sen được tôn vinh như là biểu tượng của sự trong sạch thanh tịnh. Vì vậy có pháp môn tu tập để giữ thân tâm thanh tịnh, tạo duyên để được vãng sinh về cõi đất thanh tịnh, tức Liên hoa quốc.

- Lạ quá hén! Không ngờ loài hoa đó lại có một giá trị tín ngưỡng cao quý như vậy!

- Đối với người bình dân nước tôi, thì sen còn được chuộng vì giá trị thực dụng nữa. Lá sen dùng để thay giấy gói, các bà nội trợ chế biến để gói cơm, gói chả đem hấp hoặc nướng để tăng thêm vị ngon; hột sen, ngó sen, củ sen đều là những thức ăn quý giá. Ngay như nhị sen, cái mầm xanh xanh giữa hột sen, cũng có người chịu khó gom góp để châm nước uống thay trà, vị nó đắng nhưng hậu lại ngọt, giúp cho thân tâm tươi tỉnh và diệt dục.

- Thích quá nhỉ! Thế mà người nước này lơ là coi như hoang dại không ngó ngang gì tới! Tiếc ơi là tiếc!

Nhận thấy Linda chịu nghe, chịu tìm hiểu hoa sen, Đức rộn ràng mời mọc:

- Tôi có sưu tập tranh ảnh hoa sen nhiều loại, đặc biệt có sen Tây vức lá to như cái lọng. Nếu cô ưa thích, xin mời cô vào nhà vừa uống loại trà ướp sen, ăn bánh nhun sen, vừa thưởng thức tranh ảnh hoa sen thì mới hứng thú.

- Dĩ nhiên là tôi thích lắm chứ!

Cô bé nhanh nhẩu đáp, rồi nói gót theo Đức. Đức vừa mở cửa, thì bỗng thấy cô gái loạng choạng bước lui trở ra, mặt mày xanh xao, như sắp té quỵ, Đức hoảng hốt:

- Ôi! cô có sao không?

- Tôi hơi xây xẩm. Tôi vốn bị phản ứng bởi chất hóa học nên cảm thấy ngộp thở.

- Xin lỗi cô! Tôi mới xịt thuốc trừ dán buổi chiều, nên không khí trong nhà còn nồng nặc quá! Đức lúng túng giải thích.

- Ô! thế mà tôi ngỡ Ông thương mến thiên nhiên và vạn vật mọi loài kia mà!, lời lẽ cô gái hơi gay gắt khó chịu.

Như một nhà đạo đức giả bị lộ mặt nạ, Đức thẹn thùng giải thích:

- Tôi vốn thương sinh vật, nhưng riêng loài dán thì không biết do oan nghiệp từ kiếp nào tôi lại không ưa chúng nổi. Gây nghiệp sát rồi tôi ái náy vô cùng, nghĩ rằng trong kiếp nào đó, mình cũng là con dán hôi hám, cũng chui vào

thức ăn người tìm sống, mà sao giờ này mình lại không dung thứ chúng được?

- Ô! Ông có thể tin nổi chuyện loài vật chuyển kiếp thành loài người sao?, Linda vui vẻ trở lại.

- Tôi theo Phật giáo nên tin tưởng vào thuyết luân hồi, theo đó, tùy theo nghiệp quả mà chúng sanh phải lặn hụp trong sáu đường: trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như vậy thì thú tiến bộ thành người và người cũng có thể bị đọa thành thú.

- Ô! sao ở nước này người ta chỉ chủ trương luân hồi tiến hóa, theo nghĩa loài vật tiến bộ thành người chứ người không bị thoái hóa thành thú vật được.

- Thật ra, dựa vào hoằng nguyện độ sanh vô biên của chư Phật, chư Bồ Tát và thuyết "chúng sanh là Phật sẽ thành", ta nhận thấy yếu tố tiến hóa trong luân hồi rất rõ rệt. Tuy nhiên, tiến hóa không thể hiểu giản đơn như một con đường thẳng tắp suông sẻ, vì kẻ lầm lạc tạo nhân ác thì nghiệp lực có thể dẫn dắt đến cõi thấp hơn, nên việc thoái hóa tạm thời cũng có thể xảy ra, điều đó tương tự như phải đi con đường vòng, đường gầy, đường trơn ốc... để đạt đến mục đích. Trong kinh điển Phật thỉnh thoảng vẫn nhắc nhở đến những trường hợp đọa lạc, như chuyện bà Thanh Đề bị sa đọa thành quỷ đói, chuyện một kẻ giàu bản tiện tiếc của tái sanh làm kiếp chó để bảo vệ tài sản trước kia.

Tuy nhiên, chuyện luân hồi lâm ly nhất có lẽ là chuyện tưởng tượng về tiền thân, hậu kiếp của bà hoàng hậu Hy Thị. Nguyên vua Lương Võ Đế, nước Trung Hoa, một đêm nằm ngủ thấy hoàng hậu Hy Thị, chết không bao lâu về báo mộng rằng bà đã bị đọa thành con mãng xà hôi thúi rất là khổ sở, nên khóc lóc xin chồng tìm phương giải cứu. Hoàng đế bèn cầu cứu hòa thượng Chí Công, một đắc đạo cao tăng đương thời. Hòa thượng hợp tạng chúng soạn bộ Lương Hoàng Sám, lập đàn tràng tụng kinh siêu độ cho hoàng hậu thoát kiếp mãng xà. Nhân dịp này hòa thượng giải thích tiền căn của hoàng hậu là một con dế, sống trong chậu kiếng trước ngôi chùa cổ. Mến chuộng nếp sống tu hành đạo đức tại đây, con dế phát tâm thích nghe tụng niệm và phát nguyện mỗi ngày trước giờ công phu sáng sẽ cố sức gáy thật to đánh thức tăng chúng. Không may, trong chùa có chú tiểu biếng nhác, bực mình vì bị tiếng dế làm mất giấc ngủ ngon, nên lén dùng que đâm chết. Con dế có nhiều công đức nên được tái sanh làm cô gái đẹp tuyệt trần, rồi trở thành

hoàng hậu được vua đặc biệt sủng ái. Tuy nhiên, hoàng hậu đối xử với cung nữ tàn nhẫn, và do những ám ảnh bởi kiếp dế, - yểm trợ tăng sĩ lại bị chính giới tăng sĩ hại mạng, - nên thù ghét tu sĩ, phá hoại việc hoằng dương Phật Pháp. Nghiệp quả đó đã đưa bà đến kiếp măng xã khốn khổ. (*)

- Dế thành người. Người thành rắn. Thích nhỉ!

Rồi bỗng dung Linda cười tủm tỉm, ra vẻ tinh quái hỏi Đức:

- Xin lỗi, Ông có tụng kinh buổi sáng không?

Đức hơi ngạc nhiên vì không hiểu cô gái hỏi nhằm mục đích gì, nhưng vẫn thành thật trả lời:

- Không cô ạ! Tôi biếng nhác lắm!

- Nếu Ông tụng kinh thì hay cho tôi quá! Tôi sẽ ráng đến đây bấm chuông nhắc nhở hàng ngày, rồi biết đâu kiếp sau tôi chẳng thành một bà Vua đẹp đẽ!

Dứt lời, Linda cười ngất, đoạn vội vã chào từ giả, rồi chạy phóng đi mất dạng.

Thế rồi, nhân những lúc chạy thể dục buổi chiều, thỉnh thoảng Linda dừng lại líu lo nói chuyện. Cô bé còn trẻ, chuyện giả trá trong cuộc đời dường như mờ mịt, mà thế giới thiên nhiên thì cô hiểu biết sâu rộng như một nhà bác học. Kiến thức về hoa của Linda quả đáng phục. Không một loài hoa nào, dù là loại tầm thường vô danh nhỏ bé li ti mà cô không rành rẽ. Tuy nhiên, tương tự như Đức, cô đặt trọng tâm tìm hiểu nhiều về hương vị hơn là màu sắc lòe loẹt của muôn hoa. Sở thích phù hợp, hàn huyên tương đắc, khiến cho chàng thanh niên vốn thích cô đơn hiu quạnh đâm ra thấp thỏm mong đợi bóng hình giai nhân. Thế nhưng Đức cù lần quá, đã thân mật trò chuyện với Linda gần hai tháng trời, mà Đức vẫn mù tịt về nàng. Chàng lịch sự nên có những vấn đề Linda tránh né thì không cố tìm hiểu, và chẳng, Đức có chủ động được đâu. Chỉ nghe tiếng nói, giọng cười dòn tan của nàng, thì hồn vía chàng bay mất, nàng muốn lái sang đề tài nào cũng riu riu xuôi theo. Do đó, Đức chỉ mang máng hiểu là Linda lai giòng máu thổ dân, chịu nhiều ràng buộc trách nhiệm của tinh thần bộ lạc, và chung sống với đại gia đình ở cuối con đường làng. Điểm đặc biệt là tuy vui vẻ với Đức nhưng Linda lại không thích liên lạc quen biết với bất cứ ai, nhất là người da trắng.

Vào ngày lễ Tạ Ơn, nếp sống trầm lặng bình dị của Đức bỗng bị xáo trộn khi gia đình người chủ, nhân dịp về nhà cha mẹ họp mặt hàng năm, đã tạt sang ngôi nhà cho thuê thăm chàng. Thăng Gustavo, đứa con trai duy nhất của họ, tuổi chừng 15, mặt mày bặm trợn, lại vênh váo mặc bộ đồ tác chiến vằn vện, võ trang như lính thứ thiệt bằng dao găm và súng săn. Vừa xuống xe thì hắn ta đã hùng hổ phóng nhanh ra sau rừng, la hét cản quét "địch quân". Khách chỉ lưu lại có ba giờ mà bãi "chiến trường" sau nhà đã thê lương thảm hại. Mấy bụi lan đất bị dẫm nát, cây liễu tơ tróc gốc, cây cối bị chặt phá cành lá rơi rụng khắp nơi. Dưới chân tường là xác nát nhừ của con chim xanh, và bên gốc trúc bá, chú sóc cườm đang nằm thoi thóp. Hoàn cảnh của tổ ong bên cạnh phong lại càng tàn tệ. Tổ ong bị bắn, bị đập rơi xuống đất vỡ thành mảnh vụn, mật chảy nhầy nhụa trộn lẫn với xác ong non, nhộng ong... trong khi đám ong sống sót quẩn quít, lẫn xăn trong tuyệt vọng. Đức dọn dẹp cây lá, chôn xác chim và sóc, nhưng ngần ngừ chẳng biết giải quyết tổ ong cách nào. Chàng cũng đau lòng và tuyệt vọng như chúng, thì đâu nữa lòng nào quăng cả những con ong non còn sống sót vào sọt rác.

Gió thu lạnh buốt, trời sụp tối thật nhanh. Đức trở vào nhà mà giăng giăng sầu muộn. Nhưng lúc này Đức mong có Linda bên cạnh để tâm sự cho vơi nỗi bực dọc trong lòng. Vừa nhớ đến Linda thì đã nghe tiếng chuông reo vang. Đức hấp tấp mở cửa, rồi sững sờ trước một Linda mặt mày xanh xao, xây xát, chân tay run rẩy. Đức cuống quýt đỡ nàng rồi hỏi dồn dập:

- Trời ơi! em làm sao vậy Linda?

- Em... trật chân té trầy trụa thôi... Anh ơi! mẹ em bị tai nạn lìa đời rồi..., nàng khóc sụt nước mắt thật là thê thảm.

- Linda! Anh có thể giúp gì em không?

- Linda lắc đầu:

- Họ hàng em lo mọi việc. Họ không thích người lạ mặt dự đám anh à!

Khóc lóc khá lâu, bỗng Linda ngừng đầu cất tiếng:

- Lúc này ở ngoài em nghe tiếng ong bay loạn xạ lạ lùng quá!

Linda đang đau lòng tang mẹ mà vẫn nhớ đến an nguy loài vật khiến Đức vô cùng cảm phục, chàng đáp:

- Thằng quý sứ con ông chủ nhà, nó bắn nát tổ ong. Ong bẻ tổ trong lúc lạnh lẽo như thế này thì chỉ biết quanh quần chờ chết, chớ biết bay về đâu?

- Sao anh không tìm phương cứu chúng?

- Anh nghĩ hết cách rồi! đang bối rối thì em đến đó.

- Hay là mình thử tìm cái thùng không làm cái tổ tạm để gom mớ tổ vụn nát còn những ong con, nhộng sống sót. Nhưng con ong lớn thất có tổ sẽ quây quần lại, thì may ra giúp đỡ chúng phần nào.

- Ý kiến hay quá vậy mà anh không nghĩ ra!

Thế rồi Đức tức tốc ra sau vườn gom mớ tổ ong vụn vặt cho vào thùng mang vào nhà đặt bên trong lò sưởi. Đàn ong sống sót tự động ùa bay theo, bu quanh. Những con chậm chạp cũng biết tìm cách vào nhà qua ngả ống khói lò sưởi nữa.

Sau đó, Đức khuấy nước đường, rồi tự hứa ngày mai sẽ mua mật về để cạnh đó hầu ong thợ có thể khai thác cấp thời làm thức ăn cho đám ong con. Sắp xếp cho đàn ong xong, Đức mới cảm thấy nhẹ nhàng. Linda cũng nhờ chăm chỉ săn sóc bầy ong mà mối sầu tang mẹ cũng nguôi ngoai.

Sau biến cố thương đau, cô gái ngây thơ nhí nhảnh ngày nào bỗng trở nên dâm chiêu xa vắng. Nét u buồn khiến nàng tăng thêm phần duyên dáng và sự trưởng thành. Linda cũng thường đến nhà Đức, và cũng ở lại khuya hơn. Hai người hàn huyên tâm sự đủ mọi đề tài, rồi cũng kề cận bên nhau săn sóc bầy ong khốn khổ. Đức vốn là con người đúng đắn, nhưng gần gũi thân mật lâu ngày với người con gái đang xuân, thì "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén", nên tình ái bắt đầu nhen nhúm. Đôi khi Đức cũng ráng đè nén cơn thèm muốn, nhưng càng cố đè nén thì lại dễ vướng vít trong lòng, rồi thì thân hình nồng nàn kêu gọi của Linda cứ như đập chồm trước mặt. Nghĩ ngợi vẩn vơ, bỗng Đức nhớ ra là con gái xú này quá ư phóng khoáng chuyện tình dục, vậy nếu chàng không mạnh dạn chiếm đoạt thân thể nàng, biết đâu lại bị chê là cù lần chậm tiến. Thế rồi Đức âm thầm chờ đợi cơ hội tiến hành ước mơ của mình. Một hôm, mê mẩn nhìn làn da trắng ngần của Linda lộ lộ trong chiếc áo hở cổ, cơn sốt dục tình bùng dậy thúc giục Đức cúi xuống hôn ót nàng. Linda rùng mình. Đức thoáng nghĩ đúng là nàng thuận tình rồi, nên không còn úy kỵ gì nữa, chàng ôm choàng Linda mưu chuyện gôi chẵn. Bất ngờ, Linda xô nhẹ chàng ra và hỏn hển nói:

- Dừng anh! Chúng mình dị chủng không thể là vợ chồng được đâu anh!

Đức bàng hoàng hồi tỉnh cơn mê. Chàng biết vợ chồng khác biệt văn hóa khó có hạnh phúc nên chưa bao giờ nghĩ đến việc kết hôn Linda. Chàng chỉ thêm muốn tình dục thấp hèn, mà lại nài ép nàng trong khi nàng đang đau buồn tang mẹ, kể ra thì quá tệ. Đức vốn tự trọng nên cảm thấy cực kỳ xấu hổ về hành vi của mình, chàng tự hứa không để những ý nghĩ xấu xa lãng vãng nữa.

Từ đó, Đức ngày càng lưu ý đến tư cách của Linda. Chàng nhận thấy nàng nhu mì đầm thắm như cô gái phương Đông, rất hợp với tính tình chàng, nên tình yêu chân thật bắt đầu nảy nở.

Mùa xuân vừa trở lại thì vạn vật liền tung bừng sống dậy. Cây lá nảy mầm xanh tươi. Chim kêu ríu rít và bầy ong cũng rộn rịp đi đi về về. Linda dắt tay Đức tung tăng trong rừng, hai người dừng chân dưới cây phong già, bồi hồi nhớ lại thảm cảnh mùa thu qua. Thấy thời cơ thuận lợi cho việc ngỏ lời cầu hôn, Đức ngọt ngào:

- Em cưng ơi!

Linda ngả đầu nhìn Đức, rơm rớm nước mắt, rồi bỗng nhiên ôm chầm lấy chàng, đặt nụ hôn trên môi. Nụ hôn thật ngon, ngọt lịm như mật... khiến Đức ngất ngây như lạc vào cơn mê phiêu lãng. Rồi Đức lơ mơ nghe tiếng nàng thốt thức:

- Anh Đức ơi! em chỉ muốn ở bên anh hoài hà! Khổ nỗi em còn trách nhiệm với giống nòi của em anh à! Em phải ra đi!

Đức cố gắng ú ớ lên tiếng mà không tỉnh được. Chàng chỉ mang máng nghe âm thanh rần rộ như tiếng quân đi, rồi có kẻ lạ lên tiếng:

- Khải bầm nữ vương! Đã đến giờ hoàng đạo, xin nữ vương lên đường.

- Mặc ta! Người lui ra!,

Linda nghiêm nghị trả lời người lạ, đoạn hôn má tóc chàng, thỏ thẻ:

- Cám ơn anh cứu dân em và cho tá túc mùa đông! Xin vĩnh biệt! Vĩnh biệt nhe anh!...

Đức hốt hoảng choàng mắt dậy, bóng Linda chập chờn trước mắt bỗng mờ dần, tan biến dần..., rồi chỉ còn hiện rõ hình dáng của con ong, con ong đầu đàn mà chàng đã có duyên hội ngộ tại đầm sen sông Neches ngày trước. Con ong lượn một vòng như từ giã, rồi bay vút đi, kéo theo cả bầy ong như một đoàn xe lửa dài ngoằn ngoèo đen nghịt. Đức vội vã phóng chạy theo, gọi tên nàng ơi ơi, nhưng đàn ong vẫn tiếp tục bay xa, bay thật xa, rồi lần lần mất dạng.

Người đi không hẹn ngày trở lại, nhưng Đức vẫn tưởng ngóng đợi chờ. Không tin cả mắt mình, Đức vẫn hy vọng hội ngộ với Linda bằng xương bằng thịt, chàng truy tầm thăm hỏi tung tích của nàng khắp vùng Jamestown, nhưng không một ai nghe nói gì đến giòng họ Queen Bee, cũng như vết tích của bộ lạc thổ dân nào. Chàng lại sục sạo khắp nơi tìm cho ra đàn ong cây phong cũng chẳng thấy tăm hơi.

Tháng ngày nhưng nhớ vô vọng khiến Đức sanh chứng mượn rượu giải sầu, rồi lái xe lang thang đây đó, chớ chẳng thiết về nhà để phải thấy lại dấu vết của những kỷ niệm khó quên. Một đêm, sau khi nhậu mềm môi tại Beaumont, và mặc dầu bạn bè ngăn cản, Đức vẫn khăng khăng lên xe lái đi. Bước ra xe, chân cảm thấy run, nhưng Đức tin tưởng mình vẫn tỉnh táo. Hơn một năm nay, chàng đã bao lần nhậu say mềm, mà có điều gì đáng tiếc xảy ra đâu. Đêm khuya vắng vẻ, đường sá trống trải. Đức lên xa lộ 10E thênh thang một mình, đáp lút ga xăng, xe vọt như bay. Đức mơ hồ như có tiếng ai gọi tên mình, rồi bỗng nghe tiếng "bụp" ở kiếng trước. Phản ứng tự nhiên khiến Đức giảm tốc lực, rồi nhìn kỹ thấy một con ong đang oằn oại dưới cây cần quạt nước. Tình thương ong cố hữu thúc giục chàng chạy chậm sát lề, đậu xe chỗ dành cho trường hợp khẩn cấp. Chàng tắt đèn, tắt máy xe, chực mở cửa thì ngưng lại. Chàng cảm thấy mình lâm cảnh nguy hiểm quá! Con ong bề gì cũng chết rồi, chàng dừng xe, hay làm cách nào cũng chẳng cứu nó được. Đang ngần ngừ, chợt Đức thấy ánh đèn chói chang trước mắt. Năm bảy chiếc xe từ hướng ngược chiều phóng sát bên xe chàng. Lạ lùng quá! Đức nhìn qua bên kia đường, rồi bất giác run lên, sợ điếng người, tóc tai dựng đứng. Không biết say rượu như thế nào, chàng đã lên xa lộ bằng lối ra, rồi cứ phóng xe phom phom trên đường ngược chiều. Nếu không nhờ vô tình thương con ong dừng xe lại, thì chàng đã đụng xe trực diện tan nát rồi. Đức lạng lẽ bước ra ngoài gỡ con ong khỏi quạt nước mang vào xe, vịn đèn nhìn kỹ mặt ân nhân. Đức bỗng rú lên: "Trời ơi!", rồi khóc nức nở như một đứa trẻ con. Đó là xác con ong đầu đàn, tức Linda Queen Bee, đó là nàng. Bằng linh cảm nào, nàng biết Đức đang lâm nguy để xả thân nhắc nhở chàng dừng xe lại.

Đức mai táng Linda bên bờ Nam sông Neches, cạnh rừng sen, rồi rời bỏ Jamestown như chạy trốn. Chàng về Houston tích cực tham gia các sinh hoạt của cộng đồng người Việt để tìm quên. Tình cờ, trong công tác giúp đỡ hướng dẫn đồng bào mới định cư, Đức gặp gỡ Mai, rồi hai người đi đến hôn nhân sau một thời gian ngắn tìm hiểu. Năm kế, thì đưa con gái đầu lòng ra đời.

Tưởng nhớ người xưa, Đức đặt tên con là Ong Thùy Linh. Bé Linh là nguồn hạnh phúc ngọt ngào của cặp vợ chồng son. Hai vợ chồng tranh nhau lo lắng, săn sóc con. Con bé bám riết theo cha, nhõng nhẽo, vòi vĩnh đủ thứ. Và Đức cũng cưng con tột bậc, đến nỗi Mai phải cảnh nhắc là chàng cứ chiều chuộng thói hư tật xấu của con. Cái gọi là "thói hư tật xấu" đó, chính là cái nết không thích chơi búp bê, mặc quần áo đẹp, lẩn quẩn trong phòng ốc ẩm cúng sạch sẽ, mà chỉ thích ra ngoài trời, lê lét trên bãi cỏ, trũng giồng với ong bướm, ngắm cây lá, hay say đắm ngửi hương hoa.

Điểm kỳ lạ là bé Linh có khả năng đặc biệt thu hút loài ong, bé ở nơi nào thì dường như những con ong cũng mon men tìm đến. Càng lớn, tính thích thiên nhiên của bé Linh càng tăng, nên hàng tuần Đức đều đưa con đi đến công viên chơi giỡn. Để mừng sinh nhật bé Linh 5 tuổi. Đức tổ chức chuyến du ngoạn xa tại công viên sông Neches, để vợ con có dịp thưởng thức được hương sen xứ người. Chưa đến công viên mà bé Linh đã mừng reo như trở về nơi quen biết, em lăn xăn nói cười chỉ chỗ huyên thuyên ra chiều thích thú. Đức tìm chỗ đậu xe, bé Linh không chịu ở đó, mà nằng nặc chỉ về hướng bờ sông bên kia. Thế là Đức thuê thuyền máy phóng thẳng đến rừng sen. Cảnh xưa không mấy đổi thay. Sen bành trướng rộng hơn, chen chúc hơn, nhưng lại đượm vẻ tàn tạ tiêu điều bởi thời tiết thất thường. Bé Linh mừng rỡ reo vang. Em vốc nước thả trên chiếc lá xanh trơn trượt, mân mê đài sen, tâng tiu từng bóp cón con. Hết ngắm đóa hoa này, em lại đòi cha bồng đi ngắm hoa khác, không biết chán. Mai vốn không thích hợp với thú sinh hoạt ngoài trời, nhưng cảnh đầm sen có cái gì gọi đến đất nước thân yêu, khiến nàng vừa náo nức, vừa bồi hồi nhung nhớ. Nàng thổ thê: "Minh chịu khó hái gương thật nhiều đem về chia cho bạn bè món quà quê hương lấy thảo! anh nhé!".

Thình lình có tiếng hét to: "Ê! tụi da vàng! lên đây!".

Đức giựt mình, nhìn lên bờ thấy một tên cao lớn, mặt trét sơn màu vắn vện, ăn mặc theo lối lính tác chiến rừng rậm, võ trang bằng dao găm và súng ngắn. Hắn chia súng ra lệnh vợ chồng Đức lên bờ, và họ đành ríu ríu tuân

theo. Tên côn đồ có nét quen quen, nghĩ mãi, Đức mới giật mình nhận diện hẳn chính là thằng Gustavo ngổ ngáo con người chủ nhà ngày trước. Nhớ đến tính tình hung hãn, ác độc của y mà Đức rùng mình. Hắn bắt Đức nằm xấp xuống đất, hai tay úp lên gáy. Hắn trói Mai vào thân cây, đoạn trói thúc ké chân và tay chàng siết lại với nhau thật đau đớn, đá cho nằm nghiêng một bên. Sau đó, hắn mới thung dung lục lọi lấy hết tiền bạc, nữ trang và cả thẻ tín dụng nữa. Bảy giờ, tên côn đồ trừng mắt đảo một vòng nhìn các nạn nhân, như sắp ăn tươi nuốt sống họ. Vờn mồi xong, hắn mới lạnh lùng lấy dao găm chậm rãi rạch lưng Đức từng nhát một. Lưỡi dao bén ngọt, rờn rợn, đau rất thấu xương, mà trong thế bị trói thúc ké không nhúc nhích được, Đức chỉ còn có cách kêu gào thảm thiết. Hắn cười hăng hắc khoái chí, lấy cát tấp vào vết thương cho Đức oằn oại đau đớn hơn nữa. Sau đó, hắn từ từ xây qua Mai, xé toạt áo nàng, liếc dao dọa nạt. Hắn cười hô hô thương thức nỗi khiếp đảm của nạn nhân, rồi mới thông thả rạch vài lần dao trên ngực nàng. Mai dẫy dục, rên rĩ, kêu la... thì y càng hả hê khoái trá. Hắn lại chụp bé Linh. Đức năn nỉ xin hắn hành hạ mình và tha con, nhưng lời van nài dường như chỉ khiến thú tính hắn thêm sôi sục mà thôi. Hắn hùng hổ đỡ hồng bé Linh, cầm dao như định xiên ngang họng, khiến con bé kinh hoàng hoát miệng la, mà như bị nghẹn ngào chẳng chút âm vang. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng đó, bỗng nhiên, một bầy ong đen nghịt từ đâu bay đến. Bầy ong bắt ngờ bu kín gã hung đồ, hắn kêu thét như heo bị thọc huyết, nổ súng vang trời, chạy thực mạng, rồi phóng nhào xuống nước chìm lĩm.

Trong khoảnh khắc đàn ong quay lại, Đức lo ngại chúng sẽ tấn công gia đình mình, ngờ đâu bầy ong vẫn vũ quanh bé Linh, bay theo một đường lối nhịp nhàng như vụ điệu chào mừng. Bé Linh cũng vậy, em như trong trạng thái xuất thần, xoay quanh múa may nhún nhảy với chúng.

Sau khi đàn ong kéo nhau đi, bé Linh trở lại tình trạng bình thường. Đức liền chỉ dẫn con lượm dao găm của tên côn đồ rớt lại, cắt dây trói, rồi tức tốc đưa gia đình trở về công viên, báo cho cảnh sát nội vụ. Cả nhà được chuyên khẩn cấp đến bệnh viện để săn sóc những vết thương tuy không nguy hiểm đến tính mạng, nhưng cũng đau đớn vô ngần.

Ba ngày sau cảnh sát đến báo tin đã tìm thấy tử thi dày đặc vết ong đốt của tên côn đồ nổi lênh bênh trên sông. Họ tỏ vẻ vô cùng ngạc nhiên vì không hiểu nổi nguyên nhân nào đã khiến loài ong lại chọn đúng gã côn đồ để chỉ tấn công tên này mà thôi.

Có lẽ họ sẽ ngạc nhiên hơn nữa, nếu họ chứng kiến được điệu múa loài ong cũng như tiếng hét tắt nghẹn của bé Linh. Tiếng hét ấy, Đức tin tưởng như là một thứ siêu âm tương ứng với loài ong, mà bé Linh, trong cơn khủng khiếp tiềm thức đã tự động tìm về với tiền nhân ong chúa, để đột ngột phát ra hầu kêu gọi đồng loại đến cứu nguy kịp thời!!!

Tháng 12. 1990

Ghi chú:

** Theo Thượng Tọa Trí Quang trong phần tiểu dẫn bộ Lương Hoàng Sám thì Lương Võ Đế khi hạ chiếu thỉnh cầu soạn sám đã ghi rõ mục đích là vì dân vì nước, chứ không có khoảng nào nhắc đến bà Hy Thị cả. Do đó, truyền thuyết rằng hoàng hậu là nguyên nhân của việc soạn sám, cũng như những chuyện huyền hoặc về tiền nhân, hậu kiếp của bà có lẽ chỉ là chuyện tưởng tượng của người đời sau mà thôi.*

*** Truyện ngắn "Điệu múa loài ong" hiển nhiên là chuyện liêu trai huyền hoặc, tuy nhiên chuyện hoang đường đó đã được gợi ý từ một chuyện có vẻ thật đăng trên báo Weekly News, tóm lược như sau:*

Gia đình của anh Jose Villareal, gồm vợ Maria và 2 con: bốn và tám tuổi đang vui hưởng picnic cạnh bờ sông Menaro, gần Portobelo, Panama thì có tên côn đồ tên Gustavo Trelles, võ trang súng lục và dao găm, uy hiếp họ. Tên côn đồ cột đàn bà và trẻ con vào thân cây, trói thúc kẻ người chồng, vợ vét tiền bạc, nữ trang, rồi hành hạ hai vợ chồng bằng cách dùng dao rạch nát thân thể họ. Khi y vừa định hành hạ đến 2 đứa trẻ con, thì bỗng có bầy ong độc bay đến đốt y cho đến chết. Bầy ong vẫn tiếp tục vẫn vũ ở đó hằng nửa giờ mới bay đi, nhưng không hề đụng chạm chi đến gia đình nạn nhân.

---o0o---

SEN TRẮNG

Nếu Los Angeles, Nam California, thường được dí dỏm so sánh như Saigon, thủ đô của Việt kiều tại Hoa Kỳ, thì thung lũng điện tử Santa Clara, miền Bắc Cali có thể mừng tượng như Cần Thơ, một thứ Tây đô màu mỡ, đầy âm ập xí nghiệp điện tử, sẵn sàng mở rộng cửa đón nhận làn sóng thuyền nhân đang khát khao tìm chốn định cư lập nghiệp. Từ tiểu bang Iowa, lạnh lẽo cô đơn, thiếu vắng đồng hương, Tùng trốn chạy về San Jose, lòng chỉ

cầu mong được sống gần gũi với cộng đồng người Việt, được nghe tiếng mẹ đẻ, được nhìn thấy màu da vàng, và nhứt là được ăn cơm, húp nước mắm... một cách tâm thường là hạnh phúc tuyệt vời rồi. May mắn hơn nữa là mới trờm trờm sáu tháng học điện tử lem nhem, tiếng Anh còn điếc lác cam ngong, nhờ bạn bè hướng dẫn bày vẽ kê khai kinh nghiệm, rồi giới thiệu nâng đỡ, Tùng đã "vớ" ngay được một chân chuyên viên điện tử thơm phức tại công ty F.P.S inc. Ngành điện tử đang trên đà hưng thịnh, xí nghiệp mọc như nấm, tranh nhau thuê tuyển nhân viên nên điều kiện tuyển dụng dễ dãi, mà việc quản trị cũng cảm thông cởi mở. Do đó mà Việt kiêu đùm tùm dất dứu nhau về xin việc, rồi lần lần hăng xướng nào, cũng đầy nhóc thợ Việt Nam. Phân xưởng của Tùng, thợ Việt Nam chiếm đa số, ngòì đối diện chàng là Sơn, bên phải là Vĩnh. Anh em đùm bọc chỉ dẫn nhau công việc, hàn huyên tâm sự đều bằng tiếng mẹ đẻ..., thoải mái như đang sống tại nước nhà. Bữa ăn trưa nhộn nhịp và thích thú đặc biệt, anh em lĩnh kính mang theo toàn thức ăn Việt, để chia xẻ nhau thưởng thức tài nghệ nội trợ của quý bà. Hai thời nghỉ giải lao thì anh em lại tu tập nhau từng nhóm để bàn bạc đủ mọi đề tài, từ chuyện tào lao không đầu đuôi đến chuyện nghiêm trang đạo đức, chuyện quê cha đất tổ gây gò thương đau ở chân trời xa vắng... Tình đồng bào ruột thịt là chất liệu nuôi dưỡng Tùng giữ vững niềm tin để gắng gượng sống kiếp tha hương lạc lõng xứ người. Tuy nhiên tình đồng bào đôi khi cũng khiến chàng chua xót trước cảnh "một con sâu làm rầu nồi canh". Thật ra, không phải người Việt nào cũng giữ tư cách và đối xử với nhau chí tình. Trong cộng đồng thỉnh thoảng vẫn xuất hiện những phần tử bỉ ổi, lố bịch... gây tai tiếng chung, hoặc tệ hơn nữa, đã không ngần ngại "đâm sau lưng" đồng bào ruột thịt. Tình trạng đó lại càng tệ hại khi xí nghiệp bắt đầu xuống dốc, việc làm bấp bênh, nhân công có thể bị sa thải bất cứ lúc nào. Viễn ảnh mất việc, mà hậu quả có thể kéo lôi thêm nạn mất nhà cửa, mất xe cộ... khiến cho lắm kẻ tranh đua nhau tăng công, bợ đỡ thượng cấp bằng nhiều kiểu cách ly kỳ. Tuy nhiên, đối với phái nữ, vũ khí "cổ điển" mà hữu hiệu muôn đời vẫn là nhan sắc mỹ nhân.

Đang cặm cụi làm việc, chợt nghe tiếng nàng Mỹ Lý cười giỡn hình hích với người trưởng phân xưởng trong phòng, Sơn bực bội cần nhắn:

- Chúng nó ngày càng lộng hành, bóc lột công khai không biết xấu hổ là gì cả?

- Đúng là hạng "gái điếm" vậy mà khi mới vào làm việc, màu mè giả dạng gái nhà lành, trâm anh thế phiệt chứ!, Vĩnh góp ý.

Tùng là kẻ ba phải, nghĩ rằng người đẹp tuy có phần lố lỉnh, nhưng dùng lời lẽ nặng nề như hai bạn cũng hơi quá đáng, nên có ý đi dỏm đẩy đưa câu chuyện sang hướng khác:

- Ủa! thì thân tha phương cầu thực của chúng mình cũng tròn trĩnh với hạng gái điếm, chớ có cao quý gì đâu?

Thấy hai bạn tròn xoe mắt trước lời phát biểu lạ lùng của mình, Tùng giải thích thêm:

- Ngày xưa Nguyễn Du vì phải buộc lòng làm quan cho trào vua khác mà đã tự so sánh mình là nàng Kiều, một thứ gái điếm bán thân nuôi miệng rồi. Bây giờ bọn mình lại phải đem thân phục vụ nước ngoài, chẳng lý tưởng, chẳng hứng thú... thì còn tệ hơn nhiều. Vậy thì nếu ví von phận mình cũng là một hạng với kẻ bán thân nuôi miệng thì cũng không có gì là quá đáng!

Vĩnh trẻ trung vui nhộn, thắm ý cười ngất tán rộng:

- Kể ra, nếu hành nghề mãi dâm mình cũng thuộc vào hạng sang, thù lao rộng rãi, vui làm một nghề, tức chữ cũng được, phong lưu chán.

- Đúng vậy!, Tùng tiếp lời, đồng bào mình trong nước và ở Đông Âu phải nai lưng ra bán thân mà có được gì đâu?

Vĩnh cười hềnh hệnh bỏ túc:

- Thì họ là thứ gái mãi dâm bị chơi lường, đã bị bè đảng tú bà bóc lột chặn tiền đầu tiên đuôi, lại bị bọn ma cô áo vàng áo đỏ rình rập kèm kẹp khùng bố... nữa.

Ngừng một lúc lâu, để dè nén cơn đau buồn trong lòng, Vĩnh âm ức vắng tục:

- Mẹ nó! đã bị chơi lường, ăn chặn mà còn bị buộc phải hồ hởi hoan hô "vui sướng quá! lao động vinh quang quá!". Thế mới đau chớ!

Sơn vốn là một nhà mô phạm, nghiêm trang đạo mạo mà nay bỗng nghe hai bạn đồng nghiệp, một già một trẻ, đua nhau đùa giai so sánh thân phận mình chung chung với gái mãi dâm hèn hạ, dâm ra bực bội, nhăn nhó cảm râm:

- Anh Tùng cứ bày đầu cho thằng Vĩnh nói bậy không hà!

Tùng lặng yên tùm tùm cười nhận lỗi. Đối với chàng thì những bậc chân đạo đức cũng có thể hiện thân hành nghề hèn hạ ti tiện, ngược lại, kẻ tồi bại, lưu manh bon chen danh lợi cũng dễ chiếm đoạt một nghề nghiệp cao sang, vậy thì có nghề nào đáng kính, nghề nào đáng khinh đâu? Do đó, Tùng chẳng hề có mặc cảm gì với giới mãi dâm, hướng chi, ấn tượng về đóa sen trắng mà chàng đã có duyên phát hiện từ hai mươi lăm năm về trước, vẫn chưa hề phai lạt.

---o0o---

Sau những giờ phút nhức đầu bởi đống hồ sơ dày cộm, chứa đầy những tranh luận hơn thua, Tùng lái xe lang thang ra ngoại ô, về hướng nhà Vàm Cống, rồi ghé thăm chùa Phước Thạnh, ngôi chùa quê xinh xắn nằm ven rạch Gò Bè, xã Mỹ Thới. Xe vừa ngừng trước cổng, thì dì Diệu Hạnh, đang nhổ cỏ trước sân ngẩng mặt nhìn, rồi đon đả lên tiếng:

- A! cháu Tùng! sao lâu quá mới đến vậy cháu!

- Thừa mấy ngày nay cháu bận việc quá! Ồ! mà cháu cũng mới ăn cơm chay tại đây ba hôm trước mà đi!

- Ày! dì có thể dành cho cháu mấy cái bánh ích nhưn đậu. Cháu mà đến trễ thì hư hết tron hà!

Tùng xá chào dì rồi lên chánh điện lễ Phật. Lễ Phật xong, chàng đã thấy dì chờ sẵn dúi cho chàng hai cái bánh ích, cử chỉ đậm đà thương yêu như một bà ngoại dành quà cho cháu nhỏ. Tùng tùm tùm cười, bóc lá ăn ngay:

- Ngon lắm dì ạ!

Dì cười hể hả, vui sướng trở ra sân trước tiếp tục chấp tác. Tùng đi vòng ra đám rẫy khu vườn sau chùa tìm thầy. Hai thầy trò thường vừa săn sóc vườn tược, vừa trò chuyện trồng cây, chiết nhánh, ươm hoa..., những mẫu chuyện không "ăn nhập" gì đến việc tu hành, nhưng dường như lại mệnh mang đạo vị. Vừa thấy Tùng, thầy chỉ đống bắp vừa hái, rồi bảo:

- Con gom nhánh cây khô đốt lửa, nướng mớ bắp đầu mùa thường thức chút hương vị đồng quê đi!

- Chà! bấp ăn tại rẫy thì ngon ngọt nhưt hạng rồi! Tội nghiệp dì Diệu Hạnh quá! không biết dì có thể cạp nổi bấp nướng không?

- Răng dì sún hết trơn thì làm sao cạp thứ này được!

Dì Diệu Hạnh móm sòm không còn một cái răng, lụm cụm lấm rồi, thế nhưng dì vẫn bền bỉ công quả, tận lực hộ trì tam bảo không biết mỏi mệt. Thân thể già yếu, mà dì vẫn giữ được sắc thái tươi mát, mộc mạc mà hồn nhiên..., dì tu mà dường như không cần phải cố gắng gò gẫm gì cả. Lúc nào, dì cũng hoan hỉ đón mừng thiện tín viếng chùa nhiệt tình như bà mẹ già đang rộng cánh tay đón những đứa con thân yêu quay trở về nhà. Tùng lên tiếng:

- Hình ảnh của dì Diệu Hạnh thật đẹp! Con cảm giác như lúc nào dì cũng an lạc. Đôi khi con bỗng ước mơ mình trở nên hồn nhiên chơn chất như dì thì quý giá vô cùng!

- Đúng vậy! chính cái chơn chất, tự nhiên, càng bình thường càng gần gũi với đạo. Ngược lại, cái vốn trí thức: khôn khéo, so đo, suy luận thiệt hơn lại làm trở ngại việc tu hành. Ngày xưa, bôn sư thầy thường kể câu chuyện của bà cư sĩ chùa Giác Lâm thuở trước, để nhắc nhở chúng đệ tử tâm niệm điều đó. Vị nữ cư sĩ tục danh là Lê Thị Tốt, vốn là người đàn bà quê mùa dốt nát, xấu xí vì gương mặt rỗ chằng, sống với nghề gánh nước thuê tại chợ Cây Mai. Cảm ân đức của tổ sư Giác Lâm, tức thiền sư Viên Quang, dì xin quy y rồi phát nguyện trái thân công quả trọn kiếp. Tổ ban cho dì pháp danh là Tế Dung, nhưng không ai chịu nhớ, người ta cứ xúm nhau xách mé gọi dì là "tư Rỗ", mà dì cũng dễ dãi nhận chịu bí danh xấu xí đó. Tánh dì hiền lành, chơn chất và đặc biệt rất hoan hỷ. Đối với bất cứ ai trong chúng, dì cũng thành khẩn tôn kính là bậc thiện căn, đại trí, xứng đáng nhận sự cúng dường phục vụ. Do đó, dì hoan hỉ nhận lãnh mọi công việc nặng nhọc, khó khăn, hi sinh cho mọi người rảnh rang tu tập, còn dì, mặc cảm phận mình ngu dốt, hèn kém chỉ lủi thủi công quả "bòn" chút duyên lành mà thôi. Chùa Giác Lâm thuộc thiền tông, nhưng xét căn cơ dì tư, tổ Viên Quang dạy dì hành trì pháp môn niệm Phật... Tuy nhiên, để tránh trường hợp hành giả miệng niệm Phật như con kén, mà tâm lại rong ruổi theo trần cảnh, quay cuồng với tham, sân, si, mạn... không chút tương ưng với câu niệm Phật, tổ khuyến cáo trong bốn oai nghi vẫn phải quán niệm những bài kệ trong quyển Tì ni nhật tụng thiết yếu, như các thiền sinh. Dì tư tối dạ, học trước quên sau không thuộc nổi bài kệ nào, thành thử sư dạy dì "khi đi đứng nằm ngồi, hay trong bất cứ động tác nào cũng chỉ cần thâm nghĩ đến một niệm thiện là đủ". Lối luyện tâm sơ cơ của dì: ăn cơm mong người người được no, mặc áo

mong người được ấm, tắm rửa mong người được mát mẻ..., có vẻ trẻ con, nhưng đối với di tư lại có giá trị vô song. Tánh di chơn chất giản dị, cứ tuân lời thầy thành tâm thực hành, không hề thắc mắc, so đo, suy luận hơn thiệt, cứ đồng mãnh tinh tấn trong mấy mươi năm không thối chuyển, nhờ vậy tâm địa ngày càng thanh tịnh, rồi đạt đến chỗ niệm Phật nhất tâm bất loạn mà chẳng ai ngờ. Một hôm, trong khi đang nấu cơm, nghe tiếng nước sôi di quán niệm mong chúng sanh nghe được pháp màu, thì bỗng nhiên thế giới cực lạc hiện bày, tất cả thanh âm di nghe: tiếng suối chảy, gió reo, chim ca cùng hòa điệu thành những bài thuyết pháp vang lừng. Thời gian sau, biết trước giờ tịch diệt mà di vẫn lo hoàn tất việc cơm nước hầu hạ đại chúng, nhiên hậu mới tắm rửa, rồi quì lạy từ tạ tổ Viên Quang, đoạn vào bếp lần chuỗi niệm Phật mà thị tịch. Sau đó, tổ Viên Quang họp chúng tán dương đạo hạnh của di, khiến cho lắm người trước kia tộ bạc khinh khi di, đã phải đập đầu sám hối.

Câu chuyện hào hứng vừa kết thúc thì Tùng đã vội từ giã để kịp trở về Tòa án trước giờ tan sở, hầu giải quyết kịp thời những hồ sơ dẫn giải can phạm trong ngày. Từ ngày được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh án Tòa án An Giang, Tùng mới khám phá ra là dường như chàng không mấy phù hợp với nghề nghiệp của mình. Chàng lè phè, không câu nệ lễ nghi hình thức, mà nay lại phải ra vẻ nghiêm nghị đạo mạo giữ gìn thật là phiền toái. Ra ngồi xử án phải xúng xính áo thụng đen, tua cầu vai lông thỏ... chàng đã ngao ngán lắm rồi. Đã vậy, lại còn phải gượng gạo tham gia bao nhiêu lễ lạc, tiếp tân mà lúc nào cũng ra vẻ long trọng, đường hoàng, cân nhắc từng lời, từng cử chỉ... bực bội vô cùng. Ngay những bữa ăn gọi là thân hữu cũng vẫn phải dè dặt, khách sáo, màu mè... chớ đâu được thoải mái, thông dong.

Vừa tan sở, Tòa Tỉnh đã đưa xe đến rước Tùng dự bữa cơm thân mật do Đại Tá Tỉnh Trưởng khoản đãi. Ngồi chung trên xe lái ra vùng ngoại ô mát mẻ, vị đầu tỉnh thân mật lên tiếng:

- Minh sẽ dùng cơm ở một địa điểm đặc biệt, thiên nhiên và thơ mộng. Tôi chắc chắn Ông Chánh án sẽ thích thú!

- Thế Đại Tá cho tổ chức tại một công viên sao?

- Không! tại một khu vườn cây trái của tư nhân, có hồ sen thả cá vàng, có hồ bơi dưới bóng cây râm mát, lại yên tĩnh kín đáo mà đầy đủ tiện nghi nữa!

- Ô! như vậy có lẽ mình làm phiền lòng gia chủ quá đi!

- Chẳng phiền hà chi đâu Ông Chánh án! đây là nơi nghỉ mát dành cho thân hữu, vả lại chính gia chủ, thầy khoán Văn Thành vẫn thiết tha mong được quen biết với Ông Chánh án kia mà!

Tùng thoáng giựt mình vì không ngờ bữa cơm nhân danh thân mật dường như có hậu ý quanh co, chớ không đơn giản bình thường nữa. Thầy khoán Văn Thành là một nhà đại doanh thương tại tỉnh này, ai mà chẳng biết, và dĩ nhiên Tùng cũng phải nghe danh. Ông ta là chủ nhân một nhà thuốc tây đồ sộ, nhưng lợi tức cơ sở thương mại chính thức này chẳng thấm tháp gì nếu so sánh mức thu hoạch vô kể bằng lối làm ăn luôn lối thậm thực. Lão thương gia cáo già này chẳng những nắm vững được nghệ thuật “móc nối ăn chia”, mà lại biết tận dụng nhan sắc mặn mà của hai cô con gái đang xuân sẵn sàng chiêu chuộng, òn ỉ... giới chức cao cấp trong chánh quyền, để tạo dựng nên một ưu thế vô song trên thương trường. Thương gia muốn làm ăn suôn sẻ phải nhờ lão làm trung gian điều đình trả giá với giới chức thẩm quyền, và giới chức muốn liếm láp an toàn kín đáo cũng phải trông cậy lão dàn xếp. Do đó, lão nắm trọn quyền phân phối phân bón, đường, xi măng, thuốc lá..., là những thứ hàng đặc như tôm tươi, vừa xuất hiện đã đột ngột khan hiếm, để rồi người ta mắc tình cắt cổ giới tiêu thụ một cách công khai, chẳng úy kị gì cái gọi là “ủy ban vật giá tỉnh”. Bàn tay lông lá của lão cũng bảo trợ cho đám thầy số đuôi, đám buôn lậu xì ke, ma túy..., làm ăn ồ ạt với sự bao che của các quan trong ban bài trừ tứ đồ tởm. Tùng chẳng thích giao du với hạng người này, nhưng kẹt cứng đã vô tình hứa với viên Tỉnh Trưởng, nên đành bức rức ngồi yên.

Chiếc xe lướt êm ru trên con đường ra ngoại ô, vượt khỏi ngôi chùa Phước Thạnh quen thuộc chừng năm trăm thước thì rẽ vào cửa ngõ rộng mở đi vào một khu vườn to lớn. Xe lăn bánh rào rào trên lối đi trải sỏi đá nhỏ, giữa hai hàng cây kiểng xanh um, dẫn đến ngôi biệt thự kiến trúc tân kỳ. Tùng mê mẩn ngắm khu phong lan sân trước, những chậu hoa kiêu diễm, kiêu kỳ quý giá đong đưa khoe sắc. Khách vừa bước xuống xe thì đã thấy hai mỹ nhân lộng lẫy với loại trang phục sang trọng tíu tít đón rước.

- Xin giới thiệu Ông Chánh án: cô Mộng Kiều và cô Mộng Ngọc, con cưng của bác Văn Thành!, viên Tỉnh Trưởng lịch sự lên tiếng.

- Chào hai anh! xin lỗi hôm nay ba bị chóng mặt, tụi em xin thay mặt ba tiếp đãi hai anh vậy!

Thế rồi hai cô thật tự nhiên, cô chị choàng vai viên Tỉnh Trưởng, cô em nín tay Tùng dìu đưa vào nhà.

Tùng và vị đầu tinh tuy vẫn vã thân mật nhau, nhưng đó chỉ là lễ lối khách sáo xã giao, đâu có thâm tình để đưa nhau vào chỗ thơ mộng lả lướt như thế này. Tùng ngượng ngập cứng người, khiến viên Tỉnh Trưởng phải lên tiếng trấn an:

- Ở đây chỉ có chúng mình thôi, xin Ông Chánh án tự nhiên đừng ngại. Nè Mộng Ngọc! chăm sóc cung chiêu bạn của anh nhé!

- Như đề khuyến khích Tùng nhập cuộc, vị đầu tinh lơ lả nựng mông nàng Mộng Kiều, cười rúc rít, rồi nháy mắt với Tùng.

Thật ra Tùng cũng bàng hoàng ngây ngất trước thân thể nồng nàn kêu gọi của Mộng Ngọc, nhưng chàng chủ trương “kẻ làm dĩ chính phương cũng còn chưa một phương lấy chồng”, chàng có thể ăn chơi xả láng nơi nào cũng được, nhưng ở tỉnh này thì quả thật không dám.

- O! anh dùng loại rượu chi? đề nguyên chất hay pha soda?, nàng Mộng Ngọc thỏ thẻ.

- Ô! tửu lượng tôi kém cỏi lắm! cô cho tôi chai xá xí được rồi!

- Uống rượu mạnh ăn ngon cơm anh ạ! say thì đã có em săn sóc ngại gì! nhà có sẵn hai phòng đầy đủ tiện nghi mà!

- Nè hai anh!, nàng Mộng Kiều lên tiếng, em đề nghị mở nhạc nhảy vài bản cho yêu đời nhé!

- Xin lỗi! Tôi nhà quê nên vụ đó mù tịt!, Tùng lại ngượng ngập giải thích.

Thấy mình cứ trả lời tréo ngoe làm mất cuộc vui người khác, vả lại, Tùng cũng muốn tránh làm kỳ đà cản mũi ông bạn đang khao khát vui thú lả lướt mộng mơ với người đẹp, nên Tùng viện cớ thích nhìn cây lá thiên nhiên, để bước ra ngoài thông dong rảo bước trong khu vườn tươi mát. Vườn gồm đủ loại cây ăn trái, phân chia vị trí cân xứng theo nhu cầu trang trí hơn là để thu hái trái, nên rất trang nhã, khoáng khoáng. Tùng đi tắt ngang hàng mạn hồng đào, nhìn chòm trái bầu bình nổi gân đỏ đong đưa theo gió, rồi mon men đi đến cái hồ sen hình bầu dục. Chàng ngồi dưới góc dờ, rể dâm

tua tua, thanh thoi lặng ngắm những đóa sen thanh khiết, rồi lơ đãng theo dõi đàn cá chép vàng đỏ tung tăng bơi lội.

- Anh lại mơ mộng cô nào rồi? Minh vào nhà thủy tạ bóng mát thì mới thanh nhã anh ạ!, Mộng Ngọc lẽo đẽo bám theo sau chàng, nũng nịu lên tiếng.

Hai người bước lên chiếc cầu màu hồng tươi đưa ra ngôi nhà thủy tạ bát giác nên thơ ở giữa hồ. Mộng Ngọc nắm tay chàng thả thả:

- Coi kìa anh! cặp cá lội song song đó có đẹp đôi như mình không anh?

Tùng tìm cách lảng tránh sang đề tài khác:

- O! vùng đất này lập vườn cây ăn trái coi bộ thành công! Thửa vườn xoài ở kế bên đây đơm trái sai oằn trĩu mà ham! Có lẽ, nhờ vậy họ mới xây căn nhà ngói nhỏ xinh xắn làm sao á!

- Đâu phải nhờ hoa lợi sở vườn anh!, - giọng nàng đượm mùi chua chát – tiền của cô con gái làm đi cho lính Mỹ ở Pleiku gửi về cất nhà đó anh!

Thấy vẻ mặt ngỡ ngàng của Tùng, cô ta bỏ tức với giọng châm biếm:

- Thời buổi này đi là nhứt hạng trên đời anh ạ!

Rồi cô lại giở trò ngậm nga tao đàn mùi rệu:

- Anh đi lính! Anh làm trung sĩ!

Em ở nhà, lấy Mỹ nuôi son.

Mai này yên nước yên non

Anh về, anh có Mỹ con anh bông![1]

Tùng vốn không cảm tình với bài thơ mà mấy ông nhà báo hùa nhau rêu rao là ca dao thời đại đề xi và kẻ buôn hương bán phấn. Thật ra, họ chỉ là nạn nhân của xã hội đầy bẫy rập, bấp bênh, đáng thương xót hơn độc cay đay nghiệt. Tùng cũng hơi khó chịu về lời lẽ mạ lỵ, người láng giềng vắng mặt của Mộng Ngọc, và chẳng, chàng nghĩ “lấy Mỹ nuôi con còn có lương tâm hơn hạng lấy quan quyền để làm áp phe” nhiều lắm. Tùng lơ lửng góp ý:

- Kể ra! Làm nghề mãi dâm mà xây cất được ngôi nhà cho cha mẹ thì cũng đáng khen đấy chứ!

Rồi không đợi cho cô nàng trở lại đề tài này nữa, Tùng chuyển hướng:

- Bác Văn Thành thật là sành sỏi! phối hợp được nghệ thuật kiến trúc Đông Tây, nên ngôi biệt thự thì sang trọng, quý giá, còn hồ sen này lại trang nhã, nên thơ.

Được Tùng vô tình khơi dậy niềm tự hào của gia đình, người đẹp hứng thú khoe khoang cái giàu sang của họ. Nàng hướng dẫn giải thích tường tận: từ các loài hoa kiểng hiếm hoi trong vườn cho đến các vật dụng chưng bày tại phòng khách, thứ nào cũng đắt giá, sang trọng cả. Từ đó, Tùng chỉ cần khen ngợi, gợi chuyện để mời nàng nói, rồi chịu khó nghe, vẫn cảm thấy đỡ lúng túng hơn là phải thường trực đề phòng bị mê hoặc bởi đòn phép giai nhân.

Khi cơm nước đặt sẵn đã được nhà hàng mang tới, ngồi vào bàn ăn thấy vẻ mặt ông bạn tuy thỏa mãn mà cũng ra chiều mệt mỏi, Tùng yên chí sẽ được ra về êm thấm khi tiệc tàn.

Bất ngờ, khi Tùng đứng dậy từ ghế, thì nàng Mộng Kiều lại áp úng với viên đầu tỉnh:

- Anh nói giúp dùm tụi em đi!

- Mình là người nhà cả mà! hai em cứ nhờ thẳng Ông Chánh án đi, ngần ngại làm gì!

Mộng Kiều ngọt ngào:

- Anh à! tụi em có việc này xin nhờ anh nhé: Ba em có tánh thương người, nghe họ khóc lóc năn nỉ mua dùm họ mấy mẫu vườn, mà bây giờ giá đất lên cao thì họ ngược ngạo mượn luật sư kiện đòi lấy lại. Anh nghĩ coi có tức không!

Tâm lý con người bao giờ cũng kể phần phải về mình nên Tùng trả lời phân hai:

- Nếu làm giấy tờ mua bán rõ ràng thì việc gì phải lo. Đâu ai có thể đổi trắng thay đen được.

Mộng Ngọc ỡng ẹo:

- Anh hứa giúp nghen anh! anh mà muốn như thế nào chả được!

Chùng như sợ Tùng chậm hiểu câu nói ỡm ờ của mình, nàng bỗ túc:

- Ba em nói: “Tốn kém bao nhiêu chẳng nề hà, chớ chịu thua bọn ngu dốt mặt rệp đó thì tức lắm”.

Tùng nghiêm trang đáp:

- Thật ra, tòa án không có nhiều quyền hành như bên quân đội và hành chánh đâu cô. Bản án xét xử phải tuân theo luật lệ, viện dẫn lý do hợp lý, nếu không người ta chống án lên tòa trên lòì ra điếm gượng ép thì nguy lắm!

- O! Thì anh cứ giúp dùm em dưới này đi! họ chống án thì đã có mấy anh tòa trên hứa rồi!

Ra về, cầm mảnh giấy ghi số vụ kiện mà người đẹp dúi vào tay, Tùng nóng lòng vào ngay văn phòng tìm cho ra hồ sơ vụ số 316H Nguyễn Văn Tý k/Hứa Văn Thành, để xem thử nội dung vụ kiện như thế nào mà người ta phải dày công vận động như thế.

Đúng như dự đoán, người đẹp đã dấu diếm sự thật. Đây chỉ là một vụ mãi lai thực (1), nghĩa là một vụ bán đất có quyền chuộc lại. Trong khế ước đã ghi rõ, người bán có quyền chuộc sở vườn trong thời hạn ba năm, nếu không vụ buôn bán sẽ trở thành thiệt thọ. Nguyên đơn Nguyễn Văn Tý đã mang tiền đến gặp nhà thầu Văn Thành xin chuộc ruộng đúng hạn, nhưng y lánh mặt, kiện ra Tòa thì luật sư của y cứ viện dẫn những lý lẽ mơ hồ xin mua đứt, đồng thời sử dụng thủ đoạn kéo cưa để tiếp tục hưởng hoa lợi sở vườn. Tùng đã soạn thảo bản án sẵn chờ hai ngày nữa sẽ tuyên, theo đó chàng tuy tuyên bố chấp thuận đơn xin chuộc ruộng của Nguyễn Văn Tý, nhưng không cho thi hành tạm. Giờ đây, hiểu rõ con người và đòn phép của gia đình Văn Thành, chàng thấy bản án cần phải thi hành ngay sau khi tuyên, dù có kháng cáo hay không. Và như vậy, thì họ sẽ không còn có thể sử dụng đồng tiền để xin đình hoãn kéo dài ở tòa trên cướp đoạt hoa lợi sở vườn thêm nữa.

Trong phiên tòa, hai người đẹp hiện diện hiu hiu tự đắc, thỉnh thoảng liếc mắt tình tứ nhìn chàng, yên chí nắm vững thắng lợi. Đến khi nghe chàng đọc án, hai nàng bỗng xiù mặt, hằm hằm bỏ đi một bước.

Tùng đang ngồi trong văn phòng[2] cẩn thận đọc từng hồ sơ phạm do Ty Cảnh Sát dẫn giải, trước khi chấp cung. Tùng bỗng chú ý đến một hồ sơ hơi bất thường. Nghi can Nguyễn Thị Hai, bị bắt về tội hành nghề mãi dâm, tuy nhận tội đã hành nghề mãi dâm tại Pleiku nhưng phủ nhận hành nghề này tại địa phương. Điểm kỳ lạ là nhân viên sở kiểm tục đã bắt giữ y thị tại bến xe đi Saigon, chứ không phải tại một khách sạn, một thanh lâu hoặc một nơi có thể hành lạc được. Nguyên tội hành nghề mãi dâm chỉ hội đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nếu sự bán dâm mang tính chất thường xuyên. Do đó, theo luật lệ, nhân viên kiểm tục phải có hai báo cáo khác nhau chứng minh đã bắt gặp người đàn bà dâm hai lần riêng biệt thì mới hợp lẽ. Tuy thông thường, do sự yêu cầu yểm trợ chánh sách lãnh mạng hóa xã hội, tòa án dễ dãi không đòi cảnh sát trung đủ bằng chứng về yếu tố thường xuyên, nhưng ít ra cảnh sát cũng bắt nghi phạm quả tang đang hành lạc, đang rước khách tại một khách sạn, một động thanh lâu..., chứ không hề có trường hợp bắt người đang ngồi trên xe đò chờ đi Saigon như thế này cả. Nghi ngờ có việc ám muội, Tùng điện thoại gọi viên đại úy trưởng phòng cảnh sát tư pháp cảnh cáo việc làm tắc trách của y, thì viên sĩ quan trẻ cuống quýt:

- Thưa ông Chánh án, vụ này liên hệ đến cô Mộng Kiều, nên... nên thượng cấp ép tụi em làm, chứ em cũng biết người ta đâu có tội tình gì!

Tùng biết thượng cấp nào đã chỉ thị rồi, nên không nỡ khiển trách viên sĩ quan cảnh sát, chàng ra lệnh cho gọi nghi phạm vào để tìm hiểu bí ẩn bên trong. Người con gái gây gò tiêu tụy, nhan sắc tầm thường, không có gì hấp dẫn để thu hút khách làng chơi. Không hiểu cô ta bị đánh đập hay dọa nạt như thế nào, mà lại dại khờ thú tội hành nghề mãi dâm cho lính Mỹ tại Pleiku. Chàng khoác tay cho người lính hầu cận ra ngoài để tránh cho cô gái khỏi thẹn thùng, rồi nhỏ nhẹ lên tiếng:

- Xin chị yên tâm. Chị vô tội nên tôi sẽ trả tự do cho chị liền bây giờ. Nhưng tôi có vài việc muốn hiểu biết riêng nên yêu cầu chị khai hoàn toàn thật những điểm này...

- Dạ!

- Chị có hành nghề mãi dâm không?

- Dạ có! Nhưng con chỉ làm nghề này ở Pleiku, chứ không tại tỉnh nhà!

- Có thật không hành nghề tại đây không?

- Dạ! Con làm nghề xấu xa này phải dấu diếm ba má. Ông bà biết chắc dám tự tử mà chết, thì làm sao con dám làm ăn ở đây được!

- Thế chị có thù oán gì với ai không?

- Dạ không! Dạ nhân dịp về thăm nhà, con ở lại thêm vài ngày chờ nghe xử vụ kiện sở vườn của ba con, mà chỉ lẩn quẩn trong làng mà thôi. Không ngờ hôm sau, ra bến xe đò vừa mua vé đi Saigon, thì bị cảnh sát bắt!

- Vụ kiện đó có phải là vụ Nguyễn Văn Tý xin chuộc sở vườn phải không?

- Dạ phải!

Biết rõ nguyên do thúc đẩy đám Mộng Kiều nhẫn tâm hại người, Tùng lại tò mò muốn hiểu biết thêm chi tiết về cuộc đời của cô gái đáng thương, nên hỏi tiếp:

- Chị có thể cho tôi biết hoàn cảnh nào đưa đẩy chị vào nghề này?

- Dạ con muốn trả nợ cho gia đình.

- Chị có thể kể rõ đầu đuôi ra được không?

- Chồng con là một trung sĩ địa phương quân tại tỉnh Chương Thiện, phải tác chiến rất hiểm nghèo. Ba con thương rề, năn nỉ ông Văn Thành vận động cho về chỗ an toàn, thì người ta đòi một trăm năm mươi ngàn đồng. Ba không sẵn tiền, đành năn nỉ ông Văn Thành mượn đỡ trong hạn ba năm. Ông Văn Thành tính vốn lời là ba trăm ngàn, rồi buộc ba làm giấy tờ thực ruộng, nói là để tượng trưng vậy thôi. Tin tưởng người đồng hương ba ký tên ngay, vì ba độ chùng, với hoa lợi sở vườn chỉ cần hai năm cũng đủ sức trả nợ rồi. Không ngờ sau đó ông Văn Thành lại trưng giấy tờ ra chứng minh ba thực ruộng, chứ không phải vay nợ, để tranh đoạt hoa lợi sở vườn. Từ đó, gia đình con điêu đứng vì mất hoa lợi thì sự nghiệp tiêu tan chớ đâu còn phương tiện chuộc ruộng nữa. Họa vô đơn chí, tiểu khu Chương Thiện có vài thay đổi nhân sự, người mới đến đòi chồng con chi tiền trả nước hàng tháng. Vì

không chạy đâu đủ tiền để “đóng hụi chết”[3] , chồng con lại bị chuyển ra đơn vị tác chiến, rồi tử trận. Đau khổ tang chồng, về nhà lại chứng kiến hoàn cảnh cơ cực của gia đình, nên con nén thương đau theo bạn bè ra Trung dùng tiền tử tuất làm vốn buôn bán lo cho gia đình. Không ngờ, thiếu kinh nghiệm nên buôn bán thua lỗ hoài, rồi lần lần cạn vốn. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng không lối thoát, con nhắm mắt đi làm nghề này, nhờ vậy mới có đủ tiền chuộc ruộng, xây lại nhà cho ba má và cho đứa em đi học tại Saigon...

- Thế hàng tháng chị kiếm được bao nhiêu mà có thể gửi về nhà lo lắng nhiều thứ quá vậy?

- Dạ! mỗi tháng được chừng tám mươi ngàn, con gửi hết về nhà, vì ở đó người ta nuôi ăn, nuôi ở rồi...

Tùng là nhân viên cao cấp, lương hàng tháng ba mươi ngàn đồng, thương mẹ lắm mỗi tháng gửi về ba ngàn là quá sức rồi, không ngờ cô gái này lại hi sinh đến chừng đó, thật đáng khâm phục. Chịu ảnh hưởng từ quyền tiểu thuyết người anh cả của Lê Văn Trương, theo đó người anh đã hi sinh nuôi các em học thành tài, để rồi bị các em bội bạc khinh khi, Tùng đâm ra lắm cảm lo lắng cho số phận cô gái hi sinh mù quáng này. Chàng bèn gọi cho cô ta ý nghĩ dự phòng tương lai bản thân:

- Chị gửi tiền về cho cha mẹ, thì tiền này trở thành của chung. Mà ngành nghề của chị đâu kéo dài lâu được, rủi ro chị không làm ra tiền, mà đám em ai cũng có gia đình nấy, ai sẽ lo cho chị đây. Vậy chị cũng nên có vốn liếng riêng. Hàng tháng chị gửi một phần cho cha mẹ và giữ phần nào cho tương lai của mình. Tôi đề nghị chị mở chương mục tiết kiệm tại ngân hàng hoặc mua một số vàng hủ thân về già...

- Dạ thưa đời con đâu đáng gì mà con phải giữ lại cho con nữa!

- Này chị!... ơ...

Tùng tuy không phải là người xấu, nhưng khi phải hi sinh, phải bỏ thì thì so đo, tính toán cặn kẽ... nên định cố gắng tiếp tục thuyết phục cô gái nghe theo đề nghị của mình. Tuy nhiên, vừa mở miệng thì chàng khựng lại sượng sùng vì cảm thấy nhân phẩm của mình thua xa nhân phẩm của người đối diện. Cô gái đã hi sinh theo tinh thần ba la mật, cho tất cả mà không so đo suy tính hơn thiệt, chớ không phải hành động với tâm phân biệt tầm thường như chàng. Tùng cảm phục cô gái và thấy mình không thể mang cái

tâm lượng hẹp hòi của mình để “dạy” người có tâm lượng bồ tát được. Tùng đành chuyển câu nói nửa chừng sang chuyện khác:

- Ô! Có phải nhà chị ở cạnh chùa Phước Thạnh không? Thỉnh thoảng chị có đến chùa chớ?

- Dạ có! Lễ Vu Lan rồi con ở chùa cả ngày!

- Ủa, tôi cũng đến dự lễ sao không gặp chị!

- Dạ con chỉ lẩn quẩn tại bếp làm công quả, chớ không dám lên khách đường hay chánh điện!

Tùng lại định mở miệng “dạy đời” là đến chùa thì ai cũng như ai, cứ lên chánh điện mà tụng kinh lễ Phật. Thế nhưng, một lần nữa, Tùng cảm giác rằng mình đã “hố nạng”, vì chợt hiểu rằng bất cứ hình thức nào trong sinh hoạt Phật giáo đều chỉ nhằm mục đích tu tâm. Ở nhà bếp khiêm cung công quả mà tu sửa tâm hữu hiệu thì giá trị gấp trăm ngàn lần kẻ vênh vào nơi chánh điện, gõ mõ chuông to, tụng kinh lớn..., mà tâm thì vẫn buông lung chạy theo danh sắc... Hình ảnh của dì Diệu Hạnh, dì tư Rõ, chị Nguyễn Thị Hai... suốt đời âm thầm công quả, cần cù và hoan hỉ phục vụ cho chúng sanh an vui tu tập... bỗng sáng ngời, cao cả, tốt cùng. Sự hiện hữu của họ, những vị bồ tát vô danh đó, vô cùng cần thiết cho đời, vì Tùng nghĩ, nếu vắng hình bóng họ có lẽ ngôi chùa sẽ giảm đi phần sinh khí và việc hoằng pháp cũng hạn hẹp lu mờ.

Không còn gì để nói, Tùng đứng lên tề chỉnh tiền khách.

- Bây giờ, chị có thể tự do ra về. Tôi đã liên lạc với cảnh sát ngăn chặn không cho họ tìm cách hãm hại chị nữa. Xin chị yên tâm.

Rồi có lẽ do thói quen hay do lòng kính trọng nảy sinh mà chàng bỗng chấp hai tay lại nghiêm trang chào, lồi chào của Phật tử với nhau. Chàng thâm niệm:

“Sen búp xin tặng người

Một vị Phật tương lai”.[4]

Người con gái tiêu tụy lắm lui đi ra, nhưng từ thân hình còm cõi, bệ rạc đó Tùng thấy hiện rõ một đóa hoa nhân phẩm thanh cao, tinh khiết... như đóa sen trắng vươn mình ra khỏi vũng bùn nhơ.

Ghi chú:

Để tránh ngộ nhận, tác giả xin xác định là ngoài nhân vật chánh: cô gái quê tại An Giang, hi sinh thân xác mình hành nghề mãi dâm tại Pleiku để tạo vườn, xây nhà cho cha mẹ và nuôi em đi học là sự kiện có thật, những nhân vật và sự kiện khác trong truyện đều là chuyện tưởng tượng.

[1] Mãi lai thực là một thể chế đặc biệt của luật lệ điền sản Việt Nam, theo đó, người bán có quyền chuộc lại ruộng trong một thời gian giao kết (nếu khế ước không rõ rệt, thời gian này là 30 năm). Quá hạn, nếu người bán không chuộc ruộng, việc mua bán mới trở thành thiệt thòi. Trong thời gian chưa chuộc ruộng, hoa lợi sở đất do người mua thụ hưởng. Chủ nợ có thể lợi dụng thể chế này, ép con nợ làm văn tự mãi lai thực, để dễ dàng chiếm đoạt tài sản con nợ thiếu phương tiện trả, mà khỏi phải kiện thưa rườm rà.

Khác với mãi lai thực, các thể chế tương tự để đương, để áp hay ộp bộ, người chủ nợ chỉ giữ quyền ưu tiên trên sở đất, ngăn chặn việc bán đất, nhưng con nợ vẫn là sở hữu chủ và hưởng hoa lợi sở đất. Nợ đáo hạn không thanh toán, chủ nợ phải đưa ra Tòa xin phát mãi sở đất để thu hồi nợ.

[2] Mãi lai thực là một thể chế đặc biệt của luật lệ điền sản Việt Nam, theo đó, người bán có quyền chuộc lại ruộng trong một thời gian giao kết (nếu khế ước không rõ rệt, thời gian này là 30 năm). Quá hạn, nếu người bán không chuộc ruộng, việc mua bán mới trở thành thiệt thòi. Trong thời gian chưa chuộc ruộng, hoa lợi sở đất do người mua thụ hưởng. Chủ nợ có thể lợi dụng thể chế này, ép con nợ làm văn tự mãi lai thực, để dễ dàng chiếm đoạt tài sản con nợ thiếu phương tiện trả, mà khỏi phải kiện thưa rườm rà.

Khác với mãi lai thực, các thể chế tương tự để đương, để áp hay ộp bộ, người chủ nợ chỉ giữ quyền ưu tiên trên sở đất, ngăn chặn việc bán đất, nhưng con nợ vẫn là sở hữu chủ và hưởng hoa lợi sở đất. Nợ đáo hạn không thanh toán, chủ nợ phải đưa ra Tòa xin phát mãi sở đất để thu hồi nợ.

[3] Mãi lai thực là một thể chế đặc biệt của luật lệ điền sản Việt Nam, theo đó, người bán có quyền chuộc lại ruộng trong một thời gian giao kết (nếu khế ước không rõ rệt, thời gian này là 30 năm). Quá hạn, nếu người bán không chuộc ruộng, việc mua bán mới trở thành thiệt thòi. Trong thời gian

chưa chuộc ruộng, hoa lợi sở đất do người mua thụ hưởng. Chủ nợ có thể lợi dụng thể chế này, ép con nợ làm văn tự mãi lai thực, để dễ dàng chiếm đoạt tài sản con nợ thiếu phương tiện trả, mà khỏi phải kiện thưa rườm rà.

Khác với mãi lai thực, các thể chế tương tự để đương, để áp hay ộp bộ, người chủ nợ chỉ giữ quyền ưu tiên trên sở đất, ngăn chặn việc bán đất, nhưng con nợ vẫn là sở hữu chủ và hưởng hoa lợi sở đất. Nợ đáo hạn không thanh toán, chủ nợ phải đưa ra Tòa xin phát mãi sở đất để thu hồi nợ.

[4] Mãi lai thực là một thể chế đặc biệt của luật lệ điền sản Việt Nam, theo đó, người bán có quyền chuộc lại ruộng trong một thời gian giao kết (nếu khế ước không rõ rệt, thời gian này là 30 năm). Quá hạn, nếu người bán không chuộc ruộng, việc mua bán mới trở thành thiệt thòi. Trong thời gian chưa chuộc ruộng, hoa lợi sở đất do người mua thụ hưởng. Chủ nợ có thể lợi dụng thể chế này, ép con nợ làm văn tự mãi lai thực, để dễ dàng chiếm đoạt tài sản con nợ thiếu phương tiện trả, mà khỏi phải kiện thưa rườm rà.

---o0o---

TIỀN NÀO CỦA NẤY

Như máy robot không hồn, người thợ trong đường dây sản xuất dây chuyền cũng múa máy tay chân lập lại đúng y các cử động khuôn mẫu đã được tính toán chi ly. Mỗi ngày tám giờ làm việc liên tục quanh đi quẩn lại mớ động tác quen thuộc nhằm chán đã là một cực hình, hướng chỉ chú Bảy lại phải chịu đựng nỗi cô đơn của kẻ tha phương, lạc lõng giữa những người có một nền văn hóa hoàn toàn khác biệt. Niềm vui của chú thu hẹp trong sinh hoạt gia đình, tin tức cộng đồng, và trong những cánh thơ thoi thóp bên nhà. Do đó, phải đến giờ tan sở, theo làn sóng thợ thuyền tung tăng ra khỏi cửa chú mới cảm thấy hồi sinh trở về với con người chính thực bằng xương, bằng thịt. Chú Bảy hân hoan lái xe mà nghĩ đến niềm vui sướng của thằng con, đang trông ngóng chờ chú mang về một đĩa trò chơi với máy điện tử.

Đúng như chú Bảy tiên liệu, thằng bé chờ cha trước cửa, reo mừng chào đón rồi khoái chí chụp lấy đĩa trò chơi, ba giò bốn cặp phóng vô buồng thử ngay trò chơi mới có. Thím Bảy cũng vui lây, gạ chuyện với lang quân:

- Con nít xứ này sung sướng quá chừng chừng! chơi toàn là thứ máy móc văn minh, tân tiến, hấp dẫn vô cùng. Thương cho con nít xứ mình nghèo khổ, làm sao có khả năng tạo nổi một món đồ chơi ra hồn... Tội nghiệp làm sao á!

- Cái vụ nghèo khổ đói rách đúng trăm phần, nhưng nói trẻ con xứ Mỹ này chơi với máy móc mà hấp dẫn hơn trẻ con xứ nghèo chơi giỡn bên nhau, coi bộ tui không đồng ý bà ạ!

- Ôi! nghèo không đủ ăn, thì ai lo lắng nổi "chiện" mua sắm đồ chơi cho trẻ con?

- Ấy! chơi đùa với máy móc chán ngấy người, làm sao mà hấp dẫn cho bằng vui đùa với bè bạn. Bà còn nhớ cái con bé "Tur tò le" không? con bé mũi chầy lòng thông, mặt mày lấm lem, thường trực ngồi chò hỏ ở sân chùa Pháp Hội, tụ năm tụ ba chơi đánh đũa, búng thung, nhảy cò cò..., có món đồ chơi nào đặc giá đâu, mà lúc nào trông con bé cũng hớn hỏ hả hê quá mạng!

Thím bảy nghe chồng "chọc quê", bẽn lẽn nhớ lại thời trẻ thơ vui nhộn. Con bé tính tình nhanh nhẩu, mà kẻ ra hơi te rẹt, xí xọn nên bị gán cho hỗn danh "Tur tò le" thì cũng không oan uổng gì. Thời "tò le" đó, mới thật sự là giai đoạn thần tiên của tuổi thơ. Nhà thím sát vách nhà chú, tọa lạc ở cuối hẻm chùa Pháp Hội đường Trần Quốc Toản, Saigon. Ngay trước cổng chùa là cái chợ chồm hồm, bán đủ món ăn chơi, từ xôi, bắp, bánh mì thịt, cơm tấm bì buổi sáng, đến các thứ hàng vặt: me ngào đường, chùm ruột, xoài tượng, cóc ngâm cam thảo, bánh tráng, chuối chiên... bán thường trực suốt ngày. Sân chùa, tráng xi măng sạch sẽ là tổng hành dinh của đám con gái, tụ tập nhau bày những trò chơi nhu mì: nhảy dây, nhảy cò, đánh đũa, trốn kiếm, đánh khăn..., đâu có lối chơi nào tốn tiền đâu mà sao lại vui đáo để. Chơi giỡn chán, thì sang qua mục ăn hàng vặt, vụ đó là nghề ruột của các nàng mà! bọn con trai đâu đủ sức đương đầu nổi. Thím cười lỏn lỏn, khều nhẹ đức lang quân:

- Vui thì nhất định vui rồi dượng tư à! nhưng tụi con gái làm sao sánh nổi với những chàng "hiệp sĩ qui chùa" cho được!

Nghe vợ nhắc đến chữ "dượng" và "qui chùa", chú Bảy cảm thấy nhột nhạt, mà cũng sung sướng vô ngần. Thuở đó, hai thằng bạn thân: "Ba Gà" và "Bảy Ruột Ngựa" là hai hiệp sĩ anh hùng cầm đầu đám con trai trong hẻm, với những trò chơi bậm trợn: đá banh, vật lộn, đấu kiếm, bắn lộn..., la

hét, rượt đuổi nhau huỳnh huých suốt ngày. Tuy vậy, ngoài những lần chỉ vì quá hăng say giao đấu, các hiệp sĩ đã lỡ tay làm hư hại chút đỉnh rào dậu, cây hoa của bà con láng giềng, đám con trai đầu đến nổi mang tai tiếng phá xóm, phá chùa! Rủi ro lần đó, húng chí thế nào mà Ba Gà thách bạn giao đấu kiếm thuật tại sân chùa. Biểu diễn vài đường kiếm hoa mỹ coi bộ được đám con gái tán thưởng, hai kiếm khách bèn thi nhau trở tài ráo riết. Bất ngờ, thừa lúc Ba Gà lơ hổng, Bảy Ruột Ngựa dùng một "tuyệt chiêu thâm độc" phóng kiếm đúng ngay tim bạn. Theo "luật lệ giang hồ", đáng lẽ Ba Gà phải tử thương gục ngã, nhưng lần này, trước những cặp mắt hau háu của bọn con gái, Ba Gà bỗng phá lệ, chỉ ôm ngực như trọng thương mà nhút quyết không chết. Chàng ta cứ tiếp tục vung kiếm loạn xạ, khiến đám cây kiềng mai chiếu thủy quý giá lãnh đủ tai vạ, toi bời hoa lá. Chú tiểu Minh Trí sốt ruột la lớn:

- Bác Hai ơi! anh Ba đập phá cây kiềng của chùa đây nè!

Ba Gà hoảng hốt dừng kiếm, ngó dáo dác không thấy bà già, mới yên tâm quay sang chú tiểu gây gỗ:

- Im mồm mày! nói lớ quớ tao bẻ đầu nấu canh chua bây giờ!

Rồi Ba Gà còn lớn tiếng hát với sự phụ họa của Bảy Ruột Ngựa, lời ca chọc quê bọn thầy chùa nhái theo điệu nhạc "Hè về!": "Đầu thầy chùa, nấu canh chua, vài ba bữa còn chua...".

Tiểu Minh Trí, vừa sợ, vừa thẹn, rơm rớm nước mắt, co giò vọt tuốt ra sau chùa trốn mất.

Chuyện có gì là quá đáng đâu, thế mà con Tư, em ruột của Ba Gà, lại về nhà thóc mách ráo trội cho bà già, để nội vụ bỗng trở thành lớn chuyện.

Hai thằng nhóc con đang ba hoa tán hươu, tán vượn với đàn em, thành linh bị hai bà mẹ hầm hừ lôi cổ về nhà. Thế rồi, trong khi ở vách bên kia lờng lộng tiếng dì Hai ong óng hài tội Ba Gà, kèm với tiếng roi "trót trót" dòn tan, ở bên này, không khí có phần hòa hoãn. Sau khi bị xách lỗ tai đỏ như, thằng Bảy được lệnh khoanh tay quì gối. Bà già thở dài năm bảy lượt, tăng hắng lẩy hơi, rồi mới từ từ kể lể hạch tội. Bảy chỉ phụ họa câu hát điệu cợt mà bà lên án con như kẻ "hủy Phật, báng tăng, phá chùa, đốt miếu", ác báo ngập đầu. Càng kể lể thì tội mới lại dặt dây bà nhớ ra tội cũ, những chuyện từ thời nào thằng bé quên tuốt luốt, cũng được kê khai lôi ra có dây có nợ, có tích có tuồng, để rồi cứ thế mà "tụng", tụng rĩ rả, đều đều, nhưc

nhối mà không có gì hứa hẹn sẽ kết thúc cả. Hết tụng thì bà lại "tán", bà tán dương những gia đình có phước có phần sanh được con cái hiếu kính, ngoan hiền..., đoạn bà mới thở than cho số phận mình hẩm hiu nên con cái lêu lổng, bê tha, phá chùa, phá xóm...

Sau khi dẫn hai thằng bé một trận toi tả, hai bà mẹ mới lôi đầu chúng lên chùa để quì lạy sám hối hòa thượng Tác Thuận. Thầy khoát tay bảo đứng dậy, hỏi cho rõ nguyên do. Chừng nghe xong câu hát điệu cợt, thầy mỉm cười khoan dung, rồi từ bi dạy:

- Thầy ở chùa, gọi là thầy chùa thì đâu có gì sai trái? Vả lại, theo thầy thì danh xưng thầy chùa thân mật gần gũi hơn chữ thượng tọa, hòa thượng nhiều. Còn vụ nấu canh chua thì trẻ nhỏ ca cho có vần vệp thôi, trách chúng làm gì, tội nghiệp! Nè hai con! vào chánh điện lễ Phật cho ngoan rồi về!

Sau biến cố đó, Bảy đâm ra ghét cay ghét đắng con Tư lẻo mép, áp đặt cho con bé hỗn danh "Tư tò le" để trả thù, mà vẫn còn hậm hực trong lòng. Than ôi! "ghét của nào, trời trao của đó", càng ghét gương mặt khó ưa của Tư tò le, Bảy càng nhớ đến nó. Điều trớ trêu, là chỉ mấy năm sau, con bé nhỏ giò nhanh chóng, rồi cứ mơn mớn ra, ngày càng dễ nhìn, khiến Bảy đâm ra chết mê chết mệt. Bây giờ thì em Tư "nhứt cử nhứt động" gì cũng đều hay ho duyên dáng cả. Em có tò le xí xọn chẳng nữa, thì đó cũng là thứ tò le xí xọn dễ thương. Nhờ sống gần gũi nhau từ nhỏ, lại được ông anh Ba Gà nội ứng, Bảy hiểu rõ tính tình người đẹp tướng tận, nên chỉ cần tung hư chiêu thất tình thất chí, dọa phui sạch bụi trần, thì cái con bé tò le cứng rắn đã mềm nhũn ra, ngã ngay vào vòng tay rồi. Chuyện yêu đương lâm cầm của con nít không ngờ đến tai người lớn, khiến Bảy mừng rỡ đến cảnh "bị tụng, bị tán" mà kinh hồn hoảng vía. Ngờ đâu hai bà mẹ thân thiết nhau, khoái chí cái vụ xuôi gia chị chị em em, nên chẳng những không ngăn cản, mà còn hứa hẹn thức hóa cho hai trẻ, miễn là hai đứa biết giữ lễ giáo thì thôi.

Lật bật đến năm Bảy thi tú tài. Con Tư học kém người yêu một lớp, bỗng trở chứng tò le, nhứt quyết học nhảy, thì nhảy thử thời vận. Ông Trời cũng sanh tật rắn mẫn, nhè khiến cho con Tư thi đậu cái rụp, còn Ba Gà và Bảy trượt vô chuối thảm thương. Thua sút người yêu, Bảy đã xẩu mình xẩu mẩy. Đã vậy, thừa lúc Bảy sa cơ, một tên tình địch lại giở trò móc họng gọi Bảy là "dượng tú", rồi cả xóm xóm nhau hòa theo mới là ngật chó. Chữ dượng mà đứng trước một chức tước, danh vị nào, cũng hàm ý danh vị đó

của đàn bà, thằng đàn ông là kẻ ké danh vị mà thôi. Do đó, bị gọi là "dượng tú" có nghĩa là bị xô xiên là thứ cậu tú dõm, còn tú thiệt là con Tư kia. Càng suy nghĩ, Bảy càng thám đôn đầu điếng, mà chỉ biết ngậm câm, thở than một mình: "Em Tư ơi! anh thi rớt mà em cứ tò le đầu hoài, thì anh chỉ nước trốn đi, chớ để họ xách mé gọi là dượng tú, dượng cử, dượng giáo... thì anh chịu đời sao thấu!". Cũng nhờ chữ dượng ám ảnh hành hạ, Bảy học hành chết bỏ chuẩn bị cho kỳ nhì, nhờ vậy, mới thoát nạn. Thật là hú hồn hú vía!

Kể ra, Bảy học hành không đến nỗi bết bát. Chuyện Bảy thi rớt kỳ nhưt, một phần vì không may, nhưng nguyên nhân sâu xa dài lòng thòng bắt nguồn từ ông anh Ba Gà khả ái. Phản ảnh trung thực với bí danh, Ba Gà vốn là kẻ lạnh lợi, đầy mưu chước, là vua bày những trò chơi đặc biệt, thường đưa ra những sáng kiến lạ lùng. Một hôm anh ta bỗng hứng chí tung ra sáng kiến độc đáo là thay vì chúm mũi học hành nhọc xác, anh em cứ ăn chơi thỏa thích, rồi cuối năm hùn tiền tìm mua đề thi, để học tử vừa khỏe ru vừa ăn chắc. Đưa đề nghị hấp dẫn, mà bạn bè không mấy ai hưởng ứng, Ba Gà bực mình tự lo liệu phần mình. Thế rồi, trong khi ai nấy ngày đêm học hành, Ba Gà tiếp tục vui chơi thả dạn, tà tà lượn đảo hết người đẹp này, sang người đẹp khác. Gần cuối năm, Ba Gà huênh hoang tuyên bố đã khám phá đường dây bán đề thi gian lận, thế rồi anh ta hứa cho bạn bè chia xẻ với giá tượng trưng, và nhờ đó Ba Gà có mời làm ăn khấm khá.

Một hôm, trong khi Bảy đang học thi trời chết, thì Ba Gà đến nhà lôi đi cho bằng được. Đèo nhau trên xe, Ba Gà mới giải thích là vừa bắt được tin Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần, chỉ bảo những điều linh thiêng huyền bí, nên mong mọi được diện kiến. Bảy ngán ngược chuyện đồng cốt mê tín dị đoan, nhưng nể bạn thân cũng là anh vợ tương lai đành phải gắng gượng tháp tùng. Ba Gà đưa bạn đi tận Thủ Thiêm, đến một căn nhà cửa neo khép kín, mờ tối, rồi tự động mở cửa bước vào như người quen thuộc. Thiếu phụ chủ nhân phấn son lòe loẹt, tươi cười chào đón. Sau khi nghe Ba Gà lúng túng trình bày lý do viếng thăm, chủ nhân vui vẻ bảo: "Hai cậu quả thật may mắn! Đến đúng giờ hoàng đạo nên chắc được Ngài tiếp chuyện...". Thế rồi trong khi hai người khách lui cui lục túi vét hết tiền ra cúng tổ, thì nữ chủ nhân bắt đầu vận chiếc áo thụng sắc sỡ, lên hương đèn, cất tiếng vái van lễ bái bốn phương tám hướng, rồi quì trước bàn thờ chưng bày lũ khủ hình tượng. Chủ nhân cắm nhang, trùm khăn đỏ, rồi ngồi trên ghé bánh, tiếp tục tuôn ra mớ âm thanh níu kéo nhau, dặt dầy thành chuỗi dài dãn vật. Âm thanh nhỏ dần, thưa dần rồi tắt hẳn. Bây giờ, thì toàn thân của bà đồng lại chuyển động, tay chân run bần bật, đầu lắc lư, cho đến khi những đợt ợ ngáp dài thượt trôi lên thì tốc độ chậm dần rồi từ từ ngưng động.

Thế rồi, một thanh âm ấm áp hoàn toàn đàn ông, phát xuất từ người đàn bà trùm khăn đỏ, khiến Bảy rợn người:

- Hai con làm lễ ra mắt Thượng Đế đi!

Ba Gà kéo Bảy cùng quì lạy, làm Bảy thẹn thùng cứng cả người.

- Dạ! bẩm Thượng Đế, xin Thượng Đế phán dạy cho con biết chút tương lai. Con có thi đỗ tú tài năm nay không ạ?

- Con là người chánh trực, lại biết tin tưởng Trời Phật, nên luôn luôn có quới nơn phù hộ! việc gì con phải lo!

Hai chữ quới nơn trúng ngay phúc vào niềm ước mơ, khiến Ba Gà mừng quýnh lên. Tuy nhiên, điềm ngặt nghèo của anh ta, là vì quá lanh lợi móc nối lung tung lòi ra đến ba đường dây bán đề thi khác nhau, nên khó mà phân biệt “chơn quới nơn” là ai. Ba Gà vội áp ứng thỉnh ý tiếp:

- Xin Thượng Đế ban thêm vài chi tiết của quới nơn cho con dễ tầm cầu...

Thượng Đế bỗng đổi giọng, ngâm nga:

- Trong đầm, gì đẹp bằng sen.

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng!!!

Câu trả lời giống như thai đề bí hiểm, nhưng Ba Gà thông minh lanh lợi có thừa, khám phá ngay ẩn ý. Anh ta đã chíp bụng quới nhân là con mụ bán đề thi thường mặc đầm, da trắng trắng, với nụ cười lóng lánh răng vàng, bèn quỳ lạy cảm tạ lia lịa.

Quay sang Bảy, Thượng Đế lên tiếng:

- Còn thằng nam này! con cầu xin điều gì!

Bảy áp ứng chẳng biết trả lời sao cho hợp lý. Chàng tự tin khả năng chính mình, không hề mơ tưởng một đấng linh thiêng nào trợ giúp chuyện thi cử, huống chi lại ám ớ dọ hỏi đồng cốt. Nhìn cảnh hoạt kê của Ba Gà, Bảy tức cười lộn ruột mà phải rán đề nén giữ gìn ý tứ. Ngần ngừ một lúc lâu, Bảy mới rụt rè đặt một câu hỏi vu vơ:

- Xin Thượng Đế cho chúng con được biết, vì nguyên do gì Thượng Đế lại hi sinh giáng trần...

Dường như câu hỏi vô tình lại phù hợp với điều mà Thượng Đế khát khao muốn nói, nên Thượng Đế say sưa giảng dạy:

- Ôi! thời mạt kiếp đã đến, trần gian hỗn mang đen tối, nhân loại phải lâm cảnh lầm than khổ nhục, khiến ta thương xót giáng trần để chỉ dẫn kẻ đạo tâm con đường giải thoát. Miền Nam nước Việt là chốn địa linh hội tụ khí thiêng trời đất từ Hi Mã Lạp Sơn chuyển về, nên ta đã chọn chốn này để lập Hội Long Hoa, đưa những linh căn từ Thiên đình qui tụ tại đây hầu hướng dẫn kẻ thiện duyên lập lại thời Thượng Ngươn thánh đức...

Thượng Đế giảng giải rất nhiều, mà Bảy không chăm chú nghe nên chỉ nhớ loáng thoáng lơ mờ mà thôi. Thành linh, Thượng Đế nắm tay Bảy, thân thiết dạy:

- Như con đây, chính là Văn khúc tướng quân, văn võ song toàn, từ chốn Trời Đâu Xuất, được ta phái xuống trần gian, chờ đến cơ tái tạo, nhận lãnh đại trọng trách cứu dân độ đời, tái lập ngươn thánh đức...

Bảy chẳng mấy tin đồng cốt, chợt được đề cao là Văn khúc tướng quân, được Thượng Đế chuẩn bị trao cho trọng trách lớn là điều mà chí bình sanh chưa hề mơ tưởng tới. Bảy khoan khoái tột cùng, rồi bỗng nhiên đâm ra tin tưởng Thượng Đế hơn ai hết. Từ đó, Bảy trở nên lầm cẩm chỉ mơ mơ màng màng đến vai trò, đến trọng trách độ thế của mình, mà chểnh mảng việc học, để rồi thi rớt đau thương.

Kỷ niệm xưa nhắc nhở Bảy đến những lời truyền giáo mê tín dị đoan tại nước nhà, khiến Bảy chép miệng thở than:

- Dân miền Nam mình coi bộ dễ tin người làm sao á! Ai tuyên truyền thế nào cũng nghe, ai xưng hô thế nào cũng tin tưởng. Vậy mới nảy sinh lầm lãnh tụ, vô số giáo chủ... nói nhăng nói cuội. Mà kinh nghiệm cho thấy cái hạng lãnh tụ bất tài dốt nát mới bạo mồm khoác lác là đại anh hùng, là đỉnh cao trí tuệ cứu nước, cái thứ giáo chủ đạo hạnh cạn cạn mới lãng xãng huênh hoang xưng là Phật, Bồ Tát độ đời.

Thím Bảy nghe lời than vãn của chồng, nhăn mặt cất tiếng trách:

- Ông nói sao nghe lạ tai quá vậy! Ông muốn nói gì thẳng thắn, chớ nói vòng vòng móc ngoéo sự phụ của anh em tôi thì không được đó!

Thông thường, trừ những lúc đồ ghè tương ra, bao giờ thím cũng dịu dàng nhỏ nhẹ, mà hôm nay sao giọng nói của thím ra chiều gay gắt, khiến chú vô cùng ngạc nhiên. Chú vội cười giả lả đính chánh:

- Tôi thực tình nhớ đến đất nước mình, thỉnh thoảng lại nảy sanh những vị tu hành khoe khoang từ Thất sơn, Tà Lơn hay Hi Mã Lạp sơn vừa xuống núi, với hành tung kỳ bí, tự xưng là Trời, Phật, Thánh, Thần... độ đời. Số người này cứ bốn cũ soạn lại, chỉ có bao nhiêu tuồng tích, mà cũng qui tụ được nhóm tín đồ trung thành mới là điều lạ lùng chớ. Còn về Thanh Hải vô thượng sư của anh Ba, thì thật ra, ... thoát xem mấy cuộn băng video của anh Ba cho xem, tôi rất tán thán công đức vô lượng của bà, đã khuyến khích thiện tín ăn trường trai, giữ giới không sát sanh, nhưng đến khi tìm hiểu sâu xa tôi lại thấy nhiều điều không mấy hợp với mình...

- Điểm nào không phù hợp với ông? Ông tin Phật thì sư cô cũng giảng dạy Phật Pháp kia mà!

- Quả thật sư cô có nhắc đến nhiều tên kinh Phật giáo, nhưng cho rằng sư cô giảng dạy Phật Pháp e rằng không đúng, vì dường như sư cô sử dụng kinh Phật với thâm ý gì khác kìa.

- Sư cô là Phật hiện tiền, lời nói gì của sư cô chẳng là Phật pháp! Và lại, từ khi Phật Thích Ca nhập niết bàn đến nay, chư tổ sư tu hành bất quá đắc quả a la hán, hay ngộ đạo... là cùng, mà có vị nào thành Phật như Thanh Hải vô thượng sư đâu? Sư cô đã thành Phật mà còn hứa khả sẽ truyền dạy đệ tử thành Phật liền trong một kiếp, một việc làm phi thường mà ngay Đức Phật Thích Ca trước kia cũng không làm nổi nữa kìa? Lối tu hấp dẫn như vậy mà sao ông chưa chịu tin tưởng, mà còn thắc mắc nỗi gì?

- Chà! Chính cái vụ tự xưng là Phật hiện tiền mới là điểm đáng nghi ngại. Đức Phật Thích Ca có di ký là vị Phật tương lai kế tiếp tại cõi ta bà này, sẽ là Phật Di Lặc, nhưng đó là chuyện sẽ xảy ra vào khoảng hơn tám triệu năm nữa, chớ không nghe nói đến danh hiệu vị Phật nào khác, như là bộ kinh mà sư cô thường nhắc nhở, thì Phật và Bồ Tát, nếu có thị hiện để cứu độ chúng sanh, thì cũng chẳng bao giờ tự xưng là Phật, Bồ Tát[1] để làm nhiễu loạn lòng người, và như vậy, thì chỉ có “ma” và người tu thiên lạc vào “ma đạo” mới tự xưng mình là Phật, là Bồ Tát mà thôi.

- O! có lẽ vì sư cô Thanh Hải tài ba ứng dụng được pháp môn quán âm thành đạt quả vị Phật quá mau chóng nên Phật Thích Ca chắc cũng bất ngờ không tiên liệu để nhắc nhở nữa!

- Điềm đó coi bộ lạ lùng quá cỡ hả bà! Tôi không hiểu tại sao vị Bồ Tát Quán Thế Âm chân chính, đã đời đời kiếp kiếp hành trì pháp môn quán âm, và phân thân thành hằng hà sa số để đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay vẫn chưa đạt quả vị Phật, trong khi kẻ học lóm pháp môn của Ngài, chỉ hành trì sơ sịa hơn một năm mà đã thành Phật mới là chuyện mê ly rùng rợn chớ!

Thím Bảy gắt gao chống chế:

- Ông nói vậy nghe hồng thông rồi! Cùng một pháp môn, nhưng ai tài ba, tu hay thì thành Phật trước chớ sao?

- Kể ra thì cũng tài ba thật, nhưng tài ba theo nghĩa là lập lờ trích dẫn phẩm Phổ Môn, với pháp môn Quán Âm để làm chiêu bài, mà nội dung thực hành lại là một lối tu hoàn toàn trái nghịch. Pháp môn chân chánh của Bồ Tát Quán Thế Âm là phản văn tự tánh[2], từ cái nghe để trở về tự tánh của mình. Pháp tu bắt đầu với giai đoạn nhập lưu vong sở, nghĩa là khi nghe tiếp không khởi vọng niệm phân biệt theo tiếng, nên tinh thần tự vắng lặng; những giai đoạn kế tiếp nhằm phá bỏ chấp trước vi tế về tướng nghe, để cuối cùng đến giai đoạn cái không cũng không còn; đến đây, vọng niệm, chấp trước đều hết nên chân tâm tự nhiên hiển bày. Lối tu gọi là “quán âm Thanh Hải” khác biệt lạ thường. Người hành trì ngồi chồm hổm, hai ngón tay cái nhét sâu kín vào lỗ tai, mỗi lần một giờ để nhằm mục đích mong cầu nghe những âm thanh lạ lùng kỳ bí, được xưng tụng là phạm âm, âm thanh của Phật, nghe được tức là đã thành công. Pháp môn Quán Âm chân chính phản văn tự tánh, là dứt vọng trở về chơn, còn lối tu quán âm Thanh Hải, từ vọng chạy theo cuồng vọng, từ cái nghe giả tầm cái nghe hư ảo. Theo kinh Kim Cương thì kẻ “lấy âm thanh sắc tướng cầu Phật, là kẻ theo tà đạo, không thể thấy được Phật”[3]. Theo kinh Lăng Nghiêm, thì kẻ tu hành do dụng tâm thái quá mà thấy hình tướng, nghe âm thanh, tất cả đều là giả, nếu tin tưởng đó là thực, đó là thành quả tu hành thì lạc vào ma đạo. Lối tu khác của sư cô Thanh Hải là quán quang. Đây cũng là lối tu vọng cầu bên ngoài, nhằm mong thấy được ánh sáng xuất hiện. Người hành trì có tư thế ngồi thoải mái hơn, để có thể mật niệm năm danh hiệu mà sư cô Thanh Hải bảo là Phật: Dốt nê răng Danh, Ông Ca, Ra Răng Ca, Xô Hãn và Xát Nam[4]. Điềm khó hiểu là trong kinh điển Phật giáo không bao giờ thấy nhắc tới vị Phật nào mang danh hiệu trên,

trong khi vị thứ tư Xô Hãn, được tôn là bậc thánh, và vị thứ năm Xát Nam[5], lại là đấng tối cao theo tôn giáo Sikh. Tôi là một Phật tử thuần thành, nhưng tôi biết tôn kính tôn giáo khác. Người hành trì tôn giáo nào cũng đáng trọng, hơn kẻ lấp liếm, thiếu minh bạch dùng chiêu bài Phật giáo với dụng ý truyền thứ đạo khác. Vả chăng, truyền đạo thì cứ quang minh chánh trực xiển dương. Có sao phải lẩn tránh che dấu sự thật? chỉ dẫn vài lối hành trì sao lại phải khoa trương lớn lối là truyền tâm ấn, chủ trương niệm danh vị Phật sao phải buộc đệ tử thề dấu kín! ngồi xôm quán âm phải khóa cửa kín mít, trùm khăn che cả đầu[6], và lúc nào cũng phải lấm la, lấm lét không dám nhìn mắt ai, chỉ được khuyến khích để dành nhìn riêng sư phụ mà thôi!!![7]

Bảy cao hứng tuôn một hơi, chợt nhìn lại vợ, thấy vợ có vẻ nửa hờn giận, nửa “quê xệ”, nên cũng hòa hoãn:

- Bà à! Bà quá hiểu bụng dạ của thằng “Bảy ruột ngựa” này mà. Tui nói thẳng thừng quen rồi, bà buồn giận làm gì! Thật ra, tôi chỉ phân tách vài điểm căn bản vậy thôi, chớ còn nghiên cứu kỹ thì còn biết bao vấn đề đáng đề cập nữa.

Chú Bảy xuống giọng rồi mà bà vợ vẫn giờ trò “đấu tranh bất bạo động” êm ru bà rù không trả lời, khiến chú xụi lơ cụt hứng. Chỉ vì điểm bất đồng về lối tu quan âm Thanh Hải mà hai vợ chồng chú cắn đặng nhau, mà viễn ảnh coi bộ nguy hiểm khó lường khiến chú buồn hiu. Chú thay đổi chiến thuật, ngọt ngào dỗ dành bà xã:

- Em Tư à! Em có nhớ vào đạo mới yêu nhau anh thường đưa em đến ngôi chùa Long Vĩnh, Phú Nhuận lễ Phật cầu duyên. Tại ngôi chùa nghèo sơ xác này, mình đã may mắn hội kiến với vị thầy trụ trì già, xuề xòa, tươi mát. Thầy đón tiếp tụi mình như đón con thơ về nhà, để thương yêu kẻ cho nghe một mẫu chuyện đạo, rồi giữ ở lại chùa, dùng bữa cơm rau đạm bạc. Thầy không hề giảng dạy giáo lý cao siêu, mà chỉ hướng dẫn Phật tử phương pháp tu tập thực tiễn, như ăn hiền ở lành, nhưng nếp sống bình dị, tầm thường, mà ngập tràn từ bi là bài thuyết pháp sống động, thâm nhập vào tâm tư người dân nghèo nàn, dốt nát trong xóm, giúp cho họ nếm được hương vị đạo. Vị sư già khiêm cung vô danh đó, trong mùa Pháp nạn năm 1963, đã thao thức cho sự tồn vong của đạo pháp trước chế độ kỳ thị tôn giáo, đã nguyện xả thân làm đuốc, để đánh thức lương tâm nhân loại. Ngày 11.6.1963, sau khi tắm xăng toàn thân, người đã thông thả tiến đến ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, quỳ lại chư Phật mười phương, rồi ngồi tĩnh tọa.

Ngài bắt ấn trước ngực, và thì thầm cầu nguyện. Đoạn ngài ung dung bật lửa, ngọn lửa bùng lên cao ngất bao trùm thân hình Ngài, nhưng Ngài vẫn chấp tay vững vàng như trụ đồng, cho đến khi lửa tàn, ngài mới ngã người ra phía sau, thị tịch. Nhục thân của Ngài được hỏa táng trong lò điện cao độ mấy ngày, mà trái tim đại từ, đại bi của Ngài vẫn nguyên vẹn chẳng tiêu. Từ đó, mình mới biết được pháp danh vị thầy già vô danh năm xưa tại chùa Long Vĩnh là thầy Thích Quảng Đức. Đạo nghiệp của Ngài: xây cất trùng tu hơn 31 tự viện khắp cả miền Nam mà thông dong không dính mắc, định lực vô biên của người hiên ngang trong lửa đỏ, và quả tim bất diệt thiêu đốt chẳng tiêu... là những hình ảnh sáng ngời của sự chứng đắc. Thế mà thuở sanh tiền, Ngài vẫn khiêm cung, giản dị hòa mình trong thế tục, chẳng lộ một chút khác thường, hưởng hồ kiêu căng xưng là Phật, là Bồ Tát như kẻ khác. Và như em cũng biết, anh đã may mắn có dịp theo học những lớp Phật Pháp buổi tối dành cho cư sĩ do thầy Thiện Hoa giảng dạy, tại chùa Ân Quang. Thầy là bậc đạo đức cao tăng đã dâng hiến trọn đời mình cho công cuộc hoằng dương Phật Pháp, đào luyện tăng tài. Dù đã là bậc tôn sư của bao thế hệ tăng ni, mà đối với kẻ sơ cơ, hiểu biết lộn lạo, thắc mắc lằng nhằng như anh, thầy vẫn từ tốn lắng nghe, để thương yêu hướng dẫn. Anh đã tuần tự theo học nền giáo lý căn bản do thầy biên soạn công phu thành một nấc thang giáo lý vững chắc. Ngoài ra anh cũng đón nhận được những bài pháp sống động thể hiện qua nếp sống đạo đức, bình dị, khiêm cung của thầy. Sau mùa Pháp nạn, thầy dân thân giữ trọng trách Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, một chức vụ lãnh đạo cao cấp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, được hàng triệu đồng bào ngưỡng vọng tôn kính. Công việc giáo hội bận rộn đa đoan, mà thầy vẫn không quên chăm lo hoằng pháp. Thầy làm việc không ngơi nghỉ, hi sinh trọn đời cho dân tộc và đạo pháp cho đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời. Và ngay giây phút này, thầy vẫn ban cho anh điều lợi lạc. Ngày đó, sức khỏe thầy nguy ngập, đồ chúng buồn thương, có người không cầm được giọng lệ. Bỗng nhiên thầy tỉnh dậy, an nhiên bảo: “Thầy sắp đi đây. Các con hãy tụng chú đưa tiễn thầy!”. Thế rồi thầy tụng chú vãng sanh, và đồ chúng vội vàng tụng theo cho đến khi môi thầy ngưng động dậy. Thầy rời cõi Ta bà an nhiên, thanh thản, sắc diện tươi tỉnh, miệng phởn phát nụ cười. Anh cảm thấy thân tâm an lạc, và bỗng nhiên niềm tin vô biên vào chánh pháp tràn dâng, khiến anh phát nguyện đời đời kiếp kiếp sẽ không bao giờ thôi chuyên...

Chú Bảy ngưng mấy giây, chậm rãi rõ ràng từng tiếng:

- Em à! Vì vậy cho nên, bây giờ dẫu ai quảng cáo một pháp môn tân kỳ thành Phật chớp nhoáng như thế nào, anh cũng không động lòng. Anh cứ theo con đường chánh pháp của quý thầy giảng dạy mà tiếp tục tu trì...

- Hoan hô anh Bảy! Anh Bảy có quyết tâm như vậy em chịu lắm!

Chú Bảy thoáng giựt mình, dáo dác nhìn vợ không hiểu bà ta lắm cảm hay nổi cơn điên gì, mà mới tức thì thì đã đảo, giờ lại hoan hô. Chú trịnh trọng sờ trán vợ, lo lắng hỏi han:

- Em! em cảm thấy ra sao? Em có bình thường không?

Thím Bảy cười lỏn lẻn, trôi giọng líu lo như thời con gái:

Lêu lêu mắc cỡ! Này giờ người ta giả bộ để thử lòng mà cũng không biết!

- Ô! tui mần cái gì mà bà bày đặt thử lòng thử dạ tui!

- Ông từng có tiền án chạy theo đồng cốt mong cầu đỗ đạt mà khỏi học hành, thì dĩ nhiên tôi phải nghi ông dám mê pháp môn tu tắt thành Phật trong một kiếp chớ sao?

- Ô! vậy mà tui tưởng bà nhẹ dạ yếu lòng dễ tin người chớ?

- Tôi đâu có ham hồ như vậy ông? Phận tui là đàn bà, tuy ít nghiên cứu kinh điển, nhưng tui có cái kinh nghiệm của tui chớ. Cái kinh nghiệm thuần túy đàn bà đó mà. Bọn này đi chợ ai mà chẳng nằm lòng nguyên tắc “Tiền nào của nấy. Của rẻ của hôi”. Món hàng quảng cáo nào đại hạ giá rẻ thúi, dĩ nhiên là đồ dõm rồi, có gì mà phải thắc mắc cho nhọc xác! phải vậy không anh Bảy!

Tháng 6. 1991

[1]- Phật dạy:

- A Nan, ta có dạy các vị Bồ Tát và A La Hán: “Sau khi ta diệt độ rồi, các ông phải thị hiện thân hình, trong đời mạt pháp để cứu độ chúng sanh đang trầm luân, làm thầy sa môn, cư sĩ, vua, quan, đồng na, đồng nữ, cho đến hiện thành đàn bà góa, kẻ dâm nữ, người gian xảo, kẻ trộm cướp, người hàng thịt, kẻ buôn bán, để lẫn lộn trong từng lớp người chung một nghề nghiệp, đặng giáo hóa chúng sanh trở về chánh đạo”. Nhưng các vị ấy quyết chẳng bao

giờ nói: “Ta đây thật là Bồ Tát hoặc A La Hán v.v... hay tỏ ra một vài cử chỉ làm tiết lộ sự bí mật, để cho người ta biết mình là Thánh nhơn thị hiện. Chỉ trừ sau khi mạng chung rồi, các vị ấy mới âm thầm để lại một vài di tích cho người biết thôi”.

(Trích Đại Cương Kinh Lăng Nghiêm – Thượng Tọa Thích Thiện Hoa)

[2]- Pháp môn “Quán Âm” do chính Quán Thế Âm Bồ Tát tự thuật, ghi rõ trong Kinh Lăng Nghiêm như sau:

Khi đó đức Quán Thế Âm Bồ Tát đứng dậy lạy Phật cung kính thưa rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, con nhớ từ hàng hà sa số kiếp về trước, có Phật ra đời, tên là Quán Âm. Con đối trước Phật Quán Âm phát tâm Bồ Đề. Ngài dạy con từ ngời nghe rồi suy nhớ và tu (văn, tư, tu) mà được vào chánh định. Khi mới nghe tiếng, không chạy theo thính trần, xoay cái nghe trở vào chơn tánh (nhập lưu vong sở). Vì chỗ vào đã yên lặng, nên động và tịnh hai món trần cảnh không sanh. Như thế lần lần tăng tấn đến cái nghe và cảnh bị nghe cũng hết. Cũng không trụ vào chỗ hết nghe. Cái biết hết và cái bị biết cũng không còn. Tiềm một bước đến cái “không” và cái “bị không” cũng không còn. Khi cái sanh và diệt đã diệt hết, thì cái chơn tâm tịch diệt hiện tiền.

(Trích Đại Cương Kinh Lăng Nghiêm. TT. Thiện Hoa)

[3]- Kinh Kim Cang:

Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

Thị nhơn hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai

Việt dịch:

Nếu thấy ta bằng sắc tướng

Nghe ta bằng âm thanh

Người này đi đường tà

Không thấy được Như Lai.

[4]- Tên năm vị này chỉ truyền miệng, thề giữ kín. Trong quyển chỉ dẫn cho đệ tử truyền tâm ấn có nhắc nhở việc niệm 5 danh hiệu nhưng không hề hài rõ tên. Danh sách 5 danh hiệu này do đệ tử của Bà Thanh Hải kể, tác giả đã đọc một tài liệu phổ biến và đích thân tác giả được nghe vị khác xác nhận 5 danh hiệu này, cũng như kể rõ cách thức ngồi tu quán âm bí mật.

[5]- Đọc giả có thể đến thư viện chọn sách viết về đạo Sikh, để tìm hiểu rõ tôn chỉ của đạo. Vị thứ tư Xô Hãn (Sohan) là tác giả hai bộ thánh thi Gur.bilās Pātāsāhī 10 và Gur-bilās Chhevin Pātāsābī đầu thế kỷ 19. Vị thứ năm Xát Nam (Sat Nām) là đấng Thượng Đế vô cùng theo tôn giáo Sikh (Sat có nghĩa là chân lý; Nam là chư ờ thiêng liêng để tôn xưng vị Thượng Đế vô cùng tận Akāl Purakh).

[6]- Xin xem phần phụ lục: Lời chỉ dẫn đệ tử đã truyền tâm ấn. Tiết mục: Điều phải nhớ. Điều 14.

[7]- Xem phần phụ lục. Điều 3 và 4

*** Ba trang kế tiếp là phần phụ lục gồm bản nhiếp sao những điều chỉ dẫn dành riêng cho đệ tử truyền tâm ấn của Hội Vô Thượng sư Thanh Hải. Ngoài ra, cũng xin đính kèm bản văn thơ của nhân vật tự xưng là Khâm Mạng của Vô Thượng sư, gởi đến một số chùa tại Cali, để bạn đọc tùy nghinhận định. Tác giả xin miễn góp ý về bản văn thơ này.

---o0o---
Hết